

wasow/
HV 7879
V5 B2+

Ban Dân

TIẾNG NÓI CẢNH SÁT QUỐC - GIA VIỆT - NAM



SỐ 40

Ngày 15-6-1963

<https://trienh.hopto.org>



BẠN DÂN

Tòa soạn :

241, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24.822/95

Giám-đốc chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

Quản-lý : Đặng văn-Đức

✱

Bìa trước :



Một bộ môn mới trong
ngành C. S. Q. G.
Huấn luyện và sử dụng
chó trinh-sát

(Ảnh : VĂN-THÔNG)

Trong số này :

- * Cảnh-sát Quốc - gia với đại cuộc cách mạng dân tộc BẠN-DÂN
- Thẻ giới có gì lạ ? Trung-Đạo
- * Một bộ môn mới trong ngành Cảnh-sát quốc.gia : Huấn luyện và sử-dụng chó trinh-sát Trương-v-Ký
- Vì lợi ích quốc.gia người xưa đã nghĩ đến việc « di dân lập ấp » P.N.K.
- * Vài khía cạnh của kỹ.thuật xem xét tài liệu N. c. Chánh
- Tâm lý người quy - chánh trình diện ở cơ-quan Cảnh-sát quốc.gia Bồ Giang
- * Cái học tâm đắc của Khổng-Minh Trần đ. Khải
- Gián.điệp Nga.Sô.Việt Bạch - Y
- * Ban hình-cảnh lưu động đặc biệt của Sở Cảnh-sát Đông.Kinh Nguyễn - Đại
- Bảo Cổ Thần Kinh Bao-la cư.sĩ
- * Làm phúc phải tội Ng. v. Ích
- Việc Công - an Liên.bang Hoa Kỳ (tiếp theo) : Đảng cuồng sát N. v. Hội
- * Gián - điệp và phản - bội trong thế chiến II (tiếp theo) N. T. H.
- Hội kín Ku-Klux-Klan M. V. 21
- * Chết cả tâm-hồn (tiếp theo) Vân Anh
- Phép toán lạ P. N. Khuê
- * Tầm áo bạc triệu Ph. c. Thành

GIÁ BẢO

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở liên lạc với TÒA - SOẠN BẠN - DÂN Bưu phiếu, chi phiếu, ngân phiếu, đề tên ông Quản lý : Đặng - văn - Đức 241, Đại - lộ Cộng - Hòa — Saigon

✱

Cấm trích dịch, phỏng đăng vào sách báo ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép : Số 26 - BTT/NĐ ngày 17-2-60

In tại Chấn-Hưng 742. Phan-Thành-Giản — Saigon

Bìa sau :



Thời chinh chiến

(Ảnh : Mạnh Đan)

THÔNG - CÁO

CHO TẤT CẢ CÁN - BỘ CÁC NGÀNH

⊕ *Đối với vấn đề Tôn giáo trong lãnh thổ Việt-Nam, Chánh-phủ Việt - Nam Cộng-Hòa xác nhận quan điểm như sau :*

1) *Tất cả cán bộ phải triệt để tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tự do truyền giáo đã được ghi trong Hiến-Pháp (điều 17) miễn là việc sử-dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục cùng không phương hại đến nền an-ninh công cộng.*

2) *Tất cả cán bộ chỉ có thể khuyến khích những cá nhân, nhóm hay đoàn thể tư nào trực tiếp và tích cực tham gia vào cuộc Tranh-Đấu của Dân-Tộc đánh chận tiến, chia rẽ và Cộng-sản do Ngô Tổng - Thống lãnh đạo, không thiên vị, không phân biệt màu sắc triết lý hay tôn giáo.*

3) *Quốc-kỳ tượng trưng cuộc Tranh-Đấu toàn diện, toàn dân, toàn quân, để bảo vệ sự sống còn và tự do của Dân tộc (trong đó có sự sống còn và sự tự do của tất cả mọi người dân Việt kể cả các giáo đồ).*

Nói cách khác, trong Quốc-Kỳ đã có các đoàn kỳ sống trên đất Việt. Vì thế mà trong các cuộc sinh hoạt công khai của Dân Việt, dù là cá nhân, gia đình hay đoàn thể, Đại-Kỳ phải là Quốc-Kỳ.

Tất cả mọi người Dân Việt có bổn phận thiêng liêng phải tôn trọng quý mến và hy sinh tánh mạng để bảo vệ Quốc-Kỳ, nghĩa là để bảo vệ sự sống còn, tự do và tương lai của Dân tộc vì Dân tộc còn, các cá nhân, các đoàn thể các tôn giáo mới còn.

4) *Khi quy định thể thức treo Quốc - Kỳ và đạo kỳ, Chánh phủ chỉ muốn nhắc nhở Quốc-Kỳ là tượng trưng cho chánh nghĩa, là kết tinh ý-chí đấu-tranh toàn diện, toàn dân, toàn quân, Chánh phủ không hề có nghĩ phân biệt đối xử với bất cứ tôn giáo nào.*

5) *Đối với các Dân tộc và đoàn thể quốc tế, Nhân Dân Việt - Nam hết lòng biết ơn họ nếu họ trực tiếp và tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh của Dân tộc Việt-Nam đang đương đầu với Đế quốc Cộng-sản, còn những đoàn thể quốc-tế nào không có giúp đỡ dân ta một chút gì cả, trong lúc nhờ sự hy sinh của ta mà họ mới hưởng an lạc, thì nhân dân Việt-Nam yêu cầu họ đừng xen vào việc nội bộ ta và nếu họ xen vào nội bộ ta thì nhân dân Việt - Nam sẵn sàng đối phó.*

6) *Những cán bộ địa phương nào đã đi sai đường lối trên, đã có những thái độ thiên vị hoặc không có lập trường vững chắc, thì phải sửa sai.*

CẢNH - SÁT QUỐC - GIA

ười

SỐ T trong nhiều năm, từ ngày nước nhà thu hồi độc-lập, ngành Công-An Cảnh-Sát Việt-Nam Cộng-Hòa không lúc nào xao-lãng nhiệm vụ bảo vệ luật pháp quốc-gia, ngăn ngừa, trừng trị phạm pháp, gìn giữ an ninh, trật tự công cộng.

Khắp nơi, ở đâu có bóng dáng đồng bào, có sinh hoạt xã-hội là có bóng dáng người Công-an Cảnh-sát, hoạt động riêng, hoặc phối hợp cùng các cơ quan Quân Chính để phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước. Người Công-an Cảnh-sát, có sắc phục hay không, đã từng bao phen chứng tỏ không nề gian lao, nguy hiểm, từ thành thị đông đúc đến nơi đèo heo hút gió hay bùn lầy rừng rậm. Đã có biết bao chiến sĩ vô danh của ngành CACS hy sinh vì đại nghĩa.

Trước hiềm-họa Cộng-sản, trong cuộc đấu-tranh một mất một còn với những kẻ thù của Dân tộc, ngành Công-an Cảnh-sát, cũng như bao nhiêu bao ngành hoạt động khác của Quốc-gia, luôn luôn đề cao cảnh giác và đồng loạt được chỉnh đốn kịp thời để tiến lên đáp ứng nhu cầu của tình thế.

Ngành Công-an Cảnh-sát, qua thực tế công tác và qua học tập liên tục, đã thấm nhuần ý thức đấu tranh. Ý thức ấy lại được bồi đắp và thúc đẩy mạnh hơn sau khi Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ban hành sắc lệnh số 146-NV ngày 27.6.62 cải tổ ngành Công-An Cảnh-sát, sáp nhập toàn bộ Cảnh-sát và Công-An Quốc-Gia, Cảnh sát Đô-thành, Cảnh-sát Thị-xã và Cảnh-sát Hương - thôn thành một ngành thuần nhất là Ngành « Cảnh-Sát Quốc-Gia ».

Sự cải tổ đã quy định cho ngành Cảnh-Sát Quốc - Gia nhiều trách - vụ tế nhị và quan trọng, đòi hỏi ở toàn thể viên chức của Ngành những kiến thức rộng rãi và khả năng chuyên môn dồi dào. Nó cần có « thời gian » để được hoàn mỹ cũng như kinh nghiệm đã cho thấy ở những tổ chức Công-An Cảnh-Sát của các nước tiền tiến là họ phải trải qua nhiều chục năm, có khi gần cả nửa thế kỷ mới xây dựng được hoàn hảo như ngày nay.

Tuy nhiên, trong giai đoạn khắt trượng của Đất Nước, với ý thức đấu tranh và tinh thần nhiệm lao, nhiệm oán, thiện thủy, thiện chung, từ một năm nay, ngành « Cảnh-Sát Quốc-Gia » đã vượt qua mọi khó khăn, vừa hoàn bị tổ chức vừa cải tiến kỹ thuật chuyên môn song song với sự tu rèn đạo đức, tác phong của nhân viên các cấp để tích cực hòa mình trong cuộc đấu tranh toàn diện và toàn dân ngày nay.

Người Cảnh-Sát Quốc-Gia bất cứ trong hoàn cảnh nào — và lúc này hơn bao giờ hết — luôn luôn biểu-dương một ý-chí cương quyết dứt khoát từ-tưởng và hành động, gạt bỏ mọi thành kiến vị kỷ, cá nhân, sẵn sàng thi-hành nghiêm-chỉnh mọi mệnh lệnh của Chánh-phủ. Với tinh thần vô tư, xem mọi công dân đều bình-đẳng, không phân biệt tôn giáo, không thiên vị bất cứ cá nhân nào, người Cảnh-sát Quốc-gia chỉ biết có nhiệm-vụ bảo vệ luật pháp ; kẻ nào vi phạm luật pháp, coi thường luật pháp, người Cảnh-sát Quốc-gia có bổn phận ngăn chặn và đối phó.

Cuộc đấu tranh còn dài, còn lắm gay go quyết liệt thì sẽ còn những dịp thử thách tinh thần phục vụ, đức hy sinh và lòng thành tín, trung kiên của Cảnh-Sát Quốc-Gia trong đại cuộc cách mạng Dân-Tộc.

ĐẠI
CUỘC
CÁCH
MẠNG
DÂN
TỘC

BẠN-DÂN

họ hát vang bài hát « Chúng tôi sẽ thắng ».

— Khía cạnh quan hệ của vấn đề kỳ thị chủng tộc tại Hoa-kỳ hiện nay là phong trào tranh đấu bắt bạo động tại tiểu bang Alabama. Người da đen khắp nơi nổi lên đòi hỏi được đối xử không phân biệt màu da, do đây mà phong trào này không còn giới hạn tại một vài tiểu bang và chỉ được giải quyết trong khuôn khổ luật lệ địa phương như trước kia. Đúng như như nhà bình luận thời cuộc danh tiếng Walter Lippmann đã nói :

« Từ trước đến nay đối với vấn đề kỳ thị chủng tộc, Quốc-Hội cũng như Chính-Phủ Liên-bang không làm gì cả Việc củng cố Hiến-Pháp lại để cho sáng kiến của các tổ chức người da đen hay những người da trắng thân thiện của họ Không có một chính sách toàn quốc, cũng không có một kế hoạch hay chương trình quốc gia nào đã được áp dụng để dần dần thay đổi một cách hợp pháp và hiệu quả cơ cấu xã hội tại phần lớn quốc gia ».

Tổng-Thống Kennedy hiện nay đã đưa vấn đề này ra trước Quốc-Hội và có lẽ người ta đang tìm biện pháp giải quyết nó trên cấp bậc liên bang hầu ngăn cản kịp thời phong trào tranh đấu chống kỳ thị chủng tộc đang bành trướng khắp nơi.



Tổng - Thống Kennedy
và Thống Đốc Wallace

Thế giới có gì lạ ?

KỶ THỊ CHỦNG TỘC TẠI HOA KỲ

Từ ngày thế chiến II chấm dứt đến nay, từng chấp vấn đề kỳ thị chủng tộc tại Hoa-Kỳ lại nổi lên, chứng tỏ nhiều tiểu bang của cường quốc này vẫn còn duy trì nhiều biện pháp phân biệt màu da. Vụ lộn xộn hồi năm 1958 tại thành Oxford tiểu bang Mississippi, vụ ngăn cản sinh viên da đen Meredith không cho nhập học tại một trường đại học tiểu bang này đã làm cho dư luận trong nước và thế giới sôi nổi một dạo và đến nay thì phong trào biểu tình bắt bạo động của người da đen tại thành phố Birmingham tiểu bang Alabama bùng nổ và đang lan rộng sang các tiểu bang khác của miền Nam và miền Bắc Hoa-Kỳ. Trong số lãnh tụ da đen cầm đầu phong trào đấu tranh chống kỳ thị chủng tộc này có nhà truyền giáo da đen Martin Luther King Jr được biết đến nhiều nhất cũng như người da trắng đã quyết định đàn áp phong trào đấu tranh bắt bạo động này là ông George Wallace, Thống-Đốc Tiểu bang Alabama. Vấn đề này đã trở thành một mối lo ngại lớn lao cho chính quyền liên bang và Tổng Thống Kennedy đã can thiệp ngay bằng cách quyết định đưa đến tiểu bang Alabama 3000 binh sĩ để giữ gìn trật tự, đồng thời Bộ-Tư-lương Tư-Pháp là Robert Kennedy cũng gửi một

công chức cao cấp của Bộ là Buker Marshall đến tiểu bang này vận động cuộc điều giải giữa hai phe trắng đen. Trong lúc ấy Thống-Đốc George Wallace đưa đơn kiện chính-phủ liên bang đã vi phạm hiến pháp với hành động đưa quân đến can thiệp vào nội bộ của tiểu bang. Tội Cao Pháp Viện đã phán quyết và bác đơn của Wallace đồng thời cũng bác hết các vụ kết án người da đen biểu tình của các tòa án tiểu bang miền Nam và kết án lại các biện pháp kỳ thị chủng tộc của các tiểu bang này. Các cuộc biểu tình bắt bạo động tiếp diễn, thỉnh thoảng có cuộc đàn áp và bắt bớ, khủng bố ; các khám đường chật ních người da đen ; hết người lớn đến trẻ con cũng biểu tình và bị bắt. Trường học đóng cửa, không cho trẻ em da đen đến học, nhiều cuộc xung đột giữa da đen da trắng liên miên xảy ra. Tại thành phố Greensboro tiểu bang Caroline du Nord, người ta phải lấy bệnh viện để làm khám đường giam giữ người biểu tình da đen. Các cuộc thương thuyết giữa hai bên da trắng và da đen không đưa đến kết quả. Tổng Thống Kennedy thân hành đến viếng Tiểu-bang Alabama và gặp riêng Thống Đốc Wallace. Tội cao pháp-viện Hoa-Kỳ can thiệp càng ngày càng mãnh liệt và tình hình chung có mùi yên tĩnh trở lại. Người da đen có vẻ tin tưởng sự thắng lợi cuối cùng,



Martin Luther King Jr
Lãnh tụ da đen

Tổng - Thống Hoa - Kỳ đã tỏ ra cương quyết hành động để dẹp tan bọn người chủ-trương kỳ-thị chủng tộc ở các địa phương. Tổng-Thống hy-vọng một phong trào toàn quốc nhằm « điều giải chủng tộc » sẽ ngăn cản những vụ bạo động về chủng tộc trong mùa hè này.

Với go đạo dự luật đưa ra Quốc Hội để giải quyết nạn phân biệt chủng tộc chứng tỏ rằng chính quyền Kennedy muốn giải quyết toàn bộ vấn đề một cách dứt khoát, chứ không phải chỉ giải quyết tạm thời ở một khía cạnh nào thôi.

THỐNG NHẤT PHI-CHÂU ?

Một trong các biên cớ thề giới to lớn nhất hiện nay là các nước Phi châu đang cố gắng kết hợp thành một khối. Tại Thủ-Đô Addis Abeba của xứ Ethiopie hội nghị thượng đỉnh của 30 quốc-gia Phi-Châu được tổ chức. Đây là lần đầu tiên các quốc-gia Phi-Châu, vừa giành được độc lập sau thế chiến II, đã đi đến một hội nghị to lớn như thế. Hội nghị này nhằm mục đích đi đến việc ký kết một bản « liên-chương của lục địa Phi-Châu » hay ít nhất cũng một dự án thống nhất các quốc gia Phi-Châu. Người ta nhận thấy hai khối chống đối nhau trong hội nghị : Khối Monrovia là khối ôn hòa gồm các nước Nigéria, Libéria,

Sierra Leone, Ethiopia, Congo Bì và một số quốc gia cựu thuộc địa Pháp và khối Casablanca là khối « Cách-mạng » gồm có các quốc gia Ghana, Guinee, Mali, Maroc, Algérie và Ai-cập. Hội-nghị đã đề cập đến các vấn đề chính trị, kinh-tế, xã hội nhằm thống nhất Phi-Châu. Vấn đề thành lập khối Thị-trường chung Phi-Châu, vấn đề định một chính sách chung chống chế độ thuộc địa hiện còn tại vài quốc gia như : Angola, Mozambique, Nam-Phi, cũng được đề cập.

Ý kiến thành lập khối thống nhất Phi-Châu thật là táo bạo, vì kinh nghiệm thống nhất các nước Tây Âu trong khối Thị-trường chung đã chứng tỏ gặp phải nhiều trở ngại hầu như không vượt qua nổi. Phần đông các quốc gia Phi-Châu đều còn trong tình trạng chậm tiến, nghèo khổ, thiếu thốn mọi phương tiện kỹ thuật. Người ta không thể bằng một gạch viết, xóa bỏ ý nghĩa của Tổ quốc khi người ta đã đổ không biết bao nhiêu máu để giành lấy nó. Tuy vậy các quốc gia Phi-Châu đều có hoàn cảnh tương đối khá thuận nhất và với những tâm lòng nhiệt thành cùng với thời gian, người Phi-Châu có thể tiến dần đến một hình thức đoàn kết nào đó có hiệu nghiệm đưa dân tộc Phi-Châu đến địa vị ngang hàng với dân tộc các châu khác.

CUỘC TRANH CHẤP NGA - SÔ - TRUNG - CỘNG.

Tháng 7 tới đây sẽ có cuộc hội đàm hoà giải giữa Trung-Cộng và Nga-Sô.

Không biết cuộc hội đàm hoà giải này sẽ đưa đến kết quả nào trong lúc tình hình vẫn căng thẳng giữa họ Mao và họ Kút. Cuộc công du của Castro vừa qua tại Nga-Sô chứng tỏ Kút-Xếp đã thắng Trung - Cộng trong việc giành ảnh hưởng tại nước Cuba bé nhỏ này. Castro được tiếp rước vô cùng trọng

hậu, được đứng bên Kút - Xếp trong cuộc diễn binh vĩ đại ngày 1 tháng 5 vừa qua, nơi dành cho các vị chúa đồ từ xưa đến nay. Castro lúc trước đã từng công kích Kút-Xếp trong việc rút hòa tiền và binh sĩ Nga về nước, nay trở lại ra về thần phục Nga số, như vậy chứng tỏ Cuba vẫn cần Nga hơn Trung - Cộng. Trong lúc ấy, Trung-Cộng lại ve vãn các chư hầu Cộng-sản Đông-Nam-Á. Đảng Cộng-sản Tân-Tây-Lan đã cùng Cộng-sản Trung-Hoa ký kết tuyên ngôn chung lên án chính sách xét lại và sông chung với các nước Tây Phương. Cuộc ve vãn Nam-Tur của Kút-Xếp cũng là một đòn của Nga-Sô kêu khích Trung-Cộng. Nếu Nam-Tur siết chặt hàng ngũ với Nga-Sô, nước bé nhỏ An Ba Ni thân Trung-Cộng kia liệu có đứng vững không ? Với các việc này, cuộc hòa giải tháng 7 tới đây liệu có đưa đến kết quả nào không ?

NASSER VỚI CỘNG-HÒA Á RẬP THỐNG NHẤT.

Chưa hợp đã tan. Số phận của Cộng-Hòa Á-Rập Thống-nhất sao mà long đong thê ? Các cuộc cách mạng lật đổ chính quyền liên tiếp xảy ra ở Yemen, I-rắc rồi Si-Ri, tiếp theo là cuộc hội hợp tay ba Ai-Cập, Si-Ri và I-Rắc để đặt căn bản cho việc kết hợp thành một Liên-bang Á-Rập. Liên bang này sắp được thêm Yemen và An-giê-Ri, nhưng tình

(xem tiếp trang 64)



Castro và Kroutchev tại Mạc-Tur-Khoa

MỘT BỘ MÔN MỚI TRONG
NGÀNH CẢNH - SÁT QUỐC - GIA

HUẤN LUYỆN và SỬ DỤNG



Huấn luyện chó tấn công

chó trinh - sát

★ TRƯƠNG - VĂN - KÝ

NÓI đến chó, người ta hình dung đến con vật 4 chân thân yêu nhất của người, chuyên môn giữ nhà và luôn luôn trung thành với chủ.

Nhận xét được sự thông minh của chó hơn các loài vật khác, người ta huấn luyện nó trở thành những tên quân thám thính cảm tử, mang thư liên lạc, cứu thương binh, hướng dẫn người mù, tìm mìn, nha phiến, các loại quốc cấm, tên lính canh gác các tiền đồn, doanh trại, cơ xưởng, hay truy tầm các thủ phạm giết người cướp của.

LỊCH-SỬ CHÓ TRINH-SÁT QUA CÁC QUỐC-GIA BẠN VÀ CƯỜNG QUỐC

Không phải đến bây giờ người ta mới biết sự lợi ích của chó, mà nghìn xưa, trước Tây lịch kỷ nguyên, người Ai-Cập đã biết dùng chó để mang thư từ địa điểm này đến địa điểm khác để thông tin và liên lạc với nhau, hay dùng chó để đánh nhau. Chó được võ trang có mang vòng cổ có gắn đinh nhọn, hay những thiết bảo để ra trận. Ngoài ra họ còn dùng chó để đi săn bắn hay mang đạn được.

Tại Pháp, trước thế kỷ 14, người ta đã dùng chó

để canh gác các miền duyên hải, như tại St. Malo, và đem lại nhiều kết quả rất mỹ mãn.

Tới năm 1895, Cảnh-sát Ba-Lê mới bắt đầu thành lập đơn vị chó trinh sát nhưng kỹ thuật huấn luyện cũng như chuyên viên đều nhờ Trung-Tâm Greenheide ở Đức giúp đỡ. Loại chó thông dụng nhất thời kỳ này là German Shepherd dog (chó chăn cừu Đức) và Doberman Pinscher của Đức quốc.

Năm 1899, ở Ghent (Bi) cũng có thiết lập một trường huấn-luyện chó được thế giới nhìn nhận khá nhất qua các loại chó chăn cừu Đức và Wolf Hound.

Năm 1907, ở Mỹ, chó mới bắt đầu xuất hiện tại Nữ-Uớc, do sáng kiến của ông Giám-Đốc Cảnh-sát thành phố cho người tình nguyện sang Ghent để theo học khóa huấn-luyện chó, và sau đó có mang về nước 6 con khuyến tinh nhuệ.

Năm 1910, thành phố Glen Ridge của tiểu bang New Jersey cũng bắt đầu có chó nhờ mua lại hai con của Cảnh-sát cuộc Nữ-Uớc. Đến giờ, toàn thể Mỹ quốc gồm có 24 Cảnh-Sát cuộc sử dụng chó trinh sát, được nổi tiếng nhất là Sở Cảnh-Sát Baltimore, St. Louis, Florida, New York, Atlanta, Géorgia.

Năm 1958 Sở Cảnh-sát St. Louis có gửi 5 nhân viên sang Anh thụ huấn khóa huấn luyện tại Luân-Đôn trong 14 tuần.

Riêng Cảnh-sát Baltimore cũng như tại Hoa-Thịnh-Đôn, thủ đô Hoa-Kỳ, có ông Cahill là cựu huấn luyện-viên ở Anh quốc phụ trách huấn luyện. Ông này là một sĩ-quan kỳ cựu của Anh đã hưu trí và sang Mỹ lập nghiệp được 5 năm, và hiện nay còn phục vụ tại Sở Cảnh-sát Thủ-đô Hoa-Kỳ, với số lương bổng hàng năm là 8000 Mỹ-kim vị chi lời 650 Mỹ-kim một tháng, tính theo hồi xuất tự do thì lời 48 750đoo. Việt-Nam.

Ngoài ra, Mỹ còn có Trung-tâm huấn luyện quân-khuyến ở Lackland Air Force (Texas), gồm có lời 5.000 chó thường xuyên được huấn luyện để gửi ra hải ngoại cho các đơn vị quân đội Hoa kỳ và giúp các quốc-gia nhược tiểu trong công cuộc chống du-kích chiến và bảo vệ an ninh cơ sở của Mỹ.

ĐƠN VỊ KHUYẾN CỦA CẢNH-SÁT CUỘC LUÂN ĐÔN

Phương pháp huấn-luyện và kỹ thuật của Cảnh-sát Luân Đôn cũng giống như Greenheide ở Đức. Đơn vị này ở tại tỉnh Kingston-Kent, cách xa Luân-Đôn 18 dặm Anh. Theo bản thống kê cho biết, năm 1958, chó trinh sát đã giúp Cảnh-sát thành phố bắt được 1850 vụ và tìm được 36 người mất tích. Một thành tích đáng ca ngợi. Tại công viên Hyde Park là sân khấu của các vụ móc túi, cướp của giết người, giật bóp của những tên bắt lương đã phải nhờ đến sự tuần tiểu thường xuyên của chó trinh sát qua các đường con, ngõ hẻm, bụi rậm, nơi quân gian dùng ẩn nấp hay đào tẩu. Sau nhiều lần tuần tiểu, bỏ rập, công viên Hyde Park không còn là nơi an toàn cho bọn thảo khấu dung thân và hành nghề nữa. Tại Âu-Châu người ta nói một con chó có giá trị bằng 7 người trong công cuộc đàn áp biểu tình, kiểm soát các đám đông, hay giữ tội tùy theo lệnh của chủ.

Tại Anh quốc từ ngày thành lập đơn vị khuyến cho đến nay, chưa có xảy ra lần nào chó cắn oan người, kể ra cũng một thành công và hãnh diện cho ngành Cảnh-sát Anh quốc.

CÁCH THỨC TUYỂN DỤNG CHÓ TRINH SÁT

Về chó làm việc chỉ có mấy loại sau đây được thông dụng : German Shepherd dog (chó chăn cừu Đức) Labrador, Doberman Pinscher, và Collie.

Thông thường người ta lựa chó để huấn luyện từ một đến 3 tuổi. Trước 1 tuổi thì còn nhỏ, ham chơi, còn quá tuổi thì già mất hăng hái, lại sanh nhiều chứng tật và khó dạy hơn.

Bé cao : từ 57 phân sắp lên (kể vai trước) không phân biệt đực hay cái. Song tại Mỹ người ta không dùng chó cái để làm trinh sát, chỉ chó đực mà thôi. Riêng quân đội thì có dùng, nhưng phải thiến. Còn ở Anh họ dùng chó cái mà không thiến để theo dấu, nhận dạng, tìm vật, vì chó cái bản tính nó như đàn bà nhu mì hơn và kém hung hăng hiếu chiến, nên dùng vào việc kẻ trên rất hợp lý.

Cân nặng : từ 27 ký sắp lên.

Lông thì màu đen, và đen lửa (feu noir) hay màu xám. Riêng màu trắng và màu bạc thì không dùng được vì dễ trông thấy khi màn đêm phủ xuống.

Chó phải có răng đầy đủ. Đầu to, mõm dài như hình tam giác. Mắt sáng màu nâu nhạt. Mõm kín, khép lại không trịch qua một bên. Cổ ngắn to, vai trước cao hơn vai sau, đuôi dài chằm nhượng; ngực nở. Chân trước thẳng, chân sau cong.

Chó bên Mỹ và Anh thường đặt mua ở Đức, hay của tư nhân tặng. Giá mỗi con khi chưa huấn luyện từ 100 đến 150 Kỳ-kim. Nhưng khi chó được huấn luyện rồi thì giá mỗi con đến 1000.

CÁCH THỨC TUYỂN DỤNG CHỦ CHÓ

Trước nhất chủ chó phải là người tình nguyện và thật lòng triu mến chó, yêu súc vật. Ít lắm phải có 1 năm trong nghề Cảnh-sát, trẻ và có đầy đủ sức khoẻ, có hạnh kiểm tốt.

Bên Mỹ muốn làm chủ chó phải có sự thoả thuận của vợ và láng giềng. Nhà phải có phương tiện làm chuồng chó và có chỗ cho chó vận động rong chơi. Sau hai tuần làm chủ chó, chồng và vợ được cấp trên mời đến phòng vẫn lại thử coi có chuyện gì thắc mắc hay không, sau khi gia đình này có thêm người bạn mới. Điều cấm ngặt là chủ nhà không được nuôi con chó nào khác hơn là chó của sở giao cho làm chủ.

Huấn luyện chó nhảy rào



Ngoài ra chủ chó cần có những đức tính sau đây để huấn luyện chó như : thông minh, kiên nhẫn và tận tâm, dẻo dai và dồi dào khả năng.

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

Chương trình huấn luyện gồm có :

- 1) — làm quen với chó và cơ bản thao diễn,
- 2) — theo dấu
- 3) — tấn công
- 4) — lục soát.

Về điểm làm quen với chó và cơ bản thao diễn (familiarization and obedience training) gồm có những khẩu lệnh căn bản sau đây :

I) Có dây dắt

- a) Sát chân (heel)
- b) Ngồi (sit)
- c) Nằm (down)
- d) Yên (stay)
- e) Đến (come)
- f) Nhảy (jump)

II) Không dây dắt

- a) Sát nhân (heel)
- b) Ngồi (sit)
- c) Nằm (down)
- d) Yên (stay)
- e) Đến (come)
- f) Nhảy (jump)

Trước khi làm chủ chó, người và vật phải có một thời kỳ làm quen với nhau. Nhưng làm quen bằng cách nào ? Đây cũng là một nghệ thuật. Tôi được xem nhiều chủ chó chưa nắm được chó thì đã bị chó cắn, vì thế đâm ra nhát gan bỏ luôn mộng làm chủ chó.

Muốn làm quen với chó, cần phải biết tên nó. Khi chó ở trong chuồng muốn lại làm quen với nó, ta nên gọi tên nó trước thử coi phản ứng nó thế nào. Thường thường chó nghe người kêu trùng tên nó là phản ứng ngay bằng cách quất đuôi, mừng, hay vênh tai lên, mặt hướng về người kêu. Khi ấy ta tiến lại gần, nắm chặt cườm tay lại đưa cho nó ngửi và gọi lại tên nó như có sự triu mến. Chó nằm trong chuồng buồn nên nên thích làm quen, khi được người gọi tên nó rất thích. Cứ như thế làm nhiều lần, tức nhiên chó có thiện cảm với mình. Khi đến giờ ăn, mình mang cơm lại cho nó ăn uống ; dần dần quen, mình bắt đầu thân thiện bằng cách gãi đầu, gãi tai nó. Sau đó, mình có thể trống cổ da và dắt chó ra ngoài đi dạo vài vòng để làm quen, và bắt đầu từ đó đã có một người bạn chí thân 4 chân, luôn luôn sát cánh bên mình trên mọi lãnh vực, và sẵn sàng bảo vệ chủ và gia đình của chủ đến hơi thở cuối cùng.

NGUYÊN TẮC HUẤN-LUYỆN

Việc huấn luyện chó trình sát không có gì khó khăn hay bí quyết cả, còn dễ hơn huấn luyện người, vì người có lý trí hay làm theo sự phán đoán của mình, trái lại, loài vật chỉ làm theo mệnh lệnh của chủ, và triệt để vâng lời chủ để làm cho chủ vui lòng. Sự huấn luyện có được kết quả hay không cũng tùy theo khả năng của chủ. Người ta thường nói : « chủ nào tớ nấy ». Nếu chủ sẵn si dẫn dắt thì dù muốn hay không chó cũng phải chịu ảnh hưởng phần nào. Có nhiều chó thông minh, gặp phải anh chủ dẫn dắt, cũng không thấu hiểu được kết quả theo ý muốn, nhà trường hay ban huấn luyện đánh phạt; tìm cách đối chủ để phù hợp với chó.

Về cách thức huấn luyện cơ bản thao diễn hay tập cho chó vâng lời gồm có những **khẩu lệnh** và **hiệu lệnh**. Khẩu lệnh phải hô cho rõ ràng và ngắn cho chó dễ hiểu, và phải lặp lại nhiều lần đến khi nào chó hiểu mới thôi. Khẩu lệnh và hiệu lệnh phải phối hợp với nhau, đến khi nào chó thuần rồi, không cần hô khẩu lệnh nữa, mà chỉ đưa tay ra một



Huấn luyện chó đi cầu khi

hiệu lệnh nhẹ nhàng chó cũng hiểu mà thi hành.

Phần cơ bản thao diễn phải tập cho kỹ càng, sau qua phần chuyên môn chó mới tiến xa được. Trong thời gian huấn luyện chủ không nên đánh chó khi lầm lỗi, mà chỉ sửa trị bằng cách hô « không » (No) cho nghiêm nghị và giục dây dắt, để chó hiểu lần sau khỏi phạm. Cũng như khi chó làm đúng, chủ khen nó giỏi bằng cách vỗ vai trước nó hô « giỏi, giỏi », để tán thưởng nó, để lần sau nó thích.

Theo Anh, mỗi khi chó làm giỏi, chủ thưởng cho nó miếng ăn như khô thịt ngựa hay bánh ; trái lại, Mỹ huấn luyện chó không bao giờ cho ăn, vì họ nói làm như thế chó sẽ quen, và khi đi công tác thức ăn đâu có sẵn mà cho nó ăn, thành thử chó đâm ra lười và chệnh mảng.

Lắm lúc chó cũng làm trật, một là vì nghe khẩu lệnh nhầm, hai là vì mệt sanh lười, không thích làm nữa. Chừng đó chủ cần phải tìm hiểu chó, cho nó nghỉ xả hơi và hô khẩu lệnh lại cho rõ ràng, không nên đánh vì đánh nó đâm ra sợ mình và không thích hợp tác nữa, chó sẽ khó dạy.

Khi chó thi hành những khẩu lệnh **sát chân**, **ngồi**, **nằm yên**, **đến**, **nhảy** không đúng, chủ phải sửa liền, để lâu không sửa, chó thành thói quen, và tật xấu.

Sau phần cơ bản thao diễn, chó bắt đầu tập về chuyên môn như :

THEO DẤU

Huấn luyện chó theo dấu là để tìm bắt can phạm sau vụ án hay những kẻ mất tích, bằng cách cho chó ngửi hơi những đồ vật của can phạm để lại tại phạm trường như giấy, dờ, quần, áo, khăn, mũ, hay vũ khí, v. v...

Cách thức luyện chó theo dấu

Trước hết để giúp chó hăng hái và có ý thức trong cuộc theo dấu, người ta chọn chủ nó làm mối đi trốn để

chó tìm. Khi ra đi, người mới để tại mức khởi hành một món đồ của mình dùng hàng ngày như chiếc khăn mùi-xoa, hay chiếc nón chẳng hạn. Người mới đi chậm, chân kéo lết trên mặt đất hay cỏ, đồng thời đem theo một sấp giấy nhỏ chà xát vào tay cho có hơi, để rắc trên đường đi, cách khoản lối 15 hay 20 thước, nhất là ở ngã tư đường.

Người mới qua các cua, nhớ đi chậm lại, chân chà xát để giúp chó dễ đánh hơi. Lúc bắt đầu tập, cho người mới đi lối 200 thước, sau dần dần cho đi xa hơn, có thể lên 2.000 thước.

Khi lên đường

Về chủ chó, trước khi chó đi công tác về theo dẫu, chủ phải thay vòng dây cổ bằng vòng dây, để chó được thông thả và nhiều tự do. Ngoài ra chủ còn phải đổi dây dắt dài lối 10 thước.

Khi khởi hành chủ cho chó « ngồi », cho chó ngửi món đồ của người đi ăn, rồi bảo chó « đi ». Trên đường đi, chó đánh hơi người qua đầu giấy, đầu chân, qua mặt cỏ bị chân người dẫm lên hay do mồ hôi chân xông ra. Và mỗi lần chó gặp những miếng giấy của người đi bỏ rơi, chủ bảo nó ngửi, cho đến khi nào chó đi trúng đường, chủ khen nó « giỏi, giỏi ».

Khi chó đi nhầm đường, hay ham chơi, bằng cách chạy thẳng giỡn, chủ phải hô « không » cho nghiêm nghị, chứng tỏ với chó là mình không bằng lòng về những hành động của nó, và kéo nó về, cho « ngồi » lại, rồi cho « đi », « ngửi ». Lúc chó tìm được người mới, chủ bảo chó sủa và khen chó giỏi, bằng cách vỗ mạnh vào vai trước nó, hay cho nó miếng ăn để thưởng công.

Chó tìm được người nhanh hay chậm là tùy theo thời tiết tốt hay xấu và tốc độ của chiều gió. Năng, khó

quá không tốt, mưa nặng hột cũng không hay, và cũng còn tùy theo vết cũ, hay mới, nghĩa là người mới mới đi hay đã đi lâu rồi.

Cứ như thề tập mãi, lúc đầu gần với vết mới, sau xa với vết cũ, cho chó quen đến khi hoàn thành phần huấn luyện.

Chủ chó nên lưu ý

Khi dắt chó đi tìm người, chủ chó cần tập trung ý chí và tư tưởng mình để phối hợp cùng chó vào công tác, luôn luôn theo dõi và tìm hiểu phần

ứng chó. Không nên cho chó chơi dọc đường.

CÁCH THỨC HUẤN LUYỆN CHÓ TẤN CÔNG

Chó chuyên về tuần tiểu, tấn công, người ta thường tuyển lựa những con chó được giấu tính hiền chiến, sau khi trải qua phần huấn-luyện cơ bản thao diễn.

Những con chó nhát gan, sau khi trải nghiệm đều bị loại. Chó được dạy tấn công theo khẩu lệnh buông ra hay ngưng tấn công là « thôi ». Lúc đầu tập với dây dắt, sau không.

Những khẩu lệnh tập chó tấn công như sau : « cần nó », « thôi », « nằm », « yên », « coi chừng ». Trước hết chủ đem chó ra ngoài với dây dắt, cho người mang bao tay, tiền lại gần chó trêu chọc và khiêu khích nó. Chó tiền mạnh về hướng người mới bằng cách sủa vang, hai chân trước nhảy chồm lên để xông vào cắn. Người mới cầm bao tay dơ lên, xuống, như để dọa, nhưng khi chó xông đến là rút lui ngay. Cách quây rối này chọc chó hung hăng và giúp tinh thần hiếu chiến chó lên cao, và luôn luôn chó phải là kẻ thắng.

Sau khi tạo cho chó một tinh thần hiếu chiến, chủ cho tấn công người mới mang bộ đồ tấn công vào, hai cánh tay có mang bao tay. Chủ và chó đi tuần tiểu, gặp người mới, chủ kêu đứng lại, người mới bỏ chạy, chủ tháo dây dắt chó ra, và bảo chó « cần nó ». Chó xông vào cắn, người mới đưa tay có mang bao chịu cho chó cắn. Người mới và chó chiến với nhau được vài phút, chủ kêu chó về bảo « thôi », chó vâng lệnh chủ chạy về, và chủ ra lệnh cho chó « sát chân ». Qua đợt tấn công, giờ đến lượt chó giữ tội.

Khẩu lệnh « coi chừng » mục đích để chó giữ tội. Sau khi tấn công người mới theo khẩu lệnh của chủ, chó được chủ gọi về với khẩu lệnh « thôi », « sát chân ». Sau đó chủ ra lệnh cho chó « nằm », « yên », tay phải chủ chỉ người mới bảo chó « coi chừng », lúc đó người mới đứng yên, và cách chó lối 10 thước.

Khi chủ ban khẩu lệnh « coi chừng » thì chó có nhiệm vụ giữ người mới qua mọi cử chỉ và hành động. Chủ tiền lại gần người mới bảo đưa hai tay thẳng lên trời và bắt đầu lục soát.

Trong khi chủ lục soát, người mới bất thình lình đã thương chủ để tẩu thoát, tự nhiên chó tự động bèn vực chủ, chạy theo cắn người mới và bắt lại. Chủ chạy đến khen chó « giỏi, giỏi », và tán thưởng bằng cách vỗ vai trước nó nhiều cái.

Lời này phải tập nhiều lần khi nào chó thuần mới thôi. Có chó khi chủ bị tấn công, không biết bèn chủ, chừng đó mình phải kích thích nó, và xui nó « cần ».

Lưu - ý.

Trường hợp gặp chó quá hiền chiến, cần người mới không chịu buông ra, chủ phải nhanh nhẹn thò tay vào vòng cổ da, nắm chó hồng lên. Dùng biện pháp này mà chó không buông ra, tay phải chủ bóp cổ chó nghẹt, để chó thả ra. Trong trường hợp này không nên đánh chó, vì đánh nó sẽ hăng tiết lên nữa.

(tiếp theo trang 63)



Huấn luyện chó tìm sủng



★ Bài của P. N. K.

VÌ LỢI ÍCH QUỐC - GIA NGƯỜI XƯA ĐÃ NGHĨ ĐẾN VIỆC « DI DÂN LẬP ẤP »

TRIỀU-THỎ, người đất Đinh-Xuyên, giữ chức Thái-thường-chư-ơng-cổ dưới đời vua Văn-Đề nhà Hán, là một bậc túc trí đa mưu được người đương thời gọi là « trí nang » (túi khôn) đã từng được vua phái đi chép Kinh-thư do Phục-Sinh đọc truyền khẩu lại.

Ông rất tận tâm lo cho dân, cho nước và có dâng sớ lên triều-đình nói về « kế hoạch di dân, lập ấp » ở vùng biên giới phía Bắc nước Tàu để phòng ngự quân Hung-nô vào xâm lược đất Hán, đồng thời giải quyết vấn đề nhân sinh về mọi mặt. Sau nhân vì ông dâng sớ xin truất binh quyền của các Phiên-trần, khiến Phiên-trần nổi loạn lây có là đây binh vãn tội Triều-Thỏ, nên vua Cảnh-Đề phải theo lời Viên-Uởng diệt Thỏ để Phiên-trần lui binh.

Sau đây là bản thoát dịch nguyên văn lời sớ của Triều-Thỏ về việc lập ấp :

« Bệ-Hạ có ý mộ dân lên ở khu vực biên địa hoang vu để giảm bớt dần dần số binh gửi đi đồn thú, lại cũng để bớt các món chi phí về việc chuyển vận lương thảo, đó là một ích lợi lớn cho quốc-gia.

« Nay muốn cho việc ích lợi đó thực có hiệu quả, thì quan lại phải thi hành đúng đường lối của nhà Vua đặt ra, như : săn sóc giúp đỡ người già, trẻ nhỏ di cư, hậu đãi trai tráng, đừng quá nghiêm ngặt với họ miễn sao cho họ được vừa lòng. Nếu kẻ đến trước mà thấy yên vui, không nghĩ gì đến quê cũ thì đám dân nghèo đi sau mới nô nức mà khuyên rủ nhau di cư.

« Thần trộm nghĩ rằng : đời xưa, muốn di dân đi xa để mở mang đất hoang, thì trước phải đến tận nơi xem kỹ khi hậu chỗ đó lành độc thế nào ; phải nằm vị nước sông ngòi xem chua hay ngọt ; phải xét đến thổ người ruộng đất xem trồng thứ gì tốt, thứ gì xấu và cây còi hoa màu có được phồn thịnh hay không rồi sau mới tính đến việc mở ấp đắp thành, định làng chia đất, đắp đường giao thông cho tiện việc canh tác, phân bờ cõi để chia địa giới xóm làng, rồi làm nhà cho từng gia đình, mỗi nhà phải có một gian nhà ngoài và hai buồng, ngõ phải có cánh đóng chắc chắn.

« Trong nhà phải đủ đồ dùng để dân di cư đến là có ngay chỗ ở và đồ nghề làm việc nông tang. Được như vậy, dân nghèo mới dễ bề bỏ cô hương mà đến nơi ấp mới.

« Lại phải đặt ngay thầy thuốc, thầy pháp để giúp họ cầu đảo tế tự và chạy chữa thuốc thang bệnh tật. Trai gái được dựng vợ gả chồng, kẻ sống người chết được lo liệu chu đáo, phần mộ Tiên Tổ đời đến có chỗ chôn cất. Tóm lại, nếu sự trồng cấy chăn nuôi có lợi, chỗ ăn ở yên ổn thì dân sẽ vui với cảnh mới và coi đó là nơi sinh sống lâu dài.

« Thần lại được nghe rằng :

« Thời xưa muốn lập quận huyện ở biên giới để phòng quân địch thì cứ 5 nhà lập thành một ngũ, có đặt chức ngũ trưởng trông coi ; 10 ngũ lập thành một làng, có đặt chức giả sĩ trông coi ; 10 làng lập thành một liên, có đặt chức giả ngũ bá trông coi ; 10 liên lập thành một ấp, có đặt chức giả hầu trông coi.

(xem tiếp trang 13)

VÀI KHÓA CẠNH CỦA KỸ - THUẬT XEM XÉT TÀI - LIỆU

Trong kỹ-thuật xem xét tài-liệu, chuyên-viên có thể gặp nhiều trường-hợp rất đặc-biệt, ngoài việc xem xét mực, chữ viết, chữ ký tên, dấu vết bôi cạo, tẩy xóa, thêm bớt chữ v.v...

Người ta có thể triệu-dụng giám-định viên xem xét phân tách ra 2 loại bản văn đánh máy, nghiên-cứu cách thức dùng in một tài-liệu, sưu tầm dấu vết chữ lưu lại trên một giấy than v.v...

NGUYỄN - CÔNG - CHÁNH

I — THUẬT XEM XÉT BẢN VĂN ĐÁNH MÁY :

Thường thường, giám-định-viên được triệu dụng nghiên-cứu 2 tài liệu đánh máy để biết bản nào là bản chánh, bản nào là bản sao đánh trên giấy than.

Một cuộc giao-nghiệm loại này không mấy khó, vì lẽ một người đánh máy có kinh nghiệm trong nghề thì cũng có đủ khả năng nói ra được không sợ lầm lẫn. Theo sự bình luận trong tạp chí « Revue Internationale de Criminalistique », Ô. Chavigny khi giải-thích về cách xem máy chữ và tài liệu đánh máy, có nêu ra các chi-tiết đại-khái áp-dụng được cho một cuộc giao nghiệm loại này.

Chuyên viên này có nói :

« Điểm riêng biệt của một văn-kiện « đánh máy bằng giấy than ở trong « việc thấy được dưới kiếng hiển-vi vô « số kẻ những chấm nhỏ của chất « mực giấy than bị bắn tung ra rồi « dính chung quanh các chữ ».

Tác-giả này dùng danh từ « mitraillette » để diễn tả hiện-tượng mực bị văng ra.

Còn trong bản chánh của một tài-liệu đánh máy, kiếng hiển-vi sẽ giúp cho ta thấy được « trong hình-thức các chữ, những hột mực nhỏ sắp hàng trái phải, in lại sỗ đường chỉ của dây băng mực ».

Như vậy, giám định viên sẽ căn cứ vào sự hiện diện của những chuỗi hột mực nhỏ sắp lớp ngay hàng với nhau do dây băng mực lưu lại trong hình chữ (bản chánh) hoặc những chấm mực nhỏ nằm chung quanh các chữ, (trên bản sao đánh bằng giấy than).

Ô. Chavigny cũng có đề cập tới một thuật xem xét khác rất giản dị như sau : « Ví dụ ta thử dùng một « cục tẩy để bôi bỏ một chữ đánh « máy ngang giấy than, thì trước hết « ta sẽ gặp trường-hợp chất mực (của « giấy than) bị lem ra thành một dấu « lấm giầy, còn đối với chữ đánh « máy trên một bản chánh, hiện tượng ấy không xảy ra ».

Ngoài ra còn một số chi-tiết khác cũng đáng kể trong việc xem xét tài-liệu đánh máy là : trên bản chánh, chữ đánh máy sẽ đậm mực và cạnh chữ rõ ràng ; bìa chữ không có sự lu

mờ như trên bản sao bằng giấy than bởi sự sắp xếp chồng lên nhiều lớp giấy với nhau, mực của giấy than làm cho nét chữ ô-đề và bị nhòe ra.



II — XEM XÉT TÀI-LIỆU IN

Trong các cơ-quan của chánh phủ, cũng như trong các ngành kỹ-nghệ và thương-mại, khi có những tài liệu hành-chánh hay kỹ thuật cần phổ biến ra trong giới nhơn viên, người ta áp dụng những phương-pháp in tại chỗ, ít tốn kém và mau lẹ, thay vì đem giao công-tác ăn-loát cho nhà in lớn ngoài phố...

Khi xem qua một tài-liệu (ví dụ một truyền đơn hay một văn-kiện), chuyên-viên cần truy ra được cách thức in tài liệu. Các phương - pháp thông thường dùng in tài-liệu được phân-tách ra như sau đây :

— in tài-liệu đánh máy hay viết tay bằng xu-xoa (thạch). Lỗi in này cũ kỹ thông dụng nhất trong dân chúng.

— in tài-liệu đánh bằng máy chữ, theo lối cho rượu thấm ướt giấy in (thuật in này có vẻ khoa-học hơn).

— in tài-liệu bằng giấy sáp « Stencil » (thuật in thông-dụng trong các Ty các Sở hiện nay)

— in tài-liệu theo phương pháp offset (danh từ Pháp ít thông dụng hơn là « calcographie » hay là « zincographie »)

A. — IN TÀI-LIỆU BẰNG XU-XOA

Phương-pháp dùng xu-xoa để in tài-liệu đã có từ lâu.

Trong các văn khố, được thấy những tài liệu hồi xưa thuộc về năm 188... trở lại đây đều được in theo cách này.

Trong dân chúng, người ta cũng thường dùng đến cách in này, vì nó dễ thực hiện.

Giai đoạn thứ I : Dùng hoặc là mực in lỏng mua ở các ăn-quán hay ở tiệm sách kêu là « encre pour polycopie » để viết bản văn của tài-liệu lên bản mẫu, hoặc là dùng một loại giấy than dành riêng cho việc này (papier-carbone pour polycopie) gắn lên máy chữ để đánh ra bản văn mẫu trên giấy trắng, thay thế cho dây băng mực của máy chữ.

Giai đoạn II : Bản chính của tài-liệu được đem cho tiếp-xúc 15 phút với mặt trên của một lớp xu-xoa đã nấu và đổ thành lớp mỏng, trong một cái chậu, hay thùng kèm rộng khô.

Trong thời-gian mực in trực-tiếp với xu-xoa, chất mực tan ra một phần và dính lại trên mặt xu-xoa.

Tới đây ta thấy lớp xu xoa dính mực trở thành là bản mẫu của tài-liệu mà các chữ đều thấy ngược lại, giống như « âm-bản » trong khoa nhiếp-ảnh.

Giai-đoạn thứ III : Khi lấy những tờ giấy trắng đắp lên mặt lớp xu xoa liền tiếp, thì giấy trắng sẽ bị thấm một phần mực in của xu xoa và trên các tờ giấy này, chữ in qua không còn lộn ngược nữa

Trong thuật in này, công việc làm phải thực hiện như đã nói trên trong 3 giai-đoạn :

- 1) Lập ra bản cái (matrice) bằng mực in.
- 2) Làm cho mực từ bản cái thấm qua xu-xoa
- 3) In dầu vết mực trên xu xoa qua giấy trắng

Mỗi lần in thì mực trên xu-xoa phải lần lần bị mất bớt đi một phần-nên phương-pháp này có một hiệu-xuất tương đối kém ; với một bản cái, người ta chỉ in ra được mỗi lần độ chừng vài ba chục bản tài-liệu rất tốt, có chữ tỏ rõ ; ngoài ra, những bản vẽ sau thì lu mờ và thiếu điều-kiện mỹ-thuật.

B— THUẬT IN TÀI-LIỆU BẰNG GIẤY THẨM RƯỢU

Trong việc đánh máy bản văn để làm mẫu in, đá-tự-viên không cần tháo dây mực ra khỏi máy chữ, mà chỉ cần sắp xếp dưới tờ giấy trắng lấp vô máy một tờ giấy than có mực in, lớp mực cho đối diện với tờ giấy trắng.

Khi đá-tự-viên đánh chữ, thì y ngó vào mặt trên tờ giấy để kiểm-soát bản văn ; trong lúc ấy, mực của tờ giấy than sẽ ăn qua giấy trắng, ngay chỗ có chữ đập xuống.

Sau đó, tờ giấy cái của tài liệu đem gắn vô một máy quay. Giấy trắng để in tài liệu sẽ cho tẩm rượu trước khi đem in. Chất rượu có tính làm tan chất màu của mực (solvant),

nên nhờ vậy, mực in sẽ dễ thấm qua giấy trắng đầy đủ ; và cũng nhờ vậy mà số tài liệu in ra được nhiều.

Mỗi tờ giấy cái sẽ dùng in ra được độ chừng 200 tới 250 bản sáo. Lễ tất nhiên, trong số trăm đầu, bản in tài liệu sẽ tỏ rõ hơn đôi với các bản in sau.

C — THUẬT IN TÀI LIỆU BẰNG GIẤY SÁP

Giấy sáp kêu là « stencil » mỏng như loại giấy « pelure », trong đó thớ giấy rất thưa, trên mặt có tráng một chất hóa học giống như sáp (enduit cireux). Thành phần chất này có thể khác nhau từ một hiệu giấy này qua một hiệu giấy khác. Tờ giấy sáp thì mềm nên được ghép dính chung với một tờ giấy cứng khác, để bảo vệ nó khỏi bị hư rách. Ở thân trên cũng có xoi một số lỗ có vị trí nhất định dùng để ráp tờ giấy « stencil » vô máy quay « duplicateur » (appareil de polycopie.)

Cách thức sử dụng giấy sáp như sau đây :

— Lắp tờ stencil vô máy chữ đồng thời với tờ giấy cứng đi đôi với nhau.

— Gài dây mực lại không cho cử động, làm như vậy, chữ đập ngay lên giấy sáp, không ngang qua lớp mực. Ngay chỗ có chữ đập lên, chất sáp trên giấy stencil bị ăn khuyết mất đi, chỉ còn một số thớ chỉ thừa thớt, để giữ các phần giấy còn lại ; nhờ các thớ giấy này hình thức chữ in sẽ nguyên vẹn ; trong trường hợp giấy bị tróc đi hết, trong các chữ có vòng, ví dụ chữ a, o, e, p, v.v... thì các chữ này không còn hình thức rõ.

— Tờ giấy « Stencil » đánh chữ rõ ; đem ráp vô máy quay, do các lỗ khoét sẵn ở phía trên tờ giấy cứng. Sau đó, tờ giấy cứng sẽ được xé tách rời ra theo đường răng cưa chạy dài theo phía trên.

— Giấy trắng dùng để in với giấy sáp phải có 2 điều-kiện. Điều kiện thứ nhất là chất giấy phải rút mực làm mau khô. Điều kiện thứ hai là giấy dùng để in phải có mặt « nhám » (surface légèrement rugueuse) để giúp cho tờ giấy dễ bị lôi kéo đều đều theo nhịp-nhàng của trục máy quay.

Theo nguyên-tắc kỹ-thuật, nhờ không khí trời thông thoáng được ngang qua các khoản trống trên mặt tờ giấy, mực sẽ gặp điều-kiện thuận tiện để chóng khô.

D— THUẬT IN TÀI-LIỆU « OFFSET »

Danh-từ « offset » dùng để chỉ một phương-pháp in tài-liệu bằng cách dùng một ống trục cao su cho lăn tròn trên một bản cái có chữ hay hình đã được thoa mực in sẵn, rồi áp dụng ống cao-su ấy để in dầu mực lại trên giấy trắng.

Có những máy offset kiểu nhỏ chế tạo riêng để dùng in bản văn đánh máy.

Tài-liệu đem in, trước hết được đánh máy lên một tờ thật mỏng bằng nhôm hay bằng kẽm, mà đá-tự-viên ráp lên máy chữ theo cách thức sử dụng một tờ giấy thường. Về phương diện mực, cần phải áp dụng mực in (ruban-ou carbone lithographique), không được dùng giấy than hay giấy mực thường.

Cách thức in offset cũng giống như lôi-ăn-loát ở các nhà in ; bản chữ sẽ được thoa ướt trước bằng một dung-dịch keo có toan-tính (solution légèrément acide de gomme arabique). Lễ tự nhiên, chỗ nào có dính mực-in thì chỗ ấy sẽ không bị dính keo, vì trong mực in có chất dầu kỵ với nước. Kề đó, khi điều động lăn ống mực trên bản kẽm, thì mực sẽ dính vô các nét chữ có dính mực sẵn rồi, mà mực in sẽ không dính vô các chỗ có thoa nước keo.

Đền đây, trục cao su sẽ được dùng in ra các bản tài liệu.

Giấy để dùng in offset phải là thứ tốt để tránh việc nhiều tờ bị máy in lôi kéo đi một lượt làm hư đi ; thêm nữa giấy này phải đủ sức chắc để bị thấm nước mà không rách trong khi máy in chạy.

Số bản in theo phương pháp offset cũng tùy theo thành phần bản kẽm hay là tính chất loại mực. Người ta có thể in ra từ 2.000 tới cả trăm ngàn bản cũng được.

THUẬT XEM XÉT TÀI LIỆU IN

Trước hết, loại mực in và thành phần giấy sẽ là những điểm đứng

dầu mà giám định viên căn cứ vào để xét đoán, vì mực và giấy đem ra dùng phải khác nhau trong mỗi phương pháp in, như chúng ta vừa trình bày trên.

Trong kiềng hiển vi, hoặc với mắt trần, một đôi khi còn có thể ngó thấy đường sợi canh của băng mực (la trame du ruban) trong tài liệu in offset và in xu - xoa, mà không khi nào còn thấy dấu vết của thành phần giấy băng mực trong lời in với « Stencil ».

Cách thức in tài liệu nghiên cứu ở các đoạn A, B, C, D, không phải là phương pháp in nổi (relief).

Ta có thể xét qua những chi tiết sau đây, trong mỗi cách thức in :

A) ĐẶC ĐIỂM THUỘC VỀ PHƯƠNG PHÁP IN A VÀ B

— Loại mực : Mực tím được thường dùng hơn hết ; đôi khi có thể gặp mực đỏ hay xanh mà ít khi người ta dùng đến mực đen.

— Loại giấy : Giấy gì cũng có thể dùng để in được, mà thường khi người ta dùng giấy láng (papier glacé).

— Dấu vết thành phần giấy băng mực :

- Khi thì có dấu vết « ruban »
- Khi thì không

— Hình thức chữ in : Tại các nơi có dấu chấm, dấu phết đã bị máy chữ đánh lún giấy trên bản chánh thì trên bản in, dấu mực chỉ được thấy ở bia các dấu ấy mà thôi, ở giữa chữ thì trắng không có mực đậm.

B) ĐẶC ĐIỂM PHƯƠNG PHÁP IN BẰNG « STENCIL »

— Loại mực : Thường dùng mực đen. Mực này có thể lem ra chung quanh chữ và thấm ra tới phía sau lưng tài-liệu in.

— Loại giấy : Giấy dùng in phải là loại có tính cách thấm vừa vừa (semi-absorbant), mặt giấy nhám. Ví dụ loại giấy « Gestetner »

— Dấu vết của thành phần giấy băng mực :

Trên bản tài-liệu in ra bằng giấy sếp, không thể nào có dấu vết của giấy băng mực lưu lại.

— Hình thức chữ in : Tại chỗ nào mà máy chữ không đập mạnh đủ sức tên giấy sếp, thì hình thức chữ sẽ có sự khiếm khuyết.

Tại chỗ các chữ o và e, dấu mực có thể bao trùm hết các chữ này, nếu trong khi đánh lên giấy sếp, các chữ đập quá mạnh làm cho phần giấy ở giữa chữ bị đứt mất, thay vì phải được lưu lại để chặn mực in.

C) ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỮ IN OFFSET

— Loại mực : Người ta thường dùng mực in đen mà thôi.

— Loại giấy : Giấy nào cũng có thể dùng được để in offset, ngoại trừ : giấy thấm (papier à filtrer fait avec du chiffon blanchi non collé) và giấy để in hình. (papier couché pour l'illustration).

— Dấu vết của thành phần giấy băng mực :

- Khi thấy được :
- Khi không có.



— Hình thức chữ in offset :

Trong trường hợp bản kẽm bị đánh chữ quá mạnh lên thì mực không còn được dính vô nét của một số chữ hay chấm và dấu ; như vậy trên bản in thấy mực nhòe ra chung quanh các chữ và dấu.

III.— GIÁO NGHIỆM MÁY CHỮ TRÊN BẢN IN TÀI LIỆU

Lẽ tất nhiên, nếu tài liệu in ra từ một bản chánh lập bằng chữ đánh máy, người ta có thể đoán ra hiệu máy này.

Trên bản in ra, các cò tạt của máy chữ sẽ hiện lên cho thấy giống như một tài liệu đánh máy thường : ví dụ các chữ bị sút mẻ có điểm khiếm khuyết, các chữ nhảy so le không nằm ngay hàng, áp lực các chữ máy đập xuống giấy không đồng đều nhau, v.v...

IV.— SƯU TẦM CHỮ ĐÁNH MÁY TRÊN GIẤY THAN

Thường khi chuyên viên của Sở Giáo Nghiệm được các cơ quan bạn triệu dụng xem xét bản văn đã đánh máy ngang tờ giấy than ; tài liệu này hoặc là đã bị vò xéo rồi để bỏ vô giỏ rác, hoặc là còn nguyên vẹn.

Công tác đầu tiên là mở tờ giấy than đã bị vò tròn, bóp nhéo lại, để biên nó trở lại thành một tờ giấy bằng phẳng. Muốn làm được việc đó ta đem ngâm tang vật vào nước cho chất giấy mềm lại, rồi lấy tay gỡ nhẹ các bia giấy bị xếp lại để kéo thẳng ra. Muốn đem tài liệu ra, phải dùng đến một tấm kiềng sạch hứng lấy tài liệu cho nằm lên rồi lấy ra khỏi nước.

Trong lúc này, được thấy các lần xếp giấy sẽ chứa đựng bọt nước nhỏ và nhiều bong bóng hơi, mà ta phải cố gắng làm cho tiêu mất hết đi (ví dụ lấy một tờ giấy thấm, đè lên toàn diện phía sau lưng tờ giấy than).

Cách thức tìm chữ một bản văn ra đọc để trên mặt sếp của mặt giấy than xét ra khó thực hiện bằng mắt thường ; trong việc khai thác này, phải cần đến môn nhiếp ảnh.

1. Người ta có thể chụp hình giấy than đặt trước một ngọn đèn sáng rồi xem không, hoặc là xem rồi chụp hình dấu vết được thấy (photographie par transparence).

2 Người ta có thể chụp hình các tia sáng phản chiếu từ mặt tờ giấy than phát ra (photographie de reflets).

1) KHAI THÁC GIẤY THAN THEO PHƯƠNG PHÁP THỜ NHỨT

(Photographie par transparence)

Được biết mỗi khi giấy than được đem ra dùng để đánh một bản văn, thì chất màu, mà đây ta gọi là « than », sẽ bị phai mất đi một phần nào. Sự mất hết chất màu nằm ngay vào ở các chữ đánh máy, và nhìn thấy được khi để tờ giấy than trước một ngọn đèn sáng.

Cách chụp hình tài liệu nói đây không cần phải dùng đến một máy ảnh. Người ta chỉ lấy một khuôn kiềng chụp hình (chassis-presse) cho lấy vào một tờ giấy ảnh ghép

đội với tờ giấy than có chữ xin
giáo nghiệm. Hai tờ giấy phải sắp
như thẻ nào mà mặt có tráng nước
thuộc của giấy ảnh nằm phía bên mặt
sấp của giấy than.

Thiết lập một nguồn ánh sáng thiết
mạnh (ví dụ một bóng đèn điện từ
300 tới 500 watts), đặt cách xa khuôn
giấy cần thiết để tránh cho sức nóng
đèn làm chảy chất sấp trên giấy than
và ánh sáng được phân phối đồng đều
trước tài-liệu đem ra in thành hình
qua giấy ảnh.

Trên bản hình rửa bằng nước thuộc
hiện ảnh ra, sẽ thấy chữ viết màu đen
nằm trên nền giấy trắng.

2— KHAI THÁC GIẤY THAN THEO PHƯƠNG PHÁP THỨ HAI

(Photographie des reflets)

Ta thử lấy một tờ giấy than còn
mới đem ra xem, thì sẽ thấy mặt
có lớp sấp láng bóng. Khi dùng tờ
giấy than để đánh chữ lên rồi, thì
ngay chỗ các chữ, dấu vết chữ không
còn bóng láng như hồi trước. Vì vậy
mà một ánh sáng rọi xiên vô tờ giấy
than có thể làm phát lộ ra chữ của
bản văn đánh máy, với màu sậm và
đục trên một nền giấy bóng láng.

Bây giờ, thay vì là quan-sát-viên
xem xét tài-liệu bằng mắt thường,
ông LOCARD có phát minh ra 1
chụp hình đặc-biệt (1) đem lại kết-quả
khả-quan trong các vấn-đề này.

Một nguồn sáng được sắp đặt cho
rọi vô tài-liệu đem ra chụp ảnh, xiên
theo một góc độ phỏng chừng 45°.

Máy ảnh đặt nằm trước tài-liệu cũng
theo một độ xiên đồng như vậy, để
hứng các tia sáng phản chiếu từ mặt
giấy than phát ra. Trục của vật kính
không nằm thẳng góc với tài liệu mà
nằm xiên đối với mặt tài liệu trong
khi nhiếp ảnh

Trong bản hình chụp tài-liệu theo
phương pháp này, tất nhiên có các
sự biến-thể hình theo nguyên-tắc viễn
thị (effet de la perspective), nhưng
không đáng kể. Mục-dịch chánh của
cuộc giáo-nghiệm là tạo ra hình chữ
viết đọc được rõ ràng, hiện lên với
màu đen nằm trên nền giấy trắng.

N. C. C.

(1) J. LOCARD, Cours de Photogra-
phie judiciaire - Librairie Desvignes, Lyon.

ÔN CỔ TRI TÂN

Người xưa đã nghĩ đến việc « di dân lập ấp »

(tiếp theo trang 9)

« Những chức này phải kén những người có tài có đức ở ngay trong ấp
« đảm nhiệm, vì họ là người am hiểu địa thế và thấu triệt lòng dân, lại
« thường thường ở luôn trong dân.

« Họ dạy dân đình tập cung nỗ, lúc ra ngoài đồng họ dạy dân đình
« cách chống giặc, thẻ là đội ngũ thành lập ở ngay trong thôn xóm đến
« khi động binh họ không bỏ ngõ. Sau lại luyện cho họ ngày càng thành
« thực, và không luân phiên đổi chỗ, để cho lúc nhỏ, họ là bạn với nhau,
« lớn lên là anh em đồng đội, lúc lâm trận, ban đêm họ nghe tiếng
« nhau mà ứng cứu; ban ngày họ nhìn mặt nhau mà tiến bước, do lòng
« thương nhau lúc ngày thường mà họ có thể cùng chết sống với nhau
« lúc chiến đấu. Đã có binh như vậy lại lấy thưởng hậu để làm gương,
« lấy phạt nặng để trừng trị thì chắc chắn khi lâm trận kẻ đi trước dù
« bỏ mình, người đi sau cũng không lùi bước.

« Một dân di cư mà không được những người trai tráng dũng
« cảm thì tổn phí lương tiền; nhưng chỉ mộ được những người trai
« tráng mà không được những quan lại tài đức trông nom thì cũng chẳng
« thành công vậy.

« Nay Bệ-hạ đã dứt hẳn việc giao hảo với Hung-nô, thần e rằng
« mùa đông này họ cũng sang quấy nhiễu biên thùy. Lúc đó, quân ta cần
« phải đánh thắng một trận lớn để răn cho họ kinh suốt đời. Nhất là mùa
« lấy keo (nhựa sơn vuốt dây cung) này, họ sẽ kéo binh tới, muốn tỏ oai,
« ta phải làm sao cho họ khôn đồn ngay; nếu không làm được như thế,
« khiến cho họ đắc ý lúc rút quân về thì thần e sau này khó lòng
« chinh phục được họ. »

Lời bàn của Triều-Thổ trước đây hơn 2.000 năm làm cho ta
liên tưởng đến Khu Trù-Mật và nhất là Quốc-Sách Ấp-Chiến-Lược
hiện nay của Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa với những thắng lợi
vĩ đại vang dội khắp nơi và đang được phát triển mạnh mẽ để
đánh tan ba thứ giặc Chia rẽ, Chậm tiến và Cộng-sản.

Tuy nội dung tờ sớ « di dân lập ấp » của Triều-Thổ không
có những khía cạnh sâu sắc trong vấn đề phục vụ Quốc-Gia và nhân
dân bằng Quốc sách Ấp Chiến-Lược, nhưng nhận định của Triều-
Thổ về nguyện vọng và đời sống của nhân dân và quan niệm của
ông về vai trò cùng tác phong của cán bộ không phải là không
đáng để cho ta suy ngẫm.

P. N. K.

TÂM LÝ NGƯỜI QUY - CHÁNH

TRÌNH - DIỆN Ở CƠ - QUAN

QUY chánh là trở về với chánh nghĩa.

Những người quy chánh là những người đã nhận định đâu là tà đâu là chánh và nhứt định bỏ tà theo chánh. Tuy nhiên họ vẫn còn mặc cảm tội lỗi cũ, khi bước chân vào con đường chánh nghĩa.

Cho nên tâm lý e dè ngại ngùng của người quy chánh khi trình diện với Cảnh Sát Quốc-Gia ở bất cứ cấp bậc nào là một tâm lý dễ hiểu. Vì Cảnh-Sát Quốc-Gia là cơ quan có nhiệm vụ chính yếu **ngăn ngừa phạm pháp và bảo vệ luật pháp**.

Nếu lại là trường hợp một cán bộ Cộng-sản, từ bước « kẻ thù chung của nhân dân nói chung, của cơ quan Tình báo Cảnh-Sát Quốc-Gia nói riêng » sang đến bước là « bạn », qua lối thoát cởi mở của CHIÊU HỒI, họ ý thức sao được sự đón tiếp của cơ quan Cảnh-Sát Quốc-Gia, và như thế họ chưa thấu triệt được sự khoan hồng rộng rãi của chính sách Chiêu Hồi, mà các cấp bậc Cảnh-Sát Quốc-Gia đã thăm nhuần đề đối xử với người quy chánh. Nói thể không phải người quy chánh nào cũng sợ trình diện ở cơ quan Cảnh-Sát Quốc-Gia vì một số đông quy chánh đã thờ lộng tâm tình hoặc mặc mọt, hoặc sâu sắc. Chính họ thú nhận thái độ của họ trước ngày quy chánh : Trình diện ở cơ quan Cảnh-Sát Quốc-Gia, họ được tức thì kiểm soát lý lịch, đối chiếu với danh phiếu đã có sẵn và mọi thủ tục điều tra được nhanh chóng để họ sớm được trở về với gia đình. Cũng do trình diện ở Cảnh Sát Quốc-Gia mà họ được yên ổn, bảo đảm an ninh ngay từ giờ phút trình diện. Nếu trước đây có nhúng tay vào những vụ tàn sát, khủng bố thì đồng bào nạn nhân đã không muốn thấy mặt họ, không dịu lòng mà tha thứ khi gặp họ. Nếu quy chánh mà dứt khoát với bọn ác ôn Việt Cộng, hẳn bọn này đâu có dễ yên. Vì vậy mà việc trình diện với cơ quan Cảnh-Sát Quốc-Gia mang ngay đến lợi ích khẩn thiết và mong đợi của người cán bộ Cộng sản quy chánh : sự an toàn.

Tuy nhiên, việc quy hồi phục nghĩa vẫn tùy ở địa điểm, ở cơ quan có thẩm quyền hơn hết mà sự suy tính của người quy chánh đã lựa chọn, hoặc có dịp thuận tiện đưa đẩy họ sớm rời bỏ hàng ngũ Cộng phi khi cấp bách, khác với sự suy tính trước.

Cũng có khi tâm lý sợ sệt của họ thúc đẩy họ trình diện ở nơi nào họ e ngại nhất, đề qua được nơi đó là yên ổn qua những nơi khác. Họ có thể lầm, vì dầu ở cơ quan nào, việc đối xử với người quy chánh đã được quan niệm đúng đắn : sự đón tiếp đặt trên tình thương thực sự, lượng khoan dung cởi mở rộng rãi. Người Cảnh-Sát Quốc-Gia trong tinh thần nhiệm lao nhiệm oán luôn luôn là kẻ thù của Việt Cộng, là người đáng sợ và đáng ghét của kẻ phạm pháp. Nhưng chính họ đã là người bạn thân thiết của đồng bào được hưởng sự an toàn trong trật tự công cộng.

Cương quyết làm sáng tỏ Chánh thể Cộng-Hòa Nhân-Vị bằng tác phong và lễ lối làm việc vừa quảng đại, vừa công minh và vừa hiệu năng.

(Trích « Mười hai điều huấn-niệm của cán bộ các cấp »)

Rút ở tâm lý người quy chánh khi trình diện, người Cảnh-Sát-Quốc Gia có kinh nghiệm và thiện chí phải luôn luôn ý thức rằng : một thái độ vụng về, một cử chỉ lạnh nhạt đủ làm cho người quy chánh sút kém tin tưởng vào chính nghĩa của ta. Gần hơn nữa, trước thái độ xa cách, thiếu sót của cán bộ Chiêu Hồi, người quy chánh sẽ thu mình lại, dè dặt, giấu giếm, như vậy ta khó tạo được không khí cởi mở đề tâm sự với họ. Không khí cởi mở được là do người Cán bộ Chiêu hồi có thật tâm, nặng tình thương huynh đệ, giàu nghĩa cử khoan dung đón người lỡ bước. Không khí cởi mở đó chỉ có, khi người cán bộ hội đủ tam túc, tam giác, tam nhân trong đại cuộc cách mạng Dân tộc. Cho nên vấn đề khẩn thiết đáp ứng với hiện thực Chiêu Hồi vẫn là vấn đề tu thân ở người cán bộ Quốc gia. Người Cảnh Sát Quốc Gia có một lợi điểm khai thác nữa trên tâm lý người quy chánh là thành kiến sợ sệt căm thù của họ đối với cơ quan Cảnh Sát Quốc Gia sẽ vụt biến trước sự niềm nở đón nhận họ. Lợi điểm này sử dụng đúng mức sẽ đưa đến thành quả vô cùng tốt đẹp, chặn đứng mọi ngộ nhận lưu cữu mà từ trước tới nay, ít ai gột rửa cho phai nhòa, kể cả những người hưởng những giấc ngủ ngon, những ngày sống yên lành trong trật tự và an ninh cộng đồng. Dầu sao, đồng bào đã lên tiếng ca tụng chiến công của Tiểu-đoàn Cảnh sát Chiến-đấu, thành tích của Cảnh-sát Tư-pháp, nói chung là sự hy sinh và tác phong thân dân của mọi người Cảnh sát Quốc gia. Cái tiếng thơm ấy sẽ lan rộng, tăng tiến, khi người Cảnh sát Quốc gia đạt tới cái mức mà người dân, chân thực kêu họ là « Bạn ». Người Cảnh sát Quốc Gia thi hành pháp luật có ý thức nhiệm vụ nặng về giáo dục, đề phòng, hơn là trừng phạt. Nếu khám sớ gia đình trong đêm tối có làm phiền nhiều các chủ gia đình thì lợi ích lớn lao vẫn là đề phòng sự ần nấp của Việt Cộng nằm vùng, lén lút phá hoại đốt nhà, đặt chấ nỏ. Nếu cảnh cáo vài gia đình để rác rưởi bừa bãi thì lợi ích khẩn thiết là đề phòng dịch tễ cho cả xóm, phường, quận .. Một xích mích nhỏ giữa cá nhân với cá nhân cũng là mối lo ngại của người Cảnh-sát Quốc-gia đề kịp thời can thiệp, mong đề phòng vụ đồ máu, đâm chém. Trong 8 năm qua, ngành Cảnh sát Quốc gia phục vụ nhân dân trên nhiều phương diện, nhưng người quy chánh chỉ có một thành kiến cho rằng ngành Cảnh-sát Quốc-Gia không biết gì hơn là trừng phạt. Thành kiến sai lầm này còn tồn tại ở đầu óc người quy chánh bị Cộng sản nhồi sọ, bị thực dân áp bức bằng giải pháp mật vụ Công an xưa. Nếu họ chưa biết được sự cải đổi vượt bậc của ngành Cảnh sát Quốc gia dưới chánh thể Cộng Hòa thì người cán bộ Cảnh-sát Quốc-gia có nhiệm vụ làm sáng tỏ chính nghĩa bằng sự tu rèn đạo đức tác phong, sự phối hợp giải thích cái thành kiến sai lầm ở người quy chánh, thay vì chấp nhận thành kiến ấy để thu một lợi ích nhỏ : « đề cao cá nhân », mà bỏ sót lợi ích lớn : « nêu sáng chánh thể Cộng Hòa Nhân Vị ».

BỒ-GIANG



GIA-CÁT BÌNH SINH CHI HỌC

CÁI HỌC TÂM ĐẮC CỦA KHÔNG - MINH

★ Biên khảo của TRẦN - DÌNH - KHÁI

NHỮNG vĩ-nhân làm nổi những sự nghiệp hiển hách, để lại tiếng vang đến muôn thuở thường xuất phát từ một chí hướng khác người.

Với chí hướng ấy nên mọi hành động, mọi cử chỉ, mọi đường lối tu dưỡng học hỏi đều quy vào một mục đích duy nhất là : thực hiện nổi chí hướng kia.

Vì vậy những người làm nổi những sự nghiệp siêu việt thường có một mục tiêu học hỏi cũng siêu việt.

Gia-Cát-Lượng một nhân vật được người Trung-Hoa tôn sùng vào bậc nhất nhì trong các danh nhân lịch sử của họ, đã có một lối học và một sở đắc, khiến người sau khi khảo lại tiểu sử của ông không khỏi ngỡ ngàng như :

— Trong thiên hạ quả có người kỳ tài đến thế thực sao ?

Nếu chỉ căn cứ ở dã sử hoặc ở truyền thuyết thì điểm hoài nghi kia khó mà loại bỏ được.

Song nếu đem đối chiếu lại thư tịch, khảo sát lại sử liệu thì cái tài trí của Không-Minh không phải là một hư truyền.

Năm 208 Thiên-Chúa, chàng thanh niên Gia-Cát mới 27 tuổi. Người ta không biết chàng ta đã học những sách gì, suy nghiệm, cứu xét, diễn luận ra làm sao mà với cái tuổi ấy đã có nổi một tài học cực kỳ uẩn súc, việc binh nhung, việc trị quốc, không phương diện gì không thấu triệt trọn vẹn.

Nằm khàn ở một miền thôn dã cô tịch, nguồn tin không những đã thiếu sót, lại còn dễ sai sự thực nữa,

thế mà chàng trai họ Gia-Cát, nhận định được thời cuộc, suy diễn được biến-thế để quyết định được một đường lối khiến trong bao nhiêu năm trời một nước Trung-Hoa rộng lớn với hàng trăm triệu con người đã bị đẩy thành thế phân chia làm ba nước...

Dẫu cái thế ba nước ấy nếu không hoàn toàn ở một khối óc phác định và thúc đẩy thì cũng do ở khối óc ấy tiên liệu và dự trù. Cầm quân từ năm 27, suốt đời phục vụ quân nhưng cho đến khi chết là 54 tuổi, Không-Minh với 27 năm trời trong quân lữ đã thi hành được những điều tâm đắc.

Cái học tâm đắc, với cái hành tâm đắc trong 27 năm, thêm vào đó bao nhiêu từng trải, bao nhiêu kinh nghiệm sống động, Không-Minh đã ghi chép thành một quyển sách với 4 thiên lớn, hơn 10 vạn chữ, gọi là tinh hoa của cái học bình sinh.

Quyển sách đó trước khi chết Không-Minh đã truyền thụ lại cho Khương - Duy gồm đủ cả Bát Vực, Thất giới, Lục khủng, Ngũ cụ (Tám việc phải làm, Bảy điều phải giữ gìn, Sáu điều đáng sợ và Năm điều đáng kính hãi).

Ngoài ra còn có những mục chỉ dẫn về trận đồ.

Đặc biệt hơn cả là có 16 sách lược liên quan tới việc trị quốc, trị quân được mệnh danh là Tiệp Nghi Thập lục sách, và có 50 điều chỉ dẫn đạo làm tướng được mệnh danh là Tướng Uyển Ngũ Thập thiên.

Muốn lợi dụng cái tinh hoa và thừa hưởng cái sở đắc của Không-Minh có lẽ chỉ cần đọc 16 sách lược

Tiên Nghi và 50 thiên Tướng Uyển cũng đủ tóm thâu được hết.

Người xưa từng khổ công học hỏi, sưu tầm, suy nghiệm, thể hiện để lưu lại một tài liệu quý. Báu như vậy, nếu ta không biết thừa hưởng, kẻ cũng là một sự uổng phí đáng tiếc.

Sau đây tôi xin lần lượt trình bày Tiên Nghi Thập Lục sách và Tướng Uyển Ngũ Thập thiên với luận giải để các độc giả khỏi mất công tra cứu.



TIÊN NGHI THẬP LỤC SÁCH

Mười sáu phương sách thuận-lợi và thích đáng.

1. — TRỊ QUỐC

Đường lối trị quốc cũng như đường lối trị gia, cốt ở gốc phải vững. Gốc có vững thì ngọn mới thẳng.

Gốc tức là việc khởi xướng và ngọn tức là việc hưởng ứng để họa theo.

Nếu đem vũ trụ và vạn vật ra để quy định thì trời đất vũ trụ là gốc phải khởi xướng và vạn vật vạn sự là ngọn phải ứng hòa.

Vì vậy vạn vật vạn sự, không có Trời thì không phát sinh, không có Đất thì không lớn mạnh, không có Người thì không cấu thành.

Do đó vị nhân-quân cử động thi thò cần phải thích ứng với Trời.

Khác nào sao Bắc Đẩu đứng làm chủ, sao Thai sao Phụ giữ nhiệm vụ thần tá, liệt vị tinh tú giữ vai quan thuộc, còn toàn thể các sao nhỏ khác là nhân dân.

Vì thế vị sao Bắc Đẩu không thể biến cải, sao Thai sao Phụ không mất được tinh độ, liệt tú không thể nhầm lẫn hỗn loạn được. Đó là hình tượng của Trời.

Cho nên lập thành đài tạ để xem thiên văn, tế giao đón thời tiết để phối hợp thần linh đều là những công tác tác tổ ý tôn trọng cái gốc của Trời.

Lập nền Xã để tế thần Hậu Thổ, lập nền Tắc để tế thần Nông, lập các miếu thờ thần Núi, rừng, sông ngòi để cầu phúc cho dân đều là những công tác tác tổ ý tôn trọng cái gốc ở Đất.

Lập nên quy chế về điều lễ ở nhà trường trong nước và trong tỉnh tức là những nhà Trường nhà Tự, rồi đặt ra âm nhạc Bát Dật, nhà thờ tổ tiên tông miếu đều là những công tác tôn trọng cái gốc ở Người.

Vì vậy gốc phải coi là những pháp-tắc hợp với đạo kinh thường, hợp với những mức độ của quy củ.

Khác nào muốn lấp mòng gỗ hình tròn không thể dùng chốt mòng hình vuông, muốn chêm hoặc chặt không thể dùng lưỡi dao mềm mà được. Như vậy chính là đã dùng những đồ dùng không thông dụng không thích hợp và sẽ chẳng thành công được.

Do đó suy rộng ra, người ta sẽ nhận thấy, nếu sự diễn hành của Trời mất cái thường độ ắt khi hậu sẽ trái ngược, Đất mất cái thường thể cây cối vạn vật sẽ khô lại và Người để mất cái đạo thường sẽ gặp họa hại.

Kinh điển có nói : Nếu không phải những pháp tắc mà đảng tiên vương đã dùng quen thì không dám áp dụng.

Từ việc trị quốc, vấn đề thiết yếu, vẫn phải quy tới nguyên nguyên để tìm hiểu đâu là gốc. Sự cần thiết của gốc đối với ngọn quan hệ như thế nào ai cũng rõ. Để minh chứng rằng gốc là nền tảng quyết định sự sinh thành và tiến triển của ngọn, Gia-Cát-công phải đề cập tới những luật tắc bất biến và cố định của đạo Trời.

Sự tiến triển trong quy củ, trong mức độ của tinh tú của mặt Trời mặt Trăng không thể nào đổi khác tức là trái với đạo Thường, sẽ xảy ra mọi sự biến loạn.

Lấy sự diễn hành theo một luật tắc cố định của tinh tú cốt để làm tiêu chuẩn cho một quy chế tổ chức không thể biến cải được là phương pháp trị quốc.

Sở dĩ tác giả đề cập tới Thiên, Địa, Nhân với những phận sự đặc thù nhưng tổng hợp để tạo nên thể sinh hóa trưởng thành của vạn vật chính là đã ý niệm theo tư tưởng của học thuật cổ đại Trung-Quốc cho rằng Trời và Người có quan hệ mật thiết với nhau.

Trời có ảnh hưởng tới người, do đó ý nguyện của Người tức là ý nguyện của Trời.

Từ quan niệm ấy để đưa tới một đường lối chính trị, mệnh danh cho người cầm đầu là « con Trời » (Thiên tử) phải thể theo lòng Trời để trị quốc an dân.

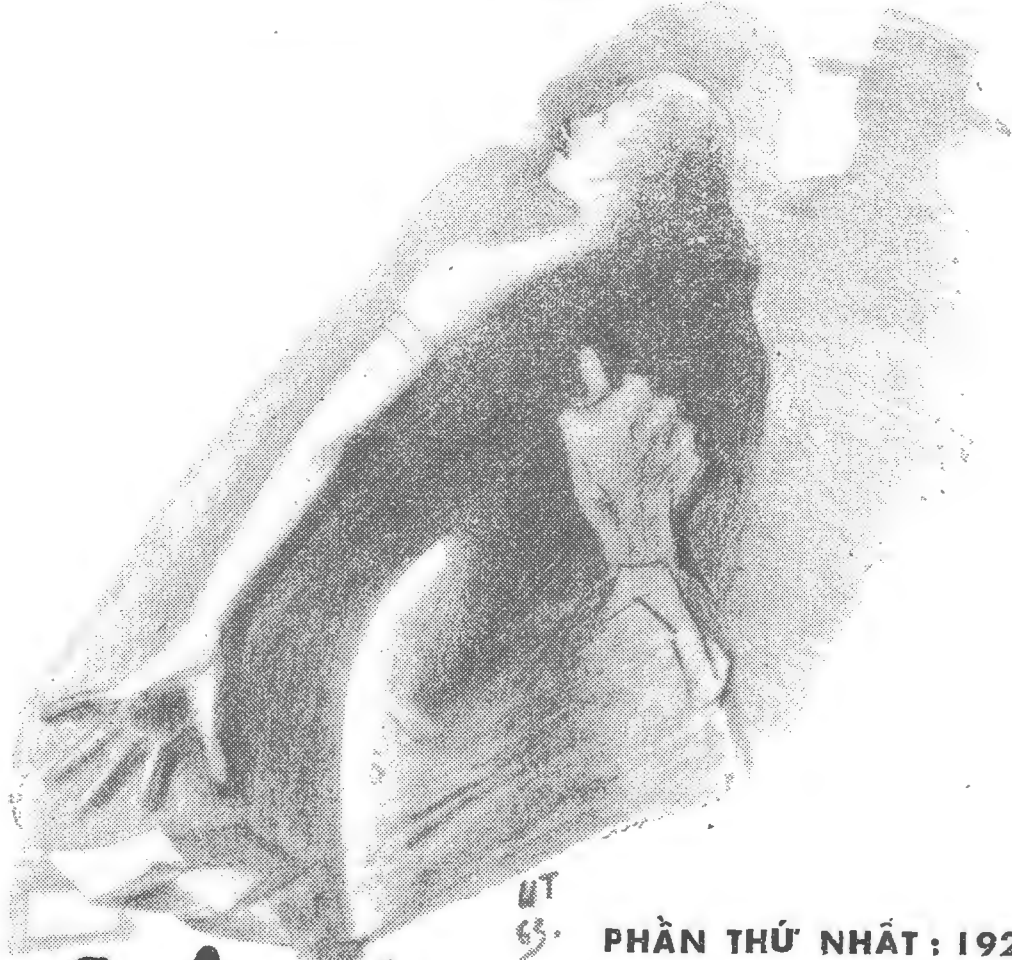
Nhưng muốn biết lòng Trời thế nào, thì biết tìm ở đâu, hỏi ở ai ?

— Không khó. Chỉ việc xét xem lòng dân muốn thế nào tức là Trời muốn thế vậy.

Đường lối chính-trị đó chỉ là một chế độ Dân chủ gián tiếp, lấy luật tắc cố định của Trời ra để đàn áp, mà thực ra luật tắc cố định ấy, cái điểm gốc ấy lại chính là tiếng vang của một luật tắc cố định khác tức là Dân Nguyên

Ý nguyện của dân mong sống yên vui là một lẽ tự nhiên. Muốn quy cái lẽ tự nhiên đó vào cái

(xem tiếp trang 49)



KHẢO CỨU

của

B
A
C
H
Y

UT
5.

PHẦN THỨ NHẤT : 1920 — 1940

CHƯƠNG 1

ĐẠI CƯƠNG

**Gián
diệp
Nga-Sô-Viết**

NGUỒN GỐC.

Một hệ thống tổ chức gián điệp như của Nga-Sô hiện nay là di sản của thời gian dài hoạt động. Khi đoạt được chính quyền sau cuộc cách

âm mưu lật đổ chính quyền. Lúc ấy chỉ có một cơ quan mật vụ tương đối hoàn bị, nó là cánh tay mặt của Đảng và gồm có một số quan trọng mật báo viên hay gián điệp đủ loại.

mạng tháng mười năm 1917, bọn Cộng-sản Bôn-sơ-vít cần dùng trước tiên là một cơ quan cảnh-sát chính trị đủ khả năng theo dõi, canh chừng những người hay những tổ chức chống đối chế độ trong nước hầu tiêu diệt từ trong trứng tất cả mọi mầm mống

Rồi vì sự đe dọa can thiệp của các nước ngoài không thích chế độ Cộng-sản, vì sự áp dụng các tín điều Mác-Lê trong việc bành trướng chủ nghĩa Cộng sản tại các nước khác mà bắt buộc Điện Cẩm-linh phải khuếch trương hệ thống tình báo và gián điệp của mình ra khỏi phạm vi lãnh thổ Nga-Sô, hầu thiết lập tại Âu châu một tổ chức bí mật để thỏa mãn hai nhu cầu vừa kể : một có tính cách phòng vệ và một để tấn công.

CÁC ĐIỂM TỰA

Muốn có một hệ thống tình báo gián điệp to lớn như thế, phải có ba điều kiện tất yếu : các điểm tựa để tổ chức bám vào, một số nhân viên thích ứng cả phẩm lẫn lượng và một phương pháp hoạt động.

Lời nói đầu.— Hoạt động gián-điệp thời đại nào và nơi nào cũng có. Nhiều tác giả từ xưa đến nay đã tường thuật rất nhiều chuyện gián-điệp mà họ đều đồng ý với nhau về tính cách hình như trường cửu của nó.

Với thiên khảo cứu này, chúng tôi không có tham vọng nói về lịch sử tổng quát hoạt động gián điệp của thế kỷ XX, một đề tài vô cùng rộng lớn. Chúng tôi chỉ định nghiên cứu hoạt động gián điệp Nga-Sô trong khoảng thời gian sau thế chiến thứ nhất cho đến những ngày gần đây, bằng cách chọn lọc những giai đoạn thật điển hình của trận giặc ngầm gián điệp hầu lôi ra ánh sáng sự phát triển các phương pháp khoa học đã được sử-dụng, cách thức áp dụng nó vào những mục tiêu chính trị cùng ảnh hưởng của kết quả thu lượm bằng hoạt động gián điệp đối với điện Cẩm-Linh.

Vì, nếu so sánh với cơ quan gián điệp của phần lớn các cường quốc, cơ quan gián điệp Nga-Sô có nhiều khía cạnh khá đặc biệt với tầm quan trọng và phạm vi hoạt động gần khắp thế giới của nó, và cuối cùng với vai trò đầu não mà nó đã đảm nhiệm trong việc hướng dẫn chính sách chung của Nga-Sô.

Không nơi nào, trên thế giới mà chính phủ đã quá chú trọng đến ngành tình báo và gián điệp hơn nước Nga. Cũng không nước nào có một bộ máy, một tổ chức lớn lao với một kỹ thuật chặt chẽ hơn tổ chức tình báo và gián điệp của Nga-Sô (trừ tổ chức của Đức dưới thời Hitler) và hoạt động của nó lại tỏ ra quá dã man và vô luân hơn hết. Với nhận xét này, chúng tôi thấy cần lưu ý quý độc giả là đối với phương pháp của Nga, các hoạt động gián điệp, phá hoại và khủng bố đều liên quan chặt chẽ với nhau và các nhiệm vụ ấy, được gọi chung là « Mật vụ » nhiều khi chỉ do một cá nhân thi hành.

Về phương diện điểm tựa, người ta hy vọng nhiều về sự hợp tác của các đảng Cộng-sản địa phương ở ngoại quốc (lẽ dĩ nhiên với cái mức mà họ chịu cộng tác trong các hoạt động tình báo gián điệp cho Nga-Sô-Việt) và của các nhân viên ngoại giao đoàn khi họ được tín nhiệm dần dần tại các quốc-gia liên hệ.

PHƯƠNG PHÁP.

Nguyên tắc và phương pháp hoạt động gián điệp đã có sẵn từ thời Thượng cổ. Nó lại được dịp thêm thêm kinh nghiệm của gần cả hai thế hệ cách mạng trong cuộc tranh đấu một mất một còn dai dẳng để lật đổ chế độ phong kiến Nga-Hoàng. Các phương pháp chiến đấu bí mật không còn xa lạ gì đối với các tay cách mạng già dặn Nga-Sô đã nắm được tay lái điều khiển guồng máy chính trị của nước Nga. Tất cả các phương pháp : làm giả tờ giả mạo, hội họp bí mật, mật khẩu, mực kín, mật mã, tình báo đều là kỹ thuật hết sức quen thuộc đối với họ sau cuộc tranh đấu chính trị giành chính quyền.

Vấn đề liên lạc và di chuyển tin tức thu lượm được lúc ấy đã gặp

nhiều trở ngại đáng kể. Ngõ liên lạc trực tiếp và nhanh chóng nhất chỉ là ngõ qua các cơ quan ngoại giao chính thức của Nga tại các nước liên hệ. Tất cả tin tức đủ loại được chuyển đi theo nhiều ngõ ngụy trang hết sức khéo léo bằng những « hộp thư » giữ vai tuồng « trạm liên lạc », trước khi đến tay một công chức của Sứ quán, chuyên về việc ấy. Rồi từ đấy, các tin tức này sẽ được gửi thẳng về Mạc-Tư-Khoa bằng va-li ngoại giao.

Nhưng có thể có những nước không trao đổi ngoại giao đoàn với Nga, hoặc nếu có, nhiều khi người ta nhận thấy không tiện để cơ quan này dính dáng đến các hoạt động gián điệp, lúc ấy thì hệ thống này sẽ hoàn toàn độc lập. Đó là giải pháp mà sau này thường được áp dụng và cũng trở thành nguyên tắc kể từ năm 1939. Với trường hợp này, trong mỗi hệ thống, người ta dùng nhiều cộng sự viên liên lạc với sở thông hành mà họ có sẵn và với nghề nghiệp hoặc chức vụ riêng làm bình phong, họ có thể vượt qua được nhiều biên giới. Họ sẽ chuyển tài liệu, phim, ảnh v. v. bằng một trong muôn nghìn cách bí

mật được chỉ dẫn cho họ kỹ càng, từ cái va-li hai đáy cho đến cây bút máy có một chỗ trống bí mật. Nhiều khi các tài liệu này còn được di chuyển qua nhiều trạm liên lạc quanh co trước khi đến được Mạc-Tư-Khoa. Phương pháp này tỏ ra quá chậm chạp, nhưng với thời bình nhiều khi người ta không cần sự nhanh chóng mà thường khi nó được xem như điều kiện tối cần đối với giá trị của nguồn tin.

Sau này với các máy vô tuyến điện phát đi luồng sóng ngắn, các tin tức khẩn cấp được chuyển đi tức khắc và do đó mà năng xuất của các hoạt động gián điệp tăng lên một cách phi thường. Nhưng về phương diện này Nga-Sô đã tỏ ra kém hơn nhiều nước Âu Mỹ cho đến khi thế chiến thứ hai bắt đầu vào năm 1939, họ mới có đủ dụng cụ tối tân và chuyên viên cần thiết. Họ hoạt động có hiệu quả, mặc dù Đức quốc-xã đã tổ chức nhiều hệ thống nghe dò bằng máy vô tuyến trắc giác (1) để tìm tiêu diệt hệ thống gián điệp vô tuyến của Nga-Sô.

(xem tiếp trang 53)

(1) Radio-goniométrie

BAN HÌNH - CẢNH LƯU - ĐỘNG ĐẶC - BIỆT

CỦA

SỞ

CẢNH - SÁT ĐÔNG-KINH

★ NGUYỄN . ĐẠI

ĐÔNG-Kinh ! Thủ-đô Nhật Bản ! Đông-Kinh, một thành phố tồi tàn nhất nhì trên thế giới ! Đông Kinh, với ngót 10 triệu dân cư, sinh sản mau lẹ theo cái đà rất « Á Đông » . . . gần 20.000 người một tháng !

Du khách đến Đông Kinh, nếu chỉ nhìn theo con mắt của một khách du nhàn hạ, sẽ thấy Đông Kinh huy hoàng tráng lệ với những tòa nhà cao ngất, với một phi trường quốc tế tồi tàn lịch sự không kém một phi trường quốc tế nào của Âu Mỹ, với những đường phố rộng rãi và các cửa hàng lộng lẫy. Tóm lại, du khách sẽ phải thán phục Đông-Kinh, nơi gặp gỡ của các nguồn văn minh Âu-Mỹ khéo được điều hòa với các màu sắc riêng của Á-Đông và những tập tục cổ truyền đáng yêu của Nhật-Bản.

Nhưng nếu du khách có con mắt quan sát của một nhà hành luật, của một tổ chức Cảnh-sát, du khách sẽ tò mò muốn biết bề trong của Đông-Kinh qua sự gìn giữ an ninh và trật tự của một sở Cảnh-sát Đđ.thành gần 30.000 nhân viên để đối phó với bao nhiêu tội phạm tât có của một đô thành văn minh và đông đúc.

Vì lẽ tất nhiên là văn minh càng phát triển thì các vụ phạm pháp cũng gia tăng mạnh mẽ. Và cũng là lẽ tất nhiên, nếu bộ phận pháp, lưu manh « ba đầu sáu tay » càng đẻ ra những mảnh lối hành nghề phạm pháp, càng tinh vi bao nhiêu thì nhà chức trách càng phải có những tổ chức kỷ lưỡng và hoàn hảo để đối phó.

Một trong những tổ chức mới mẻ nhất của sở Cảnh-sát Đông Kinh là đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt đứng đầu là Cảnh-sát Trưởng Yozo Noda, và các thanh tra Masakichi Suzuki, Kanzo Kato, người nào cũng trên 27 năm thâm niên công vụ cả.

Mục đích

Đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc biệt là một lực lượng lúc nào cũng sẵn sàng hoạt động mỗi khi có một án mạng lớn lao xảy ra được cấp báo về trụ sở. Các đội viên, những điều tra viên lành nghề, không có nhiệm vụ tiếp tục cuộc điều tra cho đến cùng. Mục đích của họ chỉ là tới nơi phạm trường cho thật mau lẹ trong khi các tang chứng và nhân chứng hãy còn « nóng hổi », để giữ cho phạm trường được nguyên vẹn, thấu thập hay nhận định được thật nhiều tang chứng cần thiết mà thủ phạm, nhân chứng hay những người xung quanh chưa kịp thủ tiêu hoặc làm suy xuyễn mất. Sau đó nội vụ sẽ được chuyển giao sang tay những điều tra viên thông thường để họ tiếp tục nhiệm vụ theo các thủ tục thường lệ và họ lại ngồi đợi để bắt tay vào những vụ « nóng hổi » khác xảy ra, và thường hay xảy ra giữa một sở dân cư đông đảo gần 10 triệu người.

Tổ chức

Đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc biệt được tổ chức thành ba tiểu đội hoạt động thường xuyên trong ba lãnh vực của thành phố Đông-Kinh. Mỗi tiểu đội có 3

đơn vị 5 người một, chia ra ba phiên mỗi ngày. Mỗi phiên cũng hoạt động 8 tiếng đồng hồ như thường lệ.

Các đội-viên của Đội Hình-cảnh Lưu-động được trang bị thật đầy đủ các dụng cụ chuyên môn để thi hành nhiệm vụ. Mỗi người đều có một cái máy thu thanh thật gọn để nhận mệnh lệnh của Trung-ương truyền đi. Việc liên lạc hai chiều với trụ sở được thực hiện bằng cái máy vô tuyến thiết trí trên xe hơi của đội. Mỗi đội viên lại còn có một cái máy ghi âm thật nhỏ bé cùng với tất cả mọi dụng cụ nhiếp ảnh cần thiết.

Các máy ghi âm đã tỏ ra có công dụng đặt biệt có giá trị vì trong các cuộc phỏng vấn, các đội viên đã giảm bớt được rất nhiều thời giờ, không còn sợ thiếu sót một chi tiết nào về lời khai của nhân chứng như khi chỉ ghi chép bằng tay không thôi. Hơn nữa, kinh nghiệm lại còn cho thấy rằng khi mở máy để nghe lại những lời khai của nhân chứng đã ghi vào băng, ngay khi vụ án

xảy ra, nhiều khi người ta đã tìm ra được nhiều ý nghĩa có giá trị của một dấu môi ấn trong các lời nói của họ hơn là chỉ đọc những lời ghi chép tay trong sổ tay của các nhân viên. Nhất là những khi chép vội, nhân viên có thể bỏ qua mất những khía cạnh quan trọng ấn trong lời nói, giọng nói của người khai.

Phải nói ngay rằng đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt này luôn luôn bận rộn. Xin đan cử một con số thông kê : nguyên trong chín tháng đầu năm 1961, đã có 174.655 vụ phạm pháp quan trọng được ghi nhận tại sở Cảnh sát Đông-Kinh, và trong số đó đã có 102.676 vụ được giải quyết bằng những vụ bắt bớ. Trong số 174.655 vụ phạm pháp kể trên, có 131.297 vụ về trộm cắp ; 17.595 vụ về hành hung, hăm dọa ; 1475 vụ trọng phạm (án mạng, cướp, đột nhà và hiếp dâm.) và 11.990 vụ về các tội khác như gian lận, biển thủ, giả mạo, hồi lộ v. v...

Trong tổng số các vụ trên, nguyên Đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt đã phụ trách điều tra nguyên thủy của 743 vụ quan trọng ; trong số đó, có 68 vụ án mạng, 282 vụ cướp, 35 vụ hiếp dâm, và 174 vụ hành hung. Từ khi Đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt được thành lập, con số những vụ án quan trọng được giải quyết đã tăng từ 78 đến 89 phần trăm.

Sự hữu hiệu của đội này đã được chứng tỏ nhiều lần qua hoạt động của các nhân viên. Một thí dụ cụ thể nhất là vụ một người bán hàng lớn tuổi bị chết và được cấp báo cho sở Cảnh sát. Sau cuộc điều tra sơ khởi người ta kết luận rằng đó là một cái chết do bệnh hoạn và tuổi

tác. Nhưng các nhân viên đội Hình-cảnh Lưu-động Đặc biệt được yêu cầu xác nhận lại cuộc điều tra trên, và sau khi khám nghiệm kỹ lại lần nữa tử thi của người chết, các nhân viên tìm thấy có một vết cắt nhỏ trên đỉnh đầu, gần được che kín bởi bộ tóc của nạn nhân. Ba giờ đồng hồ sau khi các đội viên Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt được gửi đến phạm trường, cuộc mổ xẻ tử thi được hoàn tất và người ta khám phá ra rằng cái chết của nạn nhân là do óc bị động mạnh vì một sự « va chạm » làm chảy máu nội thương. Cuộc điều tra rộng rãi được tiến hành ngay và có ba người tình nghi bị bắt ; những người này về sau thú nhận đã âm mưu hạ sát nạn nhân vì tư thù.

Thế rồi, vài tuần lễ sau đó, Ban Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt lại được cấp báo về một vụ án mạng khác xảy ra tại một quán rượu trong thành phố : một khách hàng ăn bị một kẻ lạ mặt đâm chết. Các cuộc phỏng vấn kỹ lưỡng và có phương pháp tất cả những người có mặt tại phạm trường và

xung quanh đó được tiến hành và ghi âm lại. Sau đó, cuộc phân tách tỉ mỉ các chi tiết và các dấu môi cho thấy nguyên do vụ án là sự cạnh tranh giữa hai nhóm côn đồ. Có người thấy có hai kẻ tình nghi lên một chiếc xe taxi chạy về hướng Bắc Đô thành. Cuộc vây bắt được bố trí. Các ngã đường thành phố được ngăn chặn và một giờ rưỡi đồng hồ sau khi các nhân viên Hình-cảnh Lưu-động Đặc-biệt tới phạm trường hai tên lưu manh đã bị bắt tại một góc phố nọ có đặt chướng ngại vật ngăn cản Cuộc hồi cung. Chúng sau đó, cùng với sự điều tra ngay tại phạm trường đã đưa tới sự giải quyết vụ án.

Sở Cảnh-sát Đô-thành Đông-kinh rất hãnh diện với dân chúng mà họ phục vụ, về những kết quả tốt đẹp mà Ban Hình-cảnh Lưu-động Đặc biệt, sau một năm hoạt động, đã thu thập được.

Do đó người ta đang nghiên cứu để áp dụng những kỹ thuật tương tự sang một lãnh vực khác : cuộc điều tra các vụ thường phạm, không quan trọng.

(Theo tạp chí F.B.I)

Chuyện vật nước người

DỪNG CHIM BỒ CÂU ĐƯA THƯ TỔNG TIỀN

Lần thứ nhất trong lịch sử phạm pháp, bọn lưu manh đã dùng chim bồ câu đưa thư để tổng tiền dân chúng. Chuyện xảy ra ở Nhật Bản. Nửa đêm ngày 7 tháng 7 năm 1961, một người dân ở thành phố Nagoya bên Nhật đang ngủ bị thức giấc vì một tiếng động mạnh ở cửa nhà. Y ra xem thì chỉ thấy một bao thư treo ở cửa và một con chim bồ câu đặt trong một cái hộp.

Bức thư ra lệnh cho y phải bỏ một tờ giấy bạc 10.000 « yen » (tiền Nhật) vào cái ống nhỏ ở chân con chim bồ câu rồi thả nó ra vào 12 giờ trưa hôm sau. Bức thư viết bằng những chữ cắt trong tờ báo và được chấp nối lại, với lời hăm dọa là nếu trái lệnh, nhà y sẽ bị đốt và gia-đình y bị ám sát v.v...

Y đã gọi giây nói cấp báo cho Sở Cảnh-sát ngay khi đó. Thật là một lối tổng tiền rất « văn minh » !

BẢO CỒ THẦN KINH

của BAO - LA CƯ - SĨ

Vừa rồi, do sáng kiến của Đức Cha NGÔ-ĐÌNH-THỰC, Tổng Giám Mục Địa-Phận HUẾ, một Ủy-Ban Vận-Động « HỘI BẢO CỒ THẦN-KINH HUẾ » đã được thành lập tại Saigon và Huế. Chủ-Tịch của Ủy-Ban này là Giáo-sư NGUYỄN-QUANG-TRÌNH, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục. Hai vị Cồ-Văn là Ô. Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội và Ông Trương-Công-Cừu, Bộ-Trưởng Đặc-Trách Phồi-Hợp Văn-Hóa và Xã-Hội.

Hội này nhằm mục-đích « bảo tồn, khôi-phục và trùng-tu các di-tích xưa của Cố-Đô Huế, và các miền tiếp cận có những thắng cảnh, di-tích lịch-sử ». Trong khuôn khổ đó, chúng tôi thấy có nhiệm-vụ nhắc lại sự tích của một vài thắng tích Cồ Đô, có liên hệ ít nhiều với Lịch-Sử nước nhà. Trong số đó, chúng ta phải đặt lên hàng đầu hai thắng cảnh chính-yếu là SÔNG HƯƠNG và NÚI NGỰ, là những yếu-tố thiên-nhiên làm khung cảnh và nền tảng cho Cố-Đô thơ mộng.

BA ĐẶC-TÍNH CỦA SÔNG HƯƠNG

Trước hết xin nói tới Sông Hương, đã được khéo léo diễn tả trong câu thơ :

*Già dặn tuyết sương từng Thê Miếu,
Mơ màng trắng nước trúc Sông Hương.*

Mơ màng hẳn là đặc-tích thứ nhất của sông Hương nói riêng và Huế nói chung, cho nên có một văn-sĩ Tây-Phương đã gọi : « Huế là vaporeuse » ; đặc-tích thứ hai là nước trong như lọc, trong hơn cả nước hồ Lemán của Thụy-Sĩ, trong đến nỗi người ta có thể nhìn thấy cá lội dưới chân bèo ; đặc tính thứ ba là nước ngọt, tỏa mùi hương : bởi lẽ đó mà người xưa mới đặt tên là Sông Hương, Hương Giang ..

Chắc chắn khi đọc tới đây, có bạn mỉm cười và tỏ ý hồ nghi, cho rằng người ta vì chủ quan mà đã thi-vị-hóa một giòng sông. Tôi xin thanh-

minh ngay rằng Sông Hương thơm ngát là một sự kiện có thật và trong chốc lát, tôi sẽ chứng minh điều này. Bây giờ, xin hãy nói đến hình dung của Sông Hương, kể từ trên nguồn xuống tới cửa Thuận-An.

SÔNG HƯƠNG BẮT NGUỒN TỪ Đâu ?

Mở sách Đại-Nam Nhất Thống Chí, quyển Thừa-Thiên (tập thượng), mục « Sơn Xuyên » chúng ta thấy có ghi những chi tiết sau đây :

Hương giang ở phía Nam huyện Hương-Trà 4 dặm. Sông này có hai nguồn : Tả Trạch và Hữu Trạch (Tả và Hữu ở đây xin đọc - giả nhận định theo lối Á-Đông, nghĩa là nhìn từ biển lên nguồn, chứ không phải từ nguồn nhìn xuống biển).

Tả Trạch bắt nguồn từ Khe Ba, ở núi Trường Động chạy qua tây-bắc, khuất khúc đến Điện-sơn, Biện lộ, Phổ-giang, cộng 59 dặm ; rồi đến thác Thủ, lại chuyển qua hướng đông chạy đến các khe đá, được 26 dặm đến ngã ba Sông Bằng Lăng.

Hữu Trạch phát nguyên từ phía đông núi Chấn Sơn, chạy được 10 dặm đến bên sông Đồng-Giang, lại chạy về Đông Nam 14 dặm đến ngã ba sông Bằng Lăng.

Đền đây, hai giòng hiệp lại chảy về hướng đông, làm thành Sông Hương, chảy độ 4 dặm quanh theo làng Cơ Thánh, đến phía đông núi Ngọc Trản (Hòn Chén) rồi chạy quanh ra phía bắc độ 11 dặm đến ngã ba sông Long-Hồ, lại 8 dặm đến cầu Lợi Tề (Kim-Long) rồi chạy vòng trước Kinh-Thành 4 dặm, qua ngã ba cầu Gia-Hội, 7 dặm đến ngã ba Bao-Vinh, 3 dặm đến ngã ba Triều-Sơn, 2 dặm đến ngã ba Thanh-Phước, 13 dặm đến bên Thái-Dương, 3 dặm đến phía nam thành Trấn Hải, rồi phóng ra cửa Thuận-An.

SÔNG AN-CỰU NẮNG ĐỤC MƯA TRONG

Sông Hương có 3 chi nhánh chảy về phía Nam: sông Lợi Nông, sông Thiên-Lộc và sông Phổ-Lợi.

Sông Lợi Nông tức là Sông An-Cựu, đã được diễn tả rất thi vị trong câu hò :

*Núi Ngự-Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nặng đục mưa trong,
Mặc ai một dạ hai lòng,
Em ôm duyên thủ tiết trong loan phòng đợi anh !*

Sông An-Cựu chảy ra đầm Hà-Trung. Sông Thiên-Lộc có đập đá Thọ-Lộc ngăn chặn, rồi cũng chảy ra đầm Hà-Trung, sau khi hợp lưu cùng sông An-Cựu. Còn sông Phổ-Lợi, tức là sông Nam-Phổ, chảy về cửa Thuận-An

Sông An-Cựu và sông Nam-Phổ là hai con sông đào : sông An Cựu đào năm Gia-Long thứ 13 (1814) ; sông Nam-Phổ đào năm Minh Mạng thứ 17 (1836). Cũng vào năm này, nhân có đức 9 đình đóng để thờ trước Thê-Miêu, vua hạ lệnh chạm sông An - Cựu vào Chương - Đình (thờ vua Thiệu-Trị), sông Nam-Phổ vào Nhân-Đình (thờ vua Minh-Mạng).

SÔNG HƯƠNG THƠM NGÁT THẠCH-XƯƠNG-BỒ

Riêng con sông Hương được chạm vào Cao-Đình (thờ vua Gia-Long). Sở dĩ gọi Sông Hương là vì ở hai bên tả hữu trạch, có mọc giống Thạch Xương-Bồ, (Acorus Gramineus) thuộc họ Aracées, ưa sống gần những khe nước có đá. Rễ nó thơm, có chất long não và chất đường (acorine), có thể dùng để chế thuốc đánh răng cho thơm miệng. Các tu-sĩ dùng Thạch-xương-bồ trong việc điều chế các thứ rượu Bénédicte và Vermouth, để gia tăng hương vị.

Cụ Văn-Bình Tôn-Thất-Lương, một nho gia danh tiếng của đất Thần-Kinh, đã từng ngược giòng Sông Hương, lên tới nguồn và tìm thấy giống dược-thảo quý hóa này. Cụ có để lại một bài thơ trường thiên, đề là HƯƠNG GIANG HÀNH, trong đó có một đoạn như sau :

*Cỏ thơm có giống thạch xương bồ,
Sanh ở hai nguồn Tả Hữu Trạch;
Hơi thơm đầm nước, nước trong veo,
Hợp thành sông thơm chảy róc rách.
Quanh co rộng hẹp vài muôn sải,
Thắm mát ruộng vườn gành với bãi,
Êm đằm theo dọc tỉnh Thừa Thiên,
Chảy về Thuận-An ra Đông-Hải.*

(Huế 19-1-1941)

DƯỢC-TÍNH CỦA THẠCH-XƯƠNG-BỒ

Theo Giáo sư Alfred Petelot, chuyên khảo về các dược thảo Việt-Nam, cây Thạch-xương-bồ cũng có tên là Xương-bồ, Bồ bồ nếp Bồ-bồ, còn Pháp-ngữ thông-dụng gọi là *Roseau odorant*.

Theo sách Đông-y Dược-Thực-Nghiệm của một nhóm Đông-Y-Sĩ, do Bình-dân xuất bản tại Saigon năm 1957, chữ Bồ có nghĩa là cỏ Lác, vì lá Bồ-bồ giống cây Lác, nhưng không có răng cưa, lá trơn, dày và mềm, mình lóng, lá lớn hơn lá Lác mà ngắn thua, Củ Bồ-bồ có nhiều mắt : thứ nào dài 1 tấc mà có 9 mắt là thứ hảo hạng. Củ Bồ-bồ ruột trắng, có xơ. Mùi thơm nồng. Vị cay đắng, tánh ấm, khai thông hơi trái tim, làm sáng mắt, bỏ gan, làm rõ tiếng, tỉnh tai, trừ đàm, đuổi phong thấp, khai thông miệng bao-tử.

Ngoài ra, củ bồ bồ sắc uống có thể trị : rét ban, dây dưa, ho, kiết, tức, mệt, sinh bụng, kinh phong và có thể tiêu thũng, giải độc, giảm tê nhức. Đây là thang thuốc gia truyền trị bệnh kiết lỵ :

- | | |
|------------|-----------|
| — Củ Bồ-bồ | 10 gờ ram |
| — gừng lụi | 1 củ |
| — Củ cỏ cú | 10 gờ ram |
| — Đọt ổi | 5 đọt |

Cả 4 thứ sắc uống, lành bệnh lập tức.

Và đây cũng là một bài thuốc gia truyền dùng trị bệnh ho nhiều, ho có máu vướng đàm :

- Củ bồ-bồ
- Lá thuốc cứu
- Lá trắc-bá-diệp
- Lá sen

Cả 4 thứ sao vàng, sắc uống, thì chóng lành bệnh. Chỉ cần gia thêm niềm tin tưởng thì bệnh gì cũng lành cả. Lành để dạo chơi lành mạnh trên Sông Hương, lắng nghe cô lái đò cắt tiếng hò trầm bổng giữa giòng sông muôn thuở :

*Sông Hương một giải xanh xanh,
Gió vờn mặt nước sóng tình đầy vơi;
Con thuyền xuôi ngược hôm mai,
Nhẹ tay chèo lái những ai đó giờ !*

(Á-Nam Trần-Tuấn-Khải)

Gia-định, ngày 16 tháng 5 năm 1963

BAO-LA CƯ-SĨ

LÀM PHÚC... PHẢI TỘI

★ NGUYỄN - VĂN - ÍCH

GẦN 20 năm phục vụ trong ngành Cảnh-sát, qua các đơn vị chuyên môn, tôi thấy mỗi đơn vị đều có những khía cạnh riêng biệt, buộc ta phải học hỏi thường xuyên để tự tạo lấy khả năng, nắm thắng thế cho ta những kinh nghiệm « sống » nhưng thường phải trả với những giá thật đắt.

Cổ-nhân có nói : « thương anh tôi để trong lòng, việc quan tôi cứ phép công tôi làm ». Câu phương ngôn này rất đúng và rất thực tế khả dĩ lấy làm câu « giáo điều » cho người công bộc nhất là người cảnh-sát chúng ta.

Để chứng minh, tôi xin kể một chuyện xảy ra cách đây mười năm, một chuyện rất thực mà tôi nhớ mãi mỗi khi gặp trường hợp tương tự.

Hồi đó, An là ủy-viên điều tra Phòng Tư-pháp Cảnh-sát thuộc Sở Cảnh-sát Liên-bang Trung-ương tại một Hải cảng Bắc-Việt.

Trong số nhân viên Pháp và Việt phụ trách tại phòng này, An là người ít tuổi hơn hết, kém khả năng và kinh nghiệm nghề nghiệp song lại rất nhiều tự ái, không chịu học hỏi vì cho rằng mình đã từng ngược xuôi Nam Bắc nay đó mai đây, đã khôn ngoan từng trải chán, cần gì phải hỏi ai cho nó mất « thớ » con người đi ! Chính vì cái ý nghĩ nông cạn này đã tạo cho An nhiều phen thật là nguy hại và cai đắng như cái vụ « làm phúc phải tội » này chẳng hạn.

Một hôm, viên chủ-sự phòng Tư-Pháp cảnh-sát ủy cho An điều tra và lập biên bản một vụ « quyến rũ gái vị thành niên » do Tòa án chuyển giao, kèm theo cả « trát dẫn giải » bị cáo.

Theo thủ tục, An dẫn hai cảnh-sát phụ tá đến nhà bị cáo và lập biên bản dẫn giải, đem y về Cảnh-sát cuộc giam giữ để tiến hành cuộc điều tra.

Cuộc điều tra gần kết thúc, An định sáng hôm sau giải ra Tòa thì anh ruột của bị cáo tên là « Lường Phóng » đến. Lường-Phóng và An có quen biết nhau qua các

bữa tiệc hoặc các châu hát ở Quán bà Mau ; y là người gốc Hoa vào Pháp-tịch lại làm thông-dịch viên tại Tòa Sứ-quán một cường quốc nọ, nên y quen biết nhiều, *hiếu luật pháp*. Lúc ấy đã quá 6 giờ tối, ông Cò và bạn đồng sự đều đã về, còn mình An và mấy người tùy phái ở lại phòng. An đang viết biên bản chính, Lường-Phóng vào tỏ vẻ buồn bã lắm, y nhận bị cáo là em ruột và khẩn khoản với An thế này :

— Anh An ơi, em tôi chắc không thoát khỏi tù tội, chưa biết bao giờ mới về ! Nó làm mất danh giá cả một gia đình, tôi cũng muốn cho nó ở tù vài chục năm mới đáng ! Tôi chỉ huân cho gia cảnh nó, anh coi, mẹ tôi đã già nghe tin nó bị bắt mà phát trọng bệnh gần chết rồi, chỉ ước mong được gặp mặt nó một lần cuối cùng. Còn vợ nó thì mới đẻ, con lên sai uồn ván, trời mưa phùng gió bắc rét mướt thế này mà vợ nó nhất định đòi bế con lên đây để cho chồng nó nhìn mặt con ! Khổ tâm quá, anh làm phúc gọi nó lên đây để tôi thăm nó, nói cho nó nghe những sự đau lòng ấy. Anh làm ơn làm phúc cũng như làm giàu, để cái đức cho các cháu, anh ạ !

Nghe Lường-Phóng nói, An quên cả biên bản, búi ngùi trong lòng, vội ra lệnh cho anh tùy phái xuống nhà giam dẫn Ấ-Cầu (bị cáo) lên bàn giải.

Trông thấy anh, Ấ-Cầu khóc sướt mướt. Lường-Phóng nói cho em nghe tình cảnh gia đình, tay đưa gói bánh. Thấy 2 anh em hẳn khóc lóc với những lời từ biệt, chia ly mà An nôn nao trong lòng, ngồi thừ ra và thở dài thườn thượt :

Có lẽ nắm được nhược điểm tình cảm của An, Ấ-Cầu quỳ xuống lạy, đồng thời Lường-Phóng cũng chấp tay cung kính, xụt xùi mà nài nỉ :

— Anh ơi, đừng nào thì sáng mai nó cũng vào đề lao rồi, anh làm phúc cho nó về nhà cho mẹ tôi nhìn mặt, vợ con nó giả từ và cho nó vận thêm mấy cái áo, ăn với tôi một bữa cơm ; anh vì tôi mà ban cho em tôi cái đặc ân đó thì cả nhà tôi đội ơn anh, 7 giờ sáng mai tôi xin dẫn nó lên đây trả vào nhà giam.

Trước cảnh tình ấy lại nghe những lời nói đau thương ấy, An đã quên mất phận sự và luật pháp, gặt đầu cho Á-Cầu theo anh hấn về thăm nhà. An khóa cửa văn phòng, đứng đỉnh ra hàng chả cá ngồi nhậu, tự lấy làm thích thú vì đã làm một việc đầy nhân đạo, phúc đức.

Sáng hôm sau An đến sở sớm, chờ Lường-Phóng dẫn em y vào để trả lại nhà giam mà không sợ ông Cò biết chuyện. 6 giờ 30 rồi 7 giờ, rồi 8 giờ, càng mong càng mất. Ông Cò và các bạn đồng sự đã đến làm việc, mọi người vui vẻ, riêng An thì đứng lên ngồi xuống, đi ra đi vào, ruột nóng như lửa đốt ! Quái ! Nó làm gì giờ này chưa đến, ngũ quên chắc ! Ông Cò đi qua, bắt tay chào hỏi rất ư là thân mật, hỏi thăm kết quả, An đưa trình hồ sơ, ông tỏ ra rất bằng lòng về công tác của An. Ông ra lệnh cho sửa soạn để giải tòa nội buổi sáng. An soạn hồ sơ để ký mà đầu óc rối rịt tựa mớ bông bong, toát mồ hôi và luống cuống như gà mái mót đẻ. Khổ quá, bị can giờ này chưa đến thì lấy ai mà giải tòa bây giờ ! An định lấy xe đến nhà hấn song lại sợ bị lộ nên đành ngồi yên, lo âu vô cùng !

Một hồi chuông điện thoại, ông Cò nghe xong hắt hàm gọi An, nói :

— Ông An này, lấy xe giải ngay Á-Cầu lên phòng ông Biện lý để ông cho thăng anh nó vài cái tát vào mặt ! Anh nó đang nhờ viên bí thư của Sứ Quán .. kiện tại Biện-ly cuộc rãnh Cảnh - sát bất và thủ tiêu em nó là Á-Cầu !

Chết rồi ! An run cả chân tay, đi không vững, đến bên ông Cò mà không nói nên lời. Ông Cò thất sắc trừng mắt hỏi :

— Cái gì ? Làm sao ? Anh đánh chết nó rồi à ? Hả ? sao ?

An cố thu hết can đảm thuật lại đầu đuôi câu chuyện « làm phúc » ấy, ông Cò nẩy bật ra khỏi ghế tay với khẩu súng, tay kéo An và gọi tất cả nhân viên Phòng Tư-Pháp, chạy ủa ra xe, phóng như bay đến nhà Á-Cầu !

Vào nhà, thấy mẹ và vợ y đang ăn phở, hỏi Á-Cầu đâu, họ lắc đầu trả lời : « các ông bắt mấy hôm nay rồi, cả xóm đều biết, còn hỏi gì nữa ! »

Chúng tôi nhìn nhau ngơ ngác, ông Cò tím mặt nghiến răng nhìn An như muốn « nhai » nát cho đỡ bức mình. Chúng tôi kéo nhau đến nhà Lường-Phóng thấy đóng cửa kín khóa trái. Lên Sứ Quán nơi y làm việc thì y lánh mặt không tiếp.

Sau khi ra lệnh cho các Bót, các toán và động viên toàn thể lực lượng Cảnh-sát thành phố để truy tìm Á-Cầu, ông Cò kéo chúng tôi về phòng, ông ngồi hút thuốc lá và ngắm An y như ngắm một con quái vật ! Còn An lúc đó không rõ nên cười hay nên khóc, đúng cái cảnh « gãi ngồi phải cọc ».

Có lẽ ngắm mãi nó cũng hết thú vị nên ông Cò thở dài, nhắc điện thoại trình bày tất cả sự thực với ông Chánh-sở Cảnh-sát.

Độ 15 phút sau, ông Cò được lệnh, và thân dẫn toàn thể nhân viên Phòng Tư-Pháp lên Tòa diện trình Ông Biện lý. Vừa trông thấy chúng tôi, ông Biện-ly vui vẻ và rất lịch sự mà hỏi rằng :

— Chào các bạn, tôi rất hạnh diện có những viên chức phụ tá tài giỏi như các bạn ! Vì sự mẫn cán, thông thạo của các bạn mà tôi có đủ lý lẽ để dạy cho viên Bí thư Sứ Quán nọ một bài học về luật pháp, thế mà bây giờ có lẽ chính y sẽ dạy lại tôi ! Khá lắm !

Hai tay chấp sau lưng, ông Biện-ly đi đi lại lại, mắt hoăm hoăm nhìn soi mói đến tận gan phổi chúng tôi, bắt thành linh ông vỗ bàn, quát vào tai ông Cò :

— Các anh có học Hình - sự Tố-tụng không ? Có hiểu các nguyên tắc và quyền hạn của một viên chức Tư-Pháp cảnh-sát không ?

Ông Cò tái cả người, chỉ vào An và nói :

— Thưa ông Biện - Lý, đó là sự đại dột của ông An này... ! Chúng tôi không cố ý !

Lúc đó ông Biện-Lý có hình vóc cao lớn. mặt lạnh như tiền từ từ tiến lại sát bên An và ôn tồn nói :

— À, ông An ! tuy ít gặp nhau song tôi cũng hiểu khá nhiều ! Tôi xin chia buồn cùng ông. Phiền quá tôi biết là ông không cố ý, chỉ đánh nhẹ có vài cái thế mà nó chết, có lẽ nó ốm sẵn ?

An choáng váng, hoa cả mắt, lúng túng mãi mới nói thành tiếng :

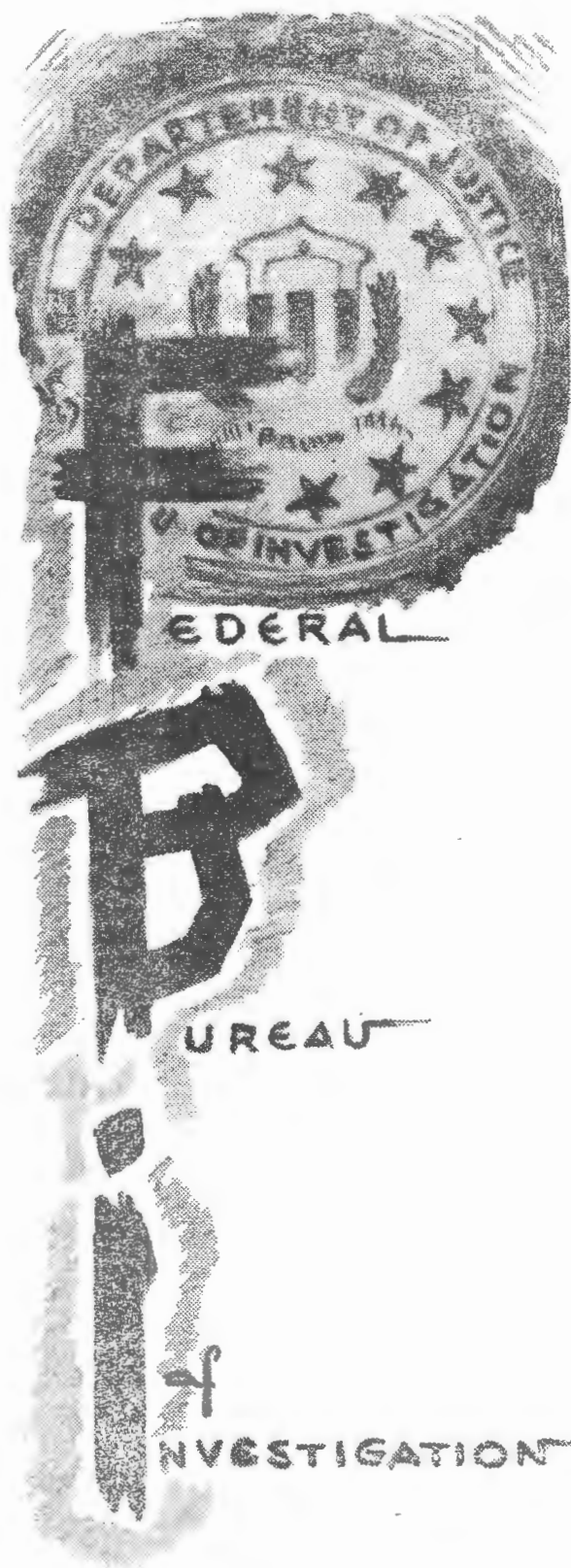
— Thưa ngài Biện lý, tôi không đánh chết bị can, chính tên Lường-Phóng anh ruột nó đã năn nỉ xin cho nó về thăm mẹ và vợ, rồi...rồi...

— À... anh cho nó về nhà ? Tốt bụng quá ! Nhưng nó biếu anh bao nhiêu tiền ? Chắc số tiền lớn lắm nên anh mới làm vậy như thế ?

— Dạ, tôi... tôi không lấy tiền, tôi làm phúc !

— Trời ơi ! Anh làm phúc à ? Sao anh không làm phúc « tôn trọng luật lệ » giúp tôi ? Khó tin lắm, tôi không (xem tiếp trang 47)





CÔNG-AN

VIỆC C. A. L. B.

(tiếp theo)

« ĐANG CUỒNG SÁT »

John Herbert Dillinger, tù nhân ở khám đường Tiểu bang Indiana, được thả ra theo lời thề vào tháng 5 năm 1933. Dillinger và đảng của y, mà người ta thường gọi là những tên « cuồng sát », quét sạch miền Mid từ tháng 9 năm đó đến tháng 7 năm 1934, bỏ lại vùng vãi 10 người chết, 7 bị thương, 4 ngân hàng tan tành, 3 kho súng trống rỗng của Cảnh sát và 3 khám đường cũng trống rỗng, không còn tù nhân nào cả.

Cướp của, giết người, tù đầy, vậy mà Sở C. A. L. B. cũng chẳng ăn thua được gì với Dillinger. Bởi vì... y khéo thu xếp thành ra không có vi phạm điều luật Liên bang nào cả. Nhưng... rồi một ngày kia, Dillinger phải bị « chạm trán » với bọn người

« bắn thuê » (nhân-viên C. A. L. B.). Nguyên nhân : vượt biên giới Tiểu bang trong một chiếc xe hơi ăn trộm.

Tại Tiểu-bang Indiana, Dillinger bị truy nã vì tội hạ sát một Cảnh sát viên ở Đông Chicago. Toàn thể những Cảnh - sát địa phương đều được báo động. Người ta thấy y ở Tucson (Arizona) và bắt được y ở đó với 3 đồng đảng. Cảnh-sát Tucson tìm thấy tại ổ Dillinger 3 tiểu liên Thompson, 2 súng trường Winchester biến chế thành tiểu liên, 5 áo giáp đỡ đạn và hơn 25 ngàn đô-la (1 phần tiền đó cướp ở ngân hàng Đông Chicago).

Dillinger bị giải về Indiana và giam vào khám đường ở Crown Point — Một khám đường tự cho là có thể chịu đựng được tất cả mọi sự thử thách để đào tẩu — trong khi chờ đợi tòa xử vụ sát nhân ở Đông Chicago. Thế mà... ngày 3 tháng 4 năm 1934, Dillinger đã vượt ngục, và thoát ! Y vẫn nói rằng y đã giờ súng ra dọa những người coi ngục, một khẩu súng... gỗ y đã đeo bằng lưỡi dao cạo để tiêu thì giờ trong ngục. Còn những người coi ngục thì vẫn cứ nói rằng y có một khẩu súng lục thật hăn hoi, lòng 11 ly, không biết ai và bằng cách nào đã đưa được vào

★ Nguyễn-văn-Hội dịch Don WHITEHEAD

LIÊN - BANG HOA - KỲ

ngục cho y. Đứng ra thì Dillinger bắt người coi ngục mở cửa sà-lim, cướp lấy 2 tiểu liên trối gô lính lại, nhảy lên xe hơi của ông Quận-trưởng chạy trốn về phía Chicago. Đúng lúc y qua lần ranh giới giữa 2 Tiểu-bang Illinois và Indiana, là lúc y vi-phạm luật Liên-Bang : Đạo luật Quốc gia trừng trị trộm cắp các thứ xe chạy bằng máy, thường gọi là Dyer Act cấm đi từ Tiểu-bang này sang tiểu bang khác bằng một chiếc xe ăn trộm.

Từ trước đến nay, Dillinger chỉ mới phạm các luật địa phương, các luật của các Tiểu-bang. Nhưng bây giờ Sở C. A. L. B có quyền và có bốn phạm truy nã y vì vi phạm một đạo luật Liên-bang. Nhân viên C.A. tức khắc rượt theo Dillinger.

Vượt ngục xong, Dillinger cưỡi mũi pháp luật. Y viết cho em y khuyên chớ lo lắng gì về y, vì lo vô ích. Y thêm « Vừa giỡn chơi một trận khoái chí tử ! Chúng nó bảo anh có « chó lửa » thứ thiệt, 11 ly. Nói thế để làm một che lấp, bởi vì không có đời nào chúng chịu được rằng anh đã trối gô 8 thằng và bắt 12 đũa nữa giờ tay hàng chỉ bằng 1 khẩu súng.. gô, rồi mới lấy súng của họ. Khi có súng trong tay rồi, lúc đó anh mới cho họ biết súng anh là súng gô ! Ngắn tò te cả ra một lù ! Ha ha ! Trận đó khoái chí tử, 10 năm thọ cũng đáng ! »

Vượt ngục lần đó, quả thực đáng giá cho Dillinger hơn 10 năm. Khi viết thư trên, y có biết đâu y chỉ còn sống có vài tuần nữa.

Đã hai phen rồi, nhân viên C. A. tưởng đã tóm được y. Và cả hai

phen y đều thoát khỏi, dưới làn mưa đạn. Tháng 4 năm 1934, đảng « cường sát » nghỉ mát ở bờ biển Wisconsin, tại Little Bohemia Lodge, cách Rhinelander non trăm cây số. Nhờ đàn chó sủa báo động rầm lên khi có bóng nhân viên C. A. tới, chúng đào tẩu ngay. Cách được một quãng, Lester Gillis Nelson, tục danh « nhai con », nổ súng, bắn chết thẩm-sát-viên đặc biệt W. Carter Baun và khiến bị thương 2 người nữa. Dillinger thoát, nhưng... vòng lưới càng ngày càng thắt chặt lại.

Ngày 1 tháng 6, hai tuần sau khi Tổng - Thống Roosevelt ban hành những đạo luật mới về tội đại hình, Hoover kêu thẩm-sát-viên đặc biệt Samuel P. Cowley tới văn phòng để giao công tác. Cowley người rất cao lớn mạnh mẽ, năm đó 34 tuổi, nguyên là một trạng-sư ở Utah, đã đi giảng đạo trước khi nhập gia đình C. A. Hoover trao cho Cowley công tác bắt Dillinger.

Sau này, Cowley kể lại những lời Ông Hoover :

« Theo sát tung tích. Nó đi đâu mình đi đấy. Ai dính dáng nhiều ít tới đảng, bắt hết. Còn nó thì phải bắt sống, cớ mà bắt sống nếu được. Nhưng... phải tự vệ ! »

Tìm ra tuồng tích ở Chicago. Người ta nói Dillinger lẩn khuất đâu đó ở đây. Y đương nghỉ dưỡng sức, vì mới giải phẫu diện mạo để không ai nhận ra được y. Cowley và Melvin Purvis, thẩm-sát-viên đặc biệt công tác ở văn phòng Chicago, cũng thi hành nhiệm vụ với 2 cảnh sát viên ở Đông Chicago, Đại-úy Timothy O'Neil và Trung-sĩ Martin

Zarkovich. Họ lựa lọc kỹ càng tất cả mọi tin tức của những ai tưởng như đã nhận diện được Dillinger, một người biết cái gì là 4 nhân viên C. A. đều biết.

Manh mối tung ra đêm 21 tháng 7, khi O'Neil và Zarkovich dẫn về Sở C.A.L.B. một người đàn bà vào khoảng bốn mươi ; đó là Ana Cumpapas, rồi quê hương Lỗ - Mã - Ni từ năm 1914 và từ ngày đó thường gọi là Anna Sage.

Ana Cumpapas đến điều-đinh một việc, lòng bối rối mấy điều lo nghĩ. Sở Ngoại kiều và nhập tịch muốn trục xuất Ana vì thành-tích bất-hảo, Ana là chủ nhì một nhà chứa ở Gary tại Indiana. Ana đặt điều kiện: Bán Dillinger cho CA lấy 2 điều, một là lãnh thưởng, hay là được giấy cư trú.

Tiền thưởng thì bảo-đảm là có rồi. Còn Purvis cam đoan sẽ cố chạy cho giấy cư-trú. Công lao của Ana sẽ được Bộ Lao Động tưởng thưởng, vì lúc đó chính Bộ Lao-Động cấp giấy phép cư-trú cho ngoại-kiều, chớ không phải Bộ Tư-Pháp.

Ana Cumpapas tiết lộ rằng John Dillinger định đêm mai đem mình đi coi hát bóng cùng với một bạn gái nữa là Polly Hamilton Chưa biết tại rạp nào, có lẽ rạp Marbro. Mai sẽ tin rõ. Nhân-viên CA chưa ai biết mặt Ana, thế thì nhận hên làm sao được. À ! Ana sẽ mặc áo màu đỏ.

Cowley và Purvis tập hợp nhân viên CACS Đông Chicago. Lưới chăng rồi.

Ana giữ đúng lời hứa, chấp tối 22 kêu điện thoại nói chưa rõ rạp

nào, một là Marbro, hai là Biograph. Như thế nghĩa là phải bố trí mai phục nhân-viên cả hai nơi.

Và đây là những chỉ thị cuối cùng cho nhân-viên, mà sau này người ta thấy một nhân-viên có ghi lại trong báo cáo :

« Anh em đều biết John Dillinger là người thế nào rồi. Vậy nếu vậy xong mà ta còn để nó chạy thoát, thế thì nhục cho cơ quan mình. Có lẽ Dillinger đi coi bát bóng với đàn bà thì không đem súng theo. Nhưng.. có thể y có súng, và có đồng đảng hộ-vệ. Bất Dillinger thì nguy hiểm không sao tính trước được. Mong rằng hắn bị bắt sống, và chúng ta không ai bị thương. Anh em, đây là dịp mà chúng ta chờ đón đã từ lâu. Phải bắt được Dillinger. Đừng phoir thấy vô ích, nếu y chống cự, mình phải tự-vệ. Mỗi người tùy liệu, sao cho bắt được Dillinger mà mình không chết ! »

Dillinger định đi xem phim « nhạc-kịch ở Manhattan » do Clark Gable đóng. CACS nhận diện được lúc y vào rạp, đi giữa Polly Hamilton và Ana Cumpapas mặc áo đỏ. Từ đó Ana mang danh « Hồng y nữ ». Đêm hè nóng. Mặc dầu đã được giải phẫu để cho gương mặt khác đi Dillinger vẫn bị nhận diện như thường. Cowley kêu điện thoại cho ông Hoover ở Hoa-Thịnh-Đốn lúc đó đang đi bách bộ ở thư-viện, tại tư-thất. Quyết định bắt Dillinger lúc tan hát, như vậy có nổ súng cũng đỡ nguy hiểm cho thiên hạ,

Khi bộ ba xem xong ra về, Purvis cầm một điều xì gà. Âm hiệu đấy ! Lưới thắt chặt lại. Chắc Dillinger linh cảm thấy cái gì, quay đầu nhìn lại thấy có một người sẵn tới. Y cầm đầu chạy vừa móc súng ở túi quần. Nhưng CA đã nổ súng 5 phát liên. Trúng nhiều đạn, Dillinger ngã gục, úp sấp mặt xuống đất. Cuộc săn người kết liễu.

Hôm sau, ông Hoover gọi thợ khen Cowley :

« Trước những kết quả rực rỡ ông đã thu lượm được đêm hôm qua, tôi rất lấy làm sung-sướng và nhiệt liệt khen ông vì thắng lợi vẻ vang đó. Tôi lấy làm hạnh diện và tôi thành thực cảm tạ. »

Để thưởng công, ông Hoover cho Cowley thăng chức « Đệ nhất hạng thanh tra ».

Nhưng Cowley cũng chẳng còn sống được bao lâu để hưởng cái chức đó. Dillinger chết được 4 tháng, một hôm Cowley và Herman E. Hollis, thám-sát-viên đặc-biệt, chạy xe trên đường Illinois, khi gần đến Barrington thì tình cờ gặp một chiếc xe khác trên có hai tên trong đảng « cuồng sát ». Một là John Paul Chase, hai là Nelson thường gọi là « nhai con » (một tên sát nhân mà báo chí phải gọi là « kẻ thù công cộng số 1 »), tên thực là Lester J. Gillis. Vợ « nhai con » là Hélène cũng ngồi trên xe. Cả đôi bên đều nhảy xuống và rút súng. Cowley và Hollis đều bị bắn chết. Nelson bị trọng thương lúc đó, vài giờ sau chết nốt. Vợ y và Chase liền chôn y ngay tại bên đường.

Nói lại về Ana Cumpapas « Hồng y nữ »

Đầu Dillinger được đặt giá, chánh quyền Liên-bang trả rất cao. Thanh tra Cowley được thưởng tiền 10 ngàn đô-la, nhưng cho Ana Cumpapas một nửa, chỉ lấy có một nửa. Còn Melvin Purvis thì hết sức cố gắng giúp đỡ Ana về việc giấy phép cư trú. Ana cả quyết với luật-sư rằng Cowley và Purvis đã hứa thế nào việc cũng xong. Luật-sư nói : Dù cả hai đều hứa, nhưng vô giá-trị, vì họ vô thẩm quyền. Và... Ana Cumpapas bị trục xuất. Ở trên tàu, năm 1936, những phóng viên Nữ-Ước có hỏi Hồng y nữ : « Có phải những nhà chức trách Hoa-Kỳ

đã thiếu thành thực trong việc cấm cư trú này không ? » Hồng y nữ trả lời « không bao giờ tôi nghĩ như vậy » Ana đau gan chết năm 1947 tại một thành phố nhỏ Timisoara ở Lỗ-Mã-Ni.

Nói thêm về « nhai con ». Lester Gillis Nelson vô nghiệp từ năm 1922, ngày lúc thiếu thời. Ăn cắp xe hơi, bị giam ở nhà trừng giới, được thả theo lời thề ngày 18 tháng 4 năm 1924. Quên lời thề danh dự, đến tháng 9 năm đó y lại bị giam, và rồi lại được tha theo lời cũ vào tháng 7 năm 1925. 3 tháng sau (tháng 10 năm 1925) y lại bị giam lần thứ ba. Ba lần bị bắt, ba lần được tha, đều theo lời thề danh dự, lần thứ ba tha ra vào tháng 7 năm 1926. Sau này, « nhai con » bị tù tại khám đường Illinois vì tội giơ súng cướp ngân hàng, Được chở đi đến Wheaton để tòa án xử tội (cũng tội cướp một ngân hàng khác), dọc đường lúc về y tẩu thoát được. Đó là năm 1932. Bị truy nã, y giết luôn 3 nhân-viên CALB trước khi chết trên đường Barrington súng còn nắm chặt trên tay.

Có một sự sai lầm thật là kỳ dị ! Nhiều người cho rằng Dillinger và Nelson (nhai con) là anh hùng và nhân viên CA là kẻ gian. Có một nhật báo ở Virginie lại trách móc CA đã lên án tử hình Dillinger, cho rằng không dám bắt y ngay tại giữa rạp hát bóng như thế là nhạt hơn cây. Báo viết ở mục xã luận « Bất cứ người nào có đôi chút can đảm cũng dám đường hoàng đi tới chỗ y ngồi mà bắt y ngay tại rạp. Nhát quá ! Tại sao tất cả những người hèn nhát ấy lại sợ Dillinger đơn thương độc mã ? Trả lời dễ quá : Vì nhân-viên CALB là những người hèn nhát. »

Có một thiếu nữ viết đến cho một nhật-báo ở Chicago như sau : « Nghĩ đến ông già của Dillinger thì em

lại buồn khổ quá. Nếu em là đàn ông và nếu em ở trong đảng Dillinger, lòng em chỉ được yên khi nào trả được thù. »

Người bạn gái xinh đẹp của Dillinger là Evelyn Frechette, khi ở tù ra đi làm trò xiếc. Cô thuật lại cho khán giả đêm đêm nghe câu chuyện cô sống với Dillinger ra sao. Khán giả mê mẩn há hốc mồm ra mà nghe từng lời: « Dillinger thích khiêu vũ và săn bắn. Anh ấy... xin lỗi quý vị, hẳn quý vị đã biết điều này rồi... anh ấy bắn giỏi vô cùng. Tuy mê nhạc, nhưng không bao giờ hát. Em biết rằng anh ta chỉ khoái nhất có... món sốt... anh ấy thích chấm bánh mì sốt mà ăn. »

Công chúng nghe câu chuyện bánh mì chấm sốt, như mới biết được bí mật mới tiết lộ, nên ngấn ngò cả người, say mê nghe không chán.

Sau khi hai tên cuồng sát cuối cùng đảng Dillinger trả nợ xã-hội chết dưới mưa đạn, một nhật báo ở Baltimore đăng một lá thư: « Ôi! những thanh niên quý báo đáng thương... chỉ vì thiếu sự trông nom săn sóc. Phải dạy dỗ luân lý cho chúng chó! Nếu những người bắn thuê kia rí tai chúng, bảo chúng đi đi, đừng làm đường lạc lối rơi vào hố sâu tội lỗi nữa... chúng ta sẽ chẳng bao giờ có câu chuyện xấu xa như nhuốc như thế, khi chúng ta ở với thời Tổng-Thống Harding nhân từ hiền hậu khôn ngoan và kính sợ Chúa... Cả dưới thời Tổng-Thống Coolidge nữa, người rất ngoan đạo, cả dưới thời Tổng-Thống Hoover (Herbert) yêu quý của chúng ta cũng vậy! Nhưng nay tội dân-chủ đề tiện lại có quyền xâm phạm đời sống người ta thì mới chết chó! Đời sống thiêng liêng của người ta mà Chúa đã ban cho. Ký Tên: một người mẹ. »

Một trong những chuyện nhạt nhẽo vô vị nhất là chuyện phỏng vấn góa phụ Nelson, vợ của « Nhãi con » chết trong tay vợ, trên môi còn

mở nụ cười, nhưng đôi mắt đầm lệ vì còn nghĩ đến 2 đứa con thơ. « Đó là câu chuyện thương tâm nào lòng mà góa phụ đã kể cho tôi nghe về lúc lâm chung của người chồng mệnh bạc ngã ngục dưới làn mưa đạn của nhân viên CA Liên-bang. »

Người góa phụ trẻ đẹp đó, tan nát cả tấm lòng, là một gương mẫu mẹ hiền mà người ta chưa bao giờ thấy được. Đó là lời người chị chồng thường nói, dù rằng cặp nhãi con này đã từ bỏ 2 đứa con thơ chẳng nuôi nấng gì và 2 đứa bé này chỉ biết có đi Hélène thỉnh thoảng mới trông thấy mặt... Tờ nhật báo Baltimore chỉ nói ngắn sơ một hai giòng và không bình luận gì cả về cái chết của 2 thám tử Cowley và Hollis.



Nói thêm về đảng Dillinger. Người bạn gái xinh đẹp của Dillinger là Evelyn Frechette cũng bị xử 2 năm tù và phạt vạ tiền vì tội chứa chấp dung túng Dillinger. Homer van Meter lúc sắp bị Cảnh-sát viên bắt thì chống cự lại nên bị bắn chết tại chỗ ngày 20 tháng 8 năm 1934. John Paul Chase bị bắt tại Californie, xử tù chung thân. John Hamilton, sau trận bắn ở Little Bohemia Lodge khi nghỉ mát với đảng ở bờ biển Wosconsin, tuy chạy thoát nhưng về sau thì tử thương, xác thấy bỏ trong một hầm đá gần Oswego ở Illinois. Thế là tất cả đảng « cuồng sát » Dillinger hoàn toàn tan rã.

Dur luận quần chúng đa số nghiêng về Hoover và Sở CALB nhưng cái chết của 2 tên cuồng sát mới rồi cũng khiến cho họ mui lòng và những lời

gièm pha cùng những câu sàm báng về Sở CALB. thấu đến tai Hoover Tổng giám đốc, cũng khiến cho ông Hoover con người đạo đức bị buồn lòng suy nghĩ về Thiện-Ác. Ông cho những tên sát nhân là bọ đầu sôi trong vạc, ở địa ngục, là rắn rết run trùng, là chuột dịch, là điều quạ. Tại mọi chỗ ông lui tới: hội quán, trường học, người ta thường thấy ông cao tiếng mạt sát những kẻ sát nhân cùng đồng đảng, kẻ thù của xã-hội, căn bả của nhân loại. Ông thóa mạ những nhà chính-trị đã bị đảng mua đứt, những luật-gia cà-mềng không đủ tư cách đã bị chúng lợi dụng làm bình phong. Ông cũng nói toạc móng heo là Cảnh-sát vụ-lợi tham tiền. Ông chế riếu cả cái tính cảm-xúc vờ của các nhà triết học chủ-ý hay than khóc và cảnh cáo « bà cô » hay kêu ca than vãn. Ông tố-cáo sự lạm dụng « trả tự do theo lời hứa danh dự » để cho kẻ sát nhân được thả ra lại phạm tội sát nhân, bị bắt lại thì danh dự nữa để rồi được thả ra lại giết người nữa.

Ông nói có sách mách có chứng. Nhân viên thủ luật thì ăn hối lộ và nhút nhát, các « bà cô » và bà mẹ thì kêu ca than vãn, hai điều này thật là chua chát đắng cay cho những ai được biết rõ những « chiến công oanh liệt » của hạng « được trả tự do theo lời thề danh dự ». Ví dụ như chuyện đảng Barker-Karpis : ăn cắp 1 triệu đô-la bằng tiền mặt, chứng khoán nợ kia và giết 10 mạng người, làm trọng thương 4 người từ năm 1931 đến năm 1936. Những vị « anh hùng » trong tổ chức này đều được trả tự do theo lời trên kia, sau khi đã trốn tránh lần khuất tại ngay đô-thị hay ngoại-ô mà Cảnh-sát nơi đó làm ngơ đi như không trông thấy họ, mặc dầu hình ảnh họ được dán đầy tường bên cạnh ngay những giấy báo truy nã.

Trong cuộc duyệt « anh hùng » này, người ta kể đến Alvin Karpis, có một thời kỳ y đã là « kẻ thù công cộng số 1 » và đã lấy được 100 ngàn đô-la tiền chuộc mạng của William Hamm Junior, dân ở Saint Paul miền Minnesota. A. Karpis cũng có chơi vài vụ ám sát. Giới y thường gọi y là « Sài-kíu », Hoover gọi y là « chuộc nhất ». Karpis buồn vì tiếng « chuộc nhất ». Y cho Hoover hay rằng y có ý định hạ chính Hoover, giống y như là nhân-viên CALB đã hạ « Fred và Ma » trong trận bắn nhau năm 1935 tại Floride.

Nay phải nói chuyện về Ma một chút. « Ma » Barker sanh tại xứ Ozark ở Missouri. Đã cố gắng chăm chỉ trồng nôm coi sóc dạy dỗ 4 con trai thành 4 tướng cướp. Ngay từ lúc còn bé, 4 con đã được mẹ tập cho bắn bia vào những lon sắt tây. 4 tướng bắn thật giỏi. « Ma » là bộ óc chỉ huy đứng trong mọi hoạt động. Năm 1935, bị chết cùng Fred trong một cuộc chạm súng với nhân-viên C.A.L.B. Arthur, bị C.A.L.B. bắt ở Chicago, bị giam tù chung thân, và năm 1939 bị bắn chết lúc đang vượt ngục Alcatraz. Herman, con cả, bị các thám tử vây bắt, liền tự tử chớ không chịu bị bắt sống. Lloyd, con thứ tư, công nghiệp không được rạng rỡ vì bị 25 năm tù, năm 1939 tội đánh cướp một chuyến xe lửa chở thư, — bị giam rất lâu ở khám đường Leavenworth, — được tha trước khi mãn hạn tù, y làm việc cho một quán ăn ở Colorado, rồi bị vợ giết năm 1949. Đó là chuyện « Ma ».

Nhắc lại Karpis có ý hạ Hoover. Ông Hoover bèn ra chỉ thị : ai biết tung tích Karpis thì cho ông hay liền, để ông đặc biệt tiếp rước tay tổ này. Vì Karpis là người « cứng » của ông Tổng giám-đốc, nên nhân-viên C.A.L.B. đối với y có « biệt nhơn ».

Tháng 3 năm 1936, Hoover tưởng đã được may : Karpis đương trốn tránh đầu đó ở Hot Springs, tại Arkansas. Khi hay tin này thì ông đương ở Nữ-Uớc. Ông vội lấy máy bay nhảy đến Hoa-Thịnh-Đốn. Một toán thanh tra chờ đón ông tại phi cảng. Ai cũng muốn dự chuyển này. Ông phải quyết liệt ra lệnh bắt một số trở lại văn phòng. Rồi ông chọn một tốp anh dũng gan dạ, tất cả lên phi cơ ngồi sẵn chờ tin sau cùng. Tin sau cùng lại nản quá : Karpis đã cao chạy xa bay, sau khi đánh hơi thấy hay được báo có nhân-viên C.A. đương theo sát gót.

Nếu Karpis bị bắt lúc đó, nghĩa là vào tháng 3, thì ông Tổng giám-đốc C. A. L. B. đã tránh được một cuộc đả kích tại Thượng Nghị-viện. Vào tháng 4, tại Tiểu-ban ngân sách ở Nguyên - lão Nghị - viện, nghị-sĩ K.D. Mc. Kellar miền Tennessee, chất vấn ông Hoover về những công vụ ông đã làm trên phương diện an-ninh chống giặc cướp và lại còn nhấn mạnh thêm vào điều chính tay Hoover chưa có bao giờ bắt được một mạng nào cả. Đưa câu này ra, thực chẳng khác gì hỏi một vị Đại-tướng Tổng chỉ-huy Quân-đội tại sao Đại-tướng lại không ra đứng trong hầm, súng cầm sẵn nơi tay, để làm gương mẫu cho binh sĩ, mà Đại-tướng lại ngồi ưỡn lưng ở trên chiếc ghế bành tại Bộ chỉ-huy.

Lời thuyết minh của Nghị-sĩ đầy những bóng gió ai cũng hiểu : Ông Tổng Giám-đốc C. A. L. B. không phải là một thám tử lành nghề vì lẽ ông chưa bao giờ bắt được ai cả.

Hoover vẫn bình tĩnh, tuy mặt sát khí đằng đằng. Ông không bẻ rằng nói một câu cho Nghị-sĩ Mc Kellar hay về câu chuyện trượt mấy tuần trước và về những dự định công tác nay mai chính tay ông làm. Ông cảm thấy nhục nhã quá. Sự cam đảm của ông được đem ra làm đầu đề câu chuyện,

như thế có nghĩa là người ta nói ông xua nhân-viên đi vào chỗ chết mà chính ông chẳng dám đi.

Chiều ngày 30 tháng tư, Hoover vẫn còn ở Nữ-Uớc thì được tin rằng nhân-viên vẫn theo dõi Karpis chuyển từ Hot Springo (Arkansas) đến Corbus Christ (Texas), rồi từ đó đến Nouvelle Orléans. Hiện Karpis ở một căn phòng tại Canal Street. Hoover vội vã lên phi cơ đi Nouvelle Orléans cùng một số thám-tử đặc biệt gan dạ. Cũng không báo trước cho Cảnh-sát địa phương rõ nữa, sợ tin lạc ra ngoài thì con mồi sẽ bay mất.

... Xe ông Tổng giám-đốc chạy vừa vừa trên Canal Street, tới trước tòa nhà có Karpis ở trong thì... đứng lúc đó... Karpis bước ra, thân nhiên cùng một người nữa. Đúng lúc đó ở giữa đường, có một chàng kỵ mã đang loay hoay ghìm con ngựa bất kham, thành thử đoàn xe Công an phải ngừng lại vài giây. Kỵ-sĩ ghìm được ngựa và tránh sang bên lề đường. Karpis mở cửa xe y bước lên. Hoover xông đến chặn cửa bên trái, Phó giám-đốc Earl Connelley đã chặn cửa bên phải. Hoover đã nắm chặt được cổ áo Karpis trước khi hắn nhào người ra nhặt khẩu súng ở ghế sau. « Còng tay nó lại ! Nhưng chẳng ai đã nghĩ đến mang còng đi theo. Một nhân viên dứt ngay chiếc cà vạt ở cổ mình. Karpis bị trói tay vòng ra sau lưng. « Sài kíu » trông thiếu náo tẻ ! Hết cả về bước bình khi bị bốc lên phi cơ chở đến Saint Paul, Tòa án nơi đó xử tội y bắt cóc William Hamm.

Phi-cơ cất cánh vài phút, ông Hoover nhận thấy da mặt tái mét của Karpis, hỏi :

— Anh bình à ? Say chăng ?

— Thôi thôi, cứ làm đại đi cho rồi ! Đừng ngại ngừng chi cả.

— Anh nói gì vậy ?

— Tôi biết ông sắp làm gì rồi mà ! Đẩy cha tôi ra ngoài phi cơ... rồi nói là tai nạn !

— Anh ngu quá. Chúng tôi có bao giờ chơi những « cú » đó đâu. Anh sẽ đến Saint Paul, Tòa-án sẽ xử anh. Anh còn trong tay chúng tôi thì... chẳng ai động đến lông chân anh.

Karpis nhận ra ngay đó là Hoover. Ông Hoover hỏi:

— Làm sao anh nhận được tôi?

— Tôi nhìn thấy ông trong một tấm hình, lúc ông vừa giết lên được một con cá. Ông may mắn hơn tôi. Đã ba năm nay tôi cố công giết một con mà chưa được.

Gió thổi mạnh, cuộc bay hơi vất vả. Khi phi cơ hạ cánh ở đô-thị Kansas, nhân-viên mua bánh mì ăn đỡ đói, và mua cả báo chí buổi sáng thì đã thấy đăng « Karpis cướp ngân hàng Michigan » Y cười rộ lên: Lần này, chỉ có một lần, ta có cơ nói để tránh tội lỗi!

Vì tội bắt cóc William Hamm, y bị tù chung thân.

Thế là Ông Tổng-giám-Độc Sở CALB đã đích thân lần đầu tiên chính tay bắt kẻ phạm pháp. Về sau này còn nhiều nữa, mà đều oai hùng! Chẳng hạn như bắt được Louis (Lepke) Buchatter một tay gian manh cứ khời đã uy hiếp cả ngành làm bánh mì bắt phải nộp tiền mãi lộ!

Đảng của Buchalter đã lấy được tất cả độ một triệu Đô-la, riêng của ngành này nộp tiền « bảo tiêu ».

Buchalter đương bị vây rất chặt, Walter Winchell lúc đó cho phát thanh vô tuyến một lời kêu gọi chúa đảng đầu hàng, long trọng cam đoan rằng Sở CALB sẽ vẫn tôn trọng quyền công dân của y. Có những tay trung gian đứng ra gặp nhau để thương thuyết, và sau cùng đã thỏa thuận.

Đêm 24 tháng 8 năm 1939, Ông Hoover, đơn thân, đi đến góc đường số 28 và đường số 5 ở Nữ-Uớc. Buchalter chỉ đầu hàng Hoover thôi. Sở CALB bắt được Buchalter, và phóng-viên Walter Winchell làm

được một thiên phóng sự độc nhất vô nhị. Buchalter được giao cho nhà chức trách tư-pháp, bị kết án và xử tử.

Sở CALB khi lòng bắt phạm nhân đã phát triển một phương pháp gọi là phương pháp « đốt đất ». Thám tử không theo dõi riêng thủ phạm, mà còn chú ý đến tất cả đồng lõa của chúng: những y-sĩ vô tư cách, những luật gia tội lỗi, chính trị gia vụ lợi, đồng lõa và tòng phạm vì nhút nhát đã chứa chấp các tên sát nhân.

Có một thời kỳ, những người « bán thuê » được quảng cáo nâng lên quá xá! giống như mới đây đưa một Davy Crockett lên tận mây xanh! Kinh-dô Hollywood cũng đổi một: trong những phim đảng cướp, tay anh chị hết là tay cướp anh hùng rơm, mà nay lại là nhà thám tử kết cục lúc nào cũng tóm cổ được bọn gian. Nhật báo, tuần báo và tập-san cũng đua nhau theo phong trào này. Phim G. Men, của Warner Brothers, do James Cagney đóng, là sản phẩm đầu tiên của Hollywood đã phá đường lối cũ bằng cách trình bày những hoạt động thực sự của sở CALB và tiêu tan câu chuyện hoang đường có tên cướp anh hùng hiệp-sĩ. Một phen nữa cũng thuộc loại này được hãng Universal quay, có sự phụ lực của sở CALB: phim « Vous ne l'emporterez pas avec vous » được giải thưởng năm 1937.

Trong thời kỳ đó, mỗi một cử chỉ của Hoover là đều được nói đến. Ông nói thế này, ông nói thế khác, cái gì cũng được thiên hạ loan truyền đi cả. Dưới những chữ đề lớn, báo loan tin ông Hoover dự dạ hội nơi này hay có mặt tại trường đua ngày... hay dự trận đấu vô địch...

Đĩ nhiên, được cả giới bình dân đều biết cũng có hại. Trước kia thì bị chỉ trích vì tự mình không bắt được ai, đến bây giờ đơn thương

độc mã hoạt động lại bị coi là dễ cầu danh, để tên được in trên báo! Có kẻ gièm pha viết rằng: « Phải nhớ lại rằng ông ta chưa bao giờ chính tay bắt được ai cả và cũng chưa bao giờ liều mình theo dõi thủ phạm, mặc kệ tung tích mới cũ, trước khi ông ta bị đá kích ở Nghị viện về những hoạt động cá nhân ông. Bây giờ thì vù vù bay thẳng một mạch đến đúng chỗ và đúng lúc... để mạ vàng lại bằng hiệu « người bán thuê số 1 » ngơ hầu lần tránh búa rìu dư luận ở điện Capitol »

Có kẻ lại chê cười « lối làm việc của Sở CALB, là đêm 5, 10 hay 15 thám tử vây kín tất cả mọi lối thoát thân của thủ phạm. Tóm lại, là Hoover đã lấy búa tạ đập ruồi trên mũi trẻ »

Một văn sĩ khác đã viết: « Người Hoa kỳ chúng ta không có dựng tượng đồng bia đá cho ai mà chúng ta chỉ nóng lòng hạ xuống. Với Hoover, chuyện như vậy ». Và với Hoover, quả thực chuyện đã như vậy.

Vào thời kỳ đó, có hai tay lãnh đạo Ku Klux Klan chạy chọt với một Nghị-sĩ và ngấm ngấm bày mưu lập kế để cho Hoover bị cắt chức. Tin đồn rằng có nhiều ông lớn trong chánh-phủ đã thề phải lấy đầu Hoover, phải đuổi cổ Hoover ra ngoài Sở CALB, vì có lắm người ở phe Tự-do giữ chức vụ lớn ở chánh quyền đã nhìn một cách rất nghi ngờ Hoover và gia-đình CA do Hoover đào tạo.

(xem tiếp trang 37)





SỬA SẮC ĐẸP THEO KIỂU NHẬT

CÓ hai người Mỹ đã dự tính đến sự xâm nhập của tàu ngầm lạ vào hải phận Hoa-Kỳ.

Họ đã lưu ý chính phủ cần phải sẵn sàng. Hai người ấy là Walter Winchell và Curt Riess. Người thứ hai này đã phác qua hình ảnh của một cuộc đổ bộ tương lai trong một bài báo của tờ The Saturday Evening Post vài ngày trước khi tám tay gián điệp phá hoại Đức được đưa vào bờ bể ở Long Island trên đảo Floride bằng tàu ngầm.

Walter Winchell thì công bố nhiều lượt những lời cảnh cáo chính phủ về tính cách chắc chắn của sự khai chiến sắp tới của nước Nhật. Những bài báo này đã to tiếng tố cáo đạo quân gián điệp của Canaris đã dùng để chống Mỹ. Winchell lại còn xác định nơi có nhiều gián điệp địch nhất: « Coi chừng gián điệp địch tại quần đảo Hạ-Uy-Di ». Ông viết: Những tay gián điệp ở đây đều bị canh chừng hay bị bắt, nhưng đã quá trễ. Sự thất bại nặng nề ở Pearl Harbour đã xảy ra rồi.

Đây là câu chuyện gián điệp tại Pearl Harbour (Trần-châu-Cảng) một hải cảng của Hạ - uy - Di, nơi mà Hoa - Kỳ bị đại bại trong lúc Canaris và Nhật Bản là kẻ thắng thế, nhưng chưa hoàn toàn thắng chiến tranh như họ hằng mong mỏi.

Hạ-Uy-Di là một nơi cũng có cuộc sinh hoạt hợp thời trang nhất. Những quán rượu có âm nhạc cùng những bản nhạc Swing đã thay thế nhạc điệu của thổ dân hay những bài hát của người phái đẹp quần đảo Polynésie. Nhưng có một chuyện mới lạ vừa xảy ra tại quần đảo này, tất cả đàn bà đều biết hay nghe đến, nhất là các bà vợ Sĩ-quan hải-quân, hay các cô gái Mỹ sống xa những mỹ lệ của quê hương, đều lấy làm vui mừng hơn cả. Thật vậy, quần đảo Hạ-Uy-Di lúc đó lấy làm hãnh diện có một phòng sửa sắc đẹp tối tân bậc nhất. Ruth, linh hồn của hiệu này, là người đàn bà rất dễ thương đối với mọi người. Nàng đã đặt nhiều ghế ngồi rất đẹp và được số chuyên viên lành nghề giúp việc, làm cho hiệu của nàng đối với những khách thường xuyên, về phương diện trau dồi sắc đẹp, không kém các hiệu lớn ở con đường số 5 của thành phố Nữu-Ước. Hằng trăm người

Trong THẾ CHIẾN II

N. T. H. trích dịch của KURT SINGER

xem Bọn Dân từ số 31 ngày 15-9-62

đàn bà đã đến hiệu nàng để nghỉ ngơi cả ngày trong cái không khí dễ chịu của phòng sửa sắc đẹp.

Hiệu này là một trong những nơi lịch sự nhất của thành phố. Tất cả các bà ngồi lê đôi mách đều lấy nó làm nơi hò hẹn. Các bà cãi vã với nhau về những người mới bước chân đến quần đảo, những người đã ra đi, những vụ nghỉ phép hay bỏ nhiệm, những chiếc tàu vừa đến cũng như vừa đi. Đó là tất cả sự sinh hoạt của quần đảo và là đề tài của mọi câu chuyện được trao đổi.

Hiệu sửa sắc đẹp này được mở vào năm 1939, lúc ấy nước Đức chưa có hành động gì tỏ ý muốn xâm chiếm Ba-Lan. Không ai ở Hạ-Uy-Di đã nghĩ đến chiến tranh, và rất ít người trở về nước Mỹ. Nhưng hoạt động gián điệp không phải là những việc có thể ngẫu nhiên khi người ta cần đến, mà ngược lại, đó là một việc lâu dài, luôn luôn được chuẩn bị trong thời bình với rất nhiều năm trước.

Câu chuyện lạ lùng và khác thường ở chỗ nó không phải là âm mưu của Bộ chiến tranh Đức, do đấy mà bàn tay của Canaris lần này không có nhúng vào như hầu hết các hoạt động gián điệp Đức trên thế giới. Âm mưu này xuất xứ tại Bộ Tuyên truyền lúc ấy do Joseph Goebbels điều khiển. Goebbels giữ Bộ này được hai năm, thì một ngày kia hắn tổ chức một cuộc tiếp tân danh cho nhân viên của Bộ. Đây còn là một buổi dạ hội, ai nấy đều lấy làm hành diện được làm dân một nước Đức quốc-xã mà lực lượng mới đang đầy sinh khí. Goebbels gặp đúng hoàn cảnh của hắn, hắn không bao giờ giấu diếm tính thích phái đẹp của hắn, một tính có lẽ quá cái độ hợp lý đối với một người đàn ông có hạnh-phúc gia đình như hắn. Những liên lạc tình ái của hắn rất nhiều phức tạp và chính buổi dạ hội này có nhiều hứa hẹn đối với hắn.

Viên bí thư của Goebbels, Leopold Kuehn, cũng có mặt trong buổi dạ hội với em gái hắn tên là Ruth, một cô gái có sắc đẹp mê hồn. Goebbels, để đạt được mục đích, biết chịu khó và tỏ ra lịch sự, dễ mến. Hắn đã nhảy với nàng Ruth suốt đêm dạ hội. Họ cùng nhau chệnh choáng say sưa và đều tỏ ra vui vẻ. Bất cứ một người con gái nào không thông minh lắm, cũng hiểu được rằng dính dáng đến Bộ-trưởng Tuyên-truyền là một việc có thể nguy hiểm.

Thanh niên nam nữ, tại Đức quốc-xã, có một nền luân lý mới. Họ không cần cưới hỏi nhau mới có con được với nhau, cũng như không cần yêu nhau mới lấy nhau. Và lại các lãnh tụ quốc xã phải được xem như các vị thần và họ muốn gì phải được cái ấy.

Người ta không biết những câu chuyện xảy ra thế nào và chấm dứt cách nào. Nhưng thỉnh thoảng ông Bộ-trưởng Tuyên-truyền Goebbels liền quyết định bắt buộc Ruth phải rời bỏ nước Đức. Hay là có sự can thiệp của Bà Goebbels? Hay là Ruth đã tỏ ra quá eo sáo và hăm dọa tố cáo? Vấn đề cũng hay ho nhưng nó không liên hệ đến câu chuyện của chúng ta.

Ruth Kuehn đành rời khỏi nước Đức. Muốn giúp đỡ nàng, Goebbels vì không được thân thiết với các cơ quan mật vụ của quân đội — có lẽ vì các cơ quan này biết rõ quá nhiều về hắn — đành phải tìm cách khác. Một trong số nhân viên thân tín của hắn là Bác-sĩ Karl Haushofer, con của một đại tướng danh tiếng về khoa chính trị địa lý. Hai cha con đều là giáo sư của khoa này tại Đại học đường Bá-Linh. Các sinh viên môn này đều được bổ nhiệm cho các cơ quan ngoại giao, nhất là các tổ chức gián điệp trực thuộc Bộ Ngoại giao của Ribbentrop.

Đại tướng Haushofer là người thứ nhất tổ chức sự liên lạc giữa hai nước Đức, Nhật. Hắn đã chịu ơn

của Goebbels với địa vị và uy tín hiện có của riêng hần và trường hần đã dạy. Nếu Goebbels cần dùng đến hần chắc chắn là hần không thể từ chối.

Haushofer có thể dùng cô gái Ruth Kueln. Đại tướng già này đã có viếng nước Nhật vào năm 1914, chắc hiểu rõ khả năng của nước này, và vẫn giữ mối liên lạc chặt chẽ với họ. Gần đây, các đồng nghiệp Nhật của hần có cho biết họ đang cần dùng những người da trắng, cả đàn ông lẫn đàn bà. Đây là một cuộc buôn thối người theo lối mới. Do sự liên lạc của hai cha con tên Haushofer, chính phủ Nhật kêu gọi sự hợp tác về công tác gián điệp của người da trắng.

Sự thật thì Nhật đang cần dùng nhiều người trong cơ quan mật vụ của họ, và có nhiều nhiệm vụ mà họ không thể giao cho các người Nhật chính tông. Haushofer liền báo ngay cho Goebbels biết hần đã có việc không phải chỉ cho riêng Ruth Kuehn, mà có thể cho cả anh em, cha mẹ cô ấy nữa, với điều kiện là họ thông minh, dè dặt và có chút ít giáo dục.

Trong một gia đình không phải có khuynh hướng kích trường là có thể được di truyền mà người ta còn nhận thấy còn có thể thụ hưởng được năng khiếu làm gián điệp. Trong trường hợp gia đình nàng Ruth Kuehn, cả gia đình này đều tỏ ra có khiếu ấy. Tính cách di truyền chắc chắn đã giúp họ phần nào.

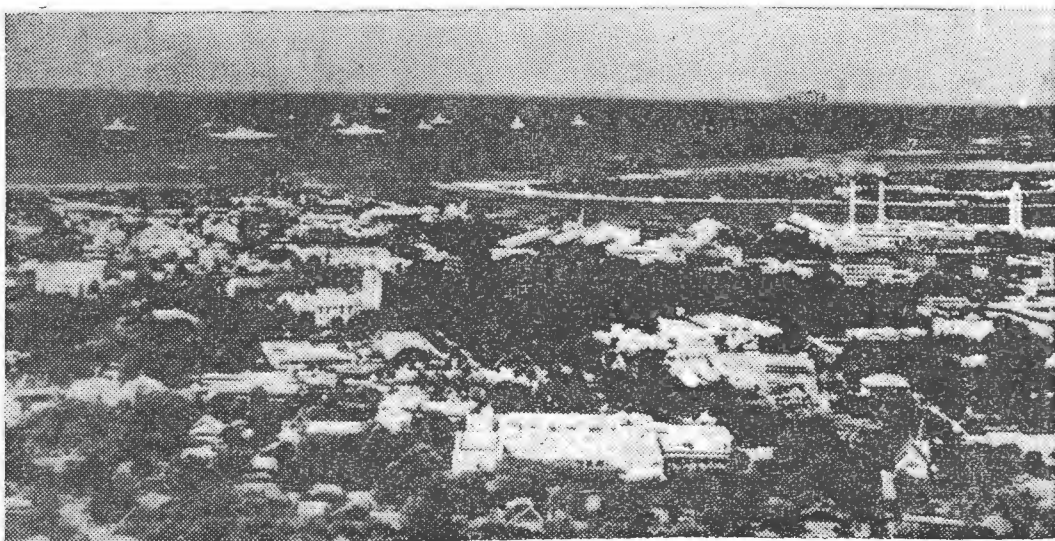
Người cha, bác sĩ Kuehn, sanh vào năm 1895 ở Bá-Linh. Hồi được 18 tuổi ông gia nhập Hải-quân Đức và phục vụ với cấp-bậc chuẩn-úy trên một tuần dương hạm Đế-quốc Đức trong trận thế chiến thứ I. Đến năm 1915, chiến hạm của ông bị một thiết giáp hạm Anh đánh đắm, ông bị bắt cầm tù và đem sang Anh quốc, nơi đây ông học tiếng Anh luôn.

Khi hòa ước được ký kết, ông là một người thất nghiệp. Nhưng sau đó ông trở lại phục vụ Hải-quân Cộng-Hòa Đức với cấp bậc Trung-úy. Sáu tháng sau, hạm đội Đức bị tiêu diệt mà ông lại thoát chết. Ông được ghi tên vào sổ kiểm soát quân trừ bị của hạm đội và bị trả về đời sống dân chính. Kuehn liền quyết định học thuốc. Ông còn trở nên hội viên của nhiều nhóm sĩ-quan ái-quốc, và ông cũng sớm tham gia chủ trương của đảng

Quốc-xã Đức. Ông lập lại cuộc đời một cách khó khăn, vì với nghề thuốc ông tỏ ra rất xoàng và bị cho nghỉ việc nhiều lượt trong các bệnh viện. Cuối cùng, ông nhận một chân trong cơ quan mật-vụ Gestapo dưới quyền của Heinrich Himmler, bạn thân của ông.

Sau này ông có than phiền cơ quan Gestapo không đổi đãi ông xứng đáng. Người ta có hứa sẽ cho ông một địa vị Cảnh-sát Trưởng tại một thành phố Đức, nhưng bây giờ thì vì lỗi lầm của con gái ông, người ta đẩy ông đi quần đảo Hạ-Uy-Di.

Các lực sĩ Mỹ đang chuẩn bị Thế vận hội. Nước Nhật là một khách hàng rất tốt về dầu hỏa và sắt vụn. Thế giới đã trải qua một cuộc khủng hoảng vĩ đại, và các tổ chức hiếu hòa đang bành trướng. Đó là khung cảnh thế giới trong lúc gia đình Kueln đặt chân lên quần đảo Hạ-Uy-Di, ngày 15 tháng 8 năm 1935. Người cha là một nhà khoa học, một giáo sư ăn mặc đứng đắn, tóc đã hoa râm. Tất cả gia đình là những người có giáo dục và tư cách. Bác sĩ Bernard Julius-Otto-Kueln mang theo cả gia đình, ngoại trừ người con trai là Léopold ở lại Bá-Linh và làm việc với Goebbels, vợ ông là bà giáo sư Friedel Kueln, con trai nhỏ Hans Joachim, 6 tuổi và con gái ông, cô Ruth. Ruth và Léopold, người con trai lớn vắng mặt, đều không phải là con của ông, vợ ông đã có mấy người con, trước khi lấy ông. Đó là một gia đình rất hòa thuận, mà hạnh phúc làm cho ai nấy thêm muốn. Họ đến đây chỉ vì người cha muốn học tiếng Nhật, ngoài ra bác sĩ Kueln còn thích khảo cứu lịch sử của quần



Quang cảnh Pearl Harbour (Trần-Châu Cảng) trước ngày tấn công của Hải, Không quân Nhật

đảo Hạ-Uy-Di. Ông đi chơi khắp nơi, thăm viếng các nhà cổ bằng đá của những người khai phá đầu tiên. Trong một thời gian ngắn, ông thuộc địa thế của quần đảo như túi áo ông. Ông rất thích bờ biển và các môn thể thao dưới nước, cả gia đình ông cũng vậy. Họ thường đi lợi hay thuê thuyền máy hoặc buồm.

Friedel, vợ ông cũng giống như tất cả các người mẹ trong gia đình, nhưng bà có rất nhiều kiến thức. Trong lúc vẫn có dáng điệu của một người nội trợ bận việc nhà, bà vẫn có thể hiểu rõ những gì quan hệ đến vấn đề quân sự.

Đối với một gia đình đang thi hành một nhiệm vụ quan trọng như vậy, việc có người nội trợ như thế là 1 điều may thay vì một người mẹ hiền như tất cả mọi gia đình khác. Thật vậy, bà Friedel đã làm việc liên lạc vào khoảng các năm 1935 và 1941, trong 2 kỳ đi Nhật của bà.

Ruth, cô gái thông dong, mềm mại, học Anh ngữ rất tiến bộ. Nàng nhảy rất giỏi và không cuộc hội họp xã giao nào mà nàng vắng mặt. Là người thường năng lui tới các câu-lạc-bộ Hải-quân và hội chơi thuyền, nàng có nhiều bạn tình trai tráng thập phần đẹp đẽ hơn nhân tình có tất chân của nàng là Bác-sĩ Goebbels.

Về phương diện chính-trị, Bác-sĩ Kuehn thường tuyên bố rằng ông không thích bọn Quốc-xã Đức. Nhưng dù sao, ông cũng là người Đức. Ông đã viết nhiều bài khảo cứu về các người đầu tiên đã khai thác quần đảo Hạ-Uy-Di. Các bài này được đăng tải trên các báo Đức.

Đối với các láng giềng, hay có liên lạc với gia đình Kuehn, họ đã tỏ ra là những người có của cải. Kuehn có nhiều tiền bạc, vốn liếng đặt ở Hòa-Lan và Đức-quốc. Trong khoảng 3 năm đầu sống trên quần đảo, ông đã nhận được vào khoảng bốn ngàn đô-la, do ngân hàng Rotterdam gửi cho ông qua sự trung gian của một ngân hàng Honolulu. Trong một chuyến đi Nhật, bà Friedel đã mang về 16 ngàn đô-la bằng tiền mặt. Trong khoảng thời gian này, các cơ quan F.B.I. và tình báo quân đội và hải-quân Hoa-Kỳ đã xác nhận là gia đình Kuehn nhận được tất cả trên 100 ngàn đô-la. Có thể còn nhiều nữa nhưng không có dấu vết gì tìm thấy được.

Nếu nói đến các phi tởn cần thiết, nghề gián điệp chắc chắn cũng không được đài thọ một cách rộng rãi như người ta thường tưởng. Trong giai đoạn đầu, hoạt động chỉ nhằm vào việc lượm lặt các tin tức, các lời nói do những nhân viên của hạm đội hay hàng hải thốt ra. Sau đó, các gián điệp đi lần đến việc tiếp xúc cùng hàng sĩ quan; việc này càng dễ dàng đối với một

nhân viên như nàng Ruth, vừa khôn ngoan vừa say đắm. Nhưng hiểm họa chiến tranh càng gần, người ta càng đòi hỏi thêm nhiều tin tức. Bác-sĩ Kuehn làm việc cho cả hai nước. Mặc dù Đại-tướng Haus-hofer đã ra lệnh ông làm mưu cho Nhật, nhưng không còn ai nghi ngờ là ông vẫn làm việc cho Đô - đốc Canaris.

Canaris đã tìm thấy ở Kuehn một người có giá trị cần được sử dụng.

Tất cả các phúc trình gửi cho Nhật đều có sao lại để đồng thời gửi cho Canaris. Với điều kiện này, Kuehn, cho rằng cần phải được đài thọ thêm. Và lại các cuộc vui chơi rộng rãi của ông cũng như của con gái ông đều cần tiền.

Vào khoảng đầu năm 1939, Bác-sĩ Kuehn nhận thấy cần phải tìm một nơi yên tĩnh để học tiếng Nhật. Ông liền cùng gia đình dọn từ Honolulu đi Pearl Harbour. Kế hoạch của cơ quan mật vụ Nhật được ông thi hành, dần dần thành hình. Ruth là người đàn bà được mến chuộng trong giới thanh niên và các bà vợ của sĩ quan trong hạm đội Hoa Kỳ. Nàng biết lợi dụng triệt để sắc đẹp và thân hình của nàng. Đến lúc nàng có ý định mở hiệu sửa sắc đẹp, tất cả bạn bè phái đẹp của nàng đều hứa hẹn hăng hái ủng hộ. Mặc dù đã dự định công việc này từ lâu, nàng cũng chưa chuẩn bị trước được các kết quả bất ngờ, và bà Friedel cũng phải lo săn sóc các khách hàng cả ngày. Hằng ngày, hai người đàn bà này báo cáo với Kuehn tất cả những tin tức mà họ thu thập được. Những tin tức này được gửi bằng công hàm ngoại-giao của các Tòa Lãnh-sự Đức, Nhật.

Một ngày kia, Bác-sĩ Kuehn được viên Phó Lãnh-sự Nhật ở Honolulu, là Otojro Okuda, mời đến. Người lùn mưu sĩ này tỏ bày cùng bác sĩ rằng đã đến lúc hẳn cần tập trung hết các tin tức đứng đắn về hải quân, ngày giờ chính xác, sự kiện và các con số liên quan đến tình trạng của hạm đội Hoa-Kỳ trong Thái Bình Dương. Hẳn còn tỏ lời khen tặng Bác-sĩ



Ribbentrop, Ngoại-trưởng của Đức-quốc-xã

Kueln về những công tác đã qua, nhưng hẳn lại thêm, với một vẻ quan trọng là công việc hiện nay đặc biệt hơn nhiều. Người Nhật sẵn sàng đài thọ thêm trong việc này : đó là công việc đánh một đòn chí tử vào hạm đội Hoa Kỳ.

Kueln nhận công tác với số bạc là 40 ngàn đô-la và họ đã thỏa thuận với nhau về việc ứng trước 14 ngàn, số còn lại sẽ được thanh toán sau khi «có kết quả».

Sau cuộc gặp gỡ với Okuda, Bác-sĩ Kueln hàng ngày đều đi dạo dài theo các công sự bờ phòng hải cảng Pearl Harbour, dắt theo đứa con trai nhỏ của ông là Hans Joachim, lúc ấy được 10 tuổi, ăn mặc theo lối hải quân. Được cha chỉ cho xem cảnh biển cả, đứa nhỏ tỏ vẻ thích thú khi nhìn thấy hạm đội Hoa Kỳ. Càng thích thú hơn khi các thủy thủ mời em xuống viếng một thiết giáp hạm và chỉ cho em xem vài chi tiết của món đồ chơi kỳ kỳ và vĩ đại này. Bác-sĩ Kueln, với tư cách người ngoại quốc không được phép viếng các chiến hạm, và lại ông cũng đủ thông minh mà không xin cái phép đặc biệt ấy. Ông để cho một mình con ông được phép viếng các chiến hạm Hoa-Kỳ.

Bác-sĩ Kueln cho viên Lãnh sự Nhật Okuda biết ông đã chuẩn bị xong các ám hiệu để chuyển các tin tức về số và tính cách các chiến hạm Hoa Kỳ đang đậu tại Pearl Harbour, và mọi di chuyển của hạm đội nói chung. Viên Lãnh-sự đề nghị vài sửa đổi để giản dị hóa phương pháp, nhưng nhìn nhận rằng ám hiệu này có thể dùng để liên lạc với hạm đội Nhật.

Bác sĩ Kueln có nhà ở Kalama, một ấp nhỏ gần Kailoua, trên đảo Oahu, rất gần Pearl Harbour. Bà Kueln đã mua một ống đèn Bausch et Lomb, số 16 để ngắm cảnh ! Việc mua sắm này có vẻ lạ kỳ vì đối với bà, đâu cần đến những loại ống đèn to như thế để ngắm cảnh ! Và lại loại ống đèn này cần phải dùng chân hay một nơi để gắn chặt vì nó rất dễ bị kích động. Nhưng không ai để ý nghĩ ngờ gì cả. Ruth đã theo mẹ để mua sắm ống đèn này và tỏ vẻ vui mừng vì sẽ có dụng cụ ngắm cảnh trong những cuộc đi chơi biển.

Các dấu hiệu đèn được phát ra tại các cửa sổ trên nóc nhà Kueln, viên lãnh sự Okuda và một thợ kỹ, Tadesi Morimura, thiết lập một quy tắc về dấu hiệu này. Ngày 2 tháng 10 năm 1941, họ đem ra thực hành thử lần thứ nhất phương pháp liên lạc này. Cũng ngày ấy, viên Phó Lãnh-sự Okuda nhận được một báo cáo đầy đủ về số, loại và vị trí chính xác của các chiến hạm Hoa-Kỳ đang đậu trong hải phận Hạ-Uy-Di. Qua ngày sau các tin tức này được viên Tổng Lãnh-sự Nhật, Đại-tướng Nagao Kita,

thượng cấp của Okuda, chuyển đi cho các cơ quan mật vụ hải quân Nhật.

Mọi việc đều được chuẩn bị để tấn công bất ngờ hải cảng Pearl Harbour.

Dấu hiệu đèn được phát đi từ các cửa sổ nhà Kueln ngày 7 tháng 12. Tại Hoa - Thịnh - Đốn, cuộc thương thuyết hòa bình đang tiếp diễn, trong lúc ấy Nhật ra lệnh tấn công vào hạm đội Hoa-Kỳ. Chính bác sĩ Kueln đã chuyển các dấu hiệu đèn. Oanh tạc cơ của Nhật bay đến trên hải cảng, và cuộc tàn phá bắt đầu mãnh liệt vì các tin tức chính xác của Kueln đã chuyển đi để hướng dẫn cuộc oanh kích. Tất cả đều xảy ra đúng với các kế hoạch mà Kita, Okuda và Kueln đã phác qua.

Nhưng có một điểm không đúng với kế hoạch. Viên lãnh sự Nhật đã hứa sẽ cho một tàu ngầm rước gia đình Kueln để mang họ sang Nhật. Gia đình Kueln cũng định kín đáo rời khỏi Pearl Harbour. Họ không mang theo gì cả, họ chỉ cần mang theo tiền bạc, và lại đến được Nhật họ còn lãnh thêm số tiền còn lại là 26 ngàn đô-la nữa.

Nhưng mặc dù các sự hỗn độn và thiệt hại đã xảy ra tại Pearl Harbour, các sĩ quan tình báo Hoa-Kỳ đã nhận thấy các dấu hiệu đèn do nhà Bác-sĩ Bernard Otto Kueln phát ra và trước khi tàu ngầm Nhật đến, Kueln và gia đình đều bị nhà cầm quyền bắt. Giáo sư Kueln vẫn giữ thái độ vênh vác và không khai gì cả. Nhưng các sự việc và chứng cứ đều phản lại ông. Người ta tìm thấy một bản thảo phương pháp liên lạc bằng ám hiệu, và rất nhiều tiền mà một phần lớn là tiền Nhật. Người ta còn khám phá được ống đèn và bản sao các phức trình bằng tiếng Đức. Bác sĩ Kueln cuối cùng phải thú nhận. Ông vận động mọi cách để cứu vợ và con gái ông. Ông đã nhìn nhận hết tội lỗi, nhưng vô ích. Gia đình ông đã bị giam trong suốt thời kỳ chiến tranh.

(xem tiếp trang 49)



Joseph Goebbels Bộ Trưởng
Tuyên - truyền của Hitler

VIỆC CÔNG - AN LIÊN - BANG HOA - KỲ

Tin đồn loại đó thế mà lại có giá trị, vào năm 1933. Franklin D. Roosevelt quyết định lấy nghị-sĩ Thomas Walsh trong văn-phòng làm Chương lý. Nhưng Walsh lại chết trước khi nhận việc. Lúc đó người ta mới tiết lộ rằng nếu ông Walsh làm Chương lý thì việc đầu tiên của ông khi nhận việc là cắt chức Hoover. Walsh không thể cải chính được. Bài cải chính mang đến tòa báo sau lúc báo ra loan tin tiết lộ kia. Một ông Biện lý ở Hoa-thịnh-Đốn, George Wattawa, cháu ruột của Walsh, viết cho tờ Washington Herald rằng « chuyện đó không đúng, ai cũng thấy rõ dễ dàng »

Những lời công kích trong năm 1936 lên tới tột độ, sau một vụ điều tra tối mật của nhân viên Mật-vụ về cái chết của John Dillinger và Eddie Green. Chuyện cũ đã hai năm. John Dillinger và Eddie Green bị hạ bởi nhân viên CALB. Báo chí cho rằng cuộc điều tra này chỉ cốt để hạ giá những « người bắn thuê » chỉ nên được coi là những tay phù thủy tập sự, những tài tử, những tay bịp. Nhân viên CALB đã thề và khai trước tòa án : « Green đã bị hạ vì đã chạy trốn khỏi nhà giam Saint Paul. Đã có hô đứng lại, nhưng Green cứ chạy, tay lại co lên háng hình như muốn rút súng. Green bị hạ rồi, người ta khám mới biết y không súng. Nhưng Tòa án xét ra nhân viên CA hoàn toàn là phải.

Một âm mưu được nẩy ra ở Quốc-hội, trong mục đích tập trung tất cả các cơ quan thu lượm tin tức làm một tổ chức bao trùm cả CALB, chẳng hạn như Mật vụ, Đoàn thuế rượu, Đoàn thể Ma-túy, kiểm soát mật lợi

tức, kiểm soát Thương chánh, kiểm soát Bờ biển hiện đều thuộc Bộ Tài chánh.

Ông Chương lý Cummings bên vực Hoover, công khai tuyên bố : « Nếu ai động đến Hoover, tức là động đến tôi đó. Hoover là người hoàn toàn được tin cậy. Muốn hạ bệ Hoover, phải hạ bệ tôi trước »

Ông Morgenthau, Thứ-trưởng Tài chánh, viết thư cáo lỗi với ông Chương lý và bắt xuống chức 2 nhân viên Mật-vụ : « những người này làm mà chẳng suy nghĩ gì cả. tôi rất không bằng lòng. Những điều đó tôi không sao chịu nổi. »

Sở CALB và vị Tổng-Giám-Độc hoạt động hết mình. Hoover kịch liệt tố cáo lỗi trả tự do cho kẻ phạm pháp theo lời thề danh dự và sự ngu ngốc của lính gác và chế độ khám đường giống như một hội-quán mà tù nhân được đối xử như học sinh nghịch ngợm.

Quốc-gia Hiệp hội bảo trợ lỗi trả tự-do cho kẻ phạm pháp theo lời thề danh dự đã thử tìm cách bịt mồm Hoover. Người ta thỉnh cầu Tổng-Thống Roosevelt và ông Chương lý liệu xử sự với Hoover để cho ông Hoover đừng có tuyên bố lỗi thôi gi phân đối về cái lỗi trả tự-do như trên có hại cho những hoạt động của Hiệp hội.

Hoover viết cho ông Chương lý như sau :

« . . . Sự thực thì tôi có một đôi khi phê bình chỉ trích và phản đối chế độ trả tự do như vậy. Nhưng chưa bao giờ tôi phủ nhận nguyên tắc đó. Tôi chỉ có nói đến sự thi hành

chế độ do những chính-trị gia tham tiền và nói đến những sự thối nát hối lộ đương hoành hành tại các Tiểu bang. Tôi nói có sách mách có chứng, không phải chỉ có một bằng chứng mà có trăm ngàn bằng chứng. Như vậy thì làm sao mà tôi im cho được trước những lời gièm pha nói xấu tôi »

Hoover rất có nhiều chỗ nường tựa rất vững chãi. Hội Cảnh-sát Quốc-tế kết tội vụ bịt kín sự thực và bịt miệng phê bình xây dựng. Tờ « Thời báo » ở Oklahoma tóm tắt ý kiến đa số báo chí như sau :

« Cảm tình thái quá gây một phong trào khoan hồng lan rộng khắp Hoa-Kỳ và khuyến khích tội hình như thách đố dân chúng vậy. »

Ông Tổng Giám-độc CALB nhất định không chịu im tiếng, và Tổng-Thống Roosevelt cùng ông Chương lý Cummings cũng chẳng làm gì để buộc Hoover cả. Hoover vẫn cứ gây phong trào chống lại chế-độ trả tự-do như vậy, muốn rằng chế độ phải áp dụng một cách đứng đắn và không lạm dụng.

Tin đồn vẫn rầm rầm : «những nhân vật rất quan trọng, ra vô Tòa Bạch-Ốc như chơi, đã sắp sửa lấy được đầu Hoover ». Những người loan tin đồn này chỉ quên mất một điều : Hoover có lắm bạn bè thân thích ở cận Tổng-Thống. Những vị đó là : Tùy-viên Báo-chí của Tổng-Thống, Steve Early, Tham - mưu Trưởng Edwin M. Watson (« Pa »), Bí thư của Tổng-Thống, sau và cùng, tay thế lực hơn cả là . . . chính Tổng l' hống Roosevelt.

Thế là cuộc tấn công Hoover bị hoàn toàn thất bại. Hoover ngồi ghế Tổng Giám-Độc càng ngày càng vững chãi và được dân chúng vô cùng ái mộ.

(còn nữa)

N. V. H.

Lời nói đầu — Hội KU-KLUX-KLAN ở Hoa-Kỳ có một lịch-sử dài gần 100 năm nay. Nó được thành lập vào khoảng năm 1866 sau cuộc nội chiến phân tranh Nam-Bắc (1860-1865) và có ba thời kỳ bùng dậy mãnh liệt: từ 1866 đến 1871, sau thế giới đại chiến 1914-1918 và sau đệ nhị thế chiến 1939-1945. Hình như cứ mỗi lần chiến-tranh chấm dứt là Hội KU-KLUX-KLAN lại xuất hiện. Và lần đó là có phong trào bài dân da đen nổi dậy.

Có phải những vụ kỳ thị chủng tộc này đã do bàn tay bí mật của Hội KU-KLUX-KLAN thúc đẩy không?

Thiên su-tầm dưới đây sẽ giúp phần nào cho chúng ta nhận định.

địa phương người da đen vẫn có thể được bầu vào nghị viện, hay chính phủ Liên bang, điều mà người da trắng không thể chấp nhận được,

Đại hội nhân dân toàn quốc năm 1866 gồm các đại biểu Cộng-hòa miền Bắc chống với các đại biểu dân chủ miền Nam đã chấp nhận tu chính án thứ 14 sửa đổi Hiến pháp Hoa-Kỳ: tu chính án này làm cho nhiều người da trắng miền Nam bị cấm đoán không được tham gia chính sự. Sau đây là trích lục tu chính án ấy, cho ta nhận thấy phương pháp của các chính khách miền Bắc đã dùng để tước đoạt quyền công dân của đa số người da trắng nổi loạn ly khai:

« ... Không một người nào có quyền trở thành nghị sĩ tại quốc hội hoặc được ứng cử vào chức vụ Tổng-Thống hay Phó Tổng-Thống, hoặc giữ bất cứ một nhiệm vụ dân, quân, chính nào trong chính phủ Liên

CÁC HỘI KÍN TRÊN THẾ - GIỚI

HỘI KÍN

KU - KLUX - KLAN

★ Su-tầm của M. V. 21

NGUỒN GỐC VÀ BỐI-CẢNH.

Ngày 9 tháng tư năm 1865, Đại-tướng Lee chỉ huy các lực lượng cuối cùng của miền Nam đã ký kết đầu hàng trước Tướng Grant, tổng tư lệnh quân đội miền Bắc tại thị trấn Appomatox, một làng nhỏ của Tiểu-bang Virginia. Cuộc phân tranh Nam-Bắc ở Hoa-Kỳ đến đây chấm dứt.

Với sự đầu hàng này, miền Nam đã trải qua nhiều sự thay đổi chính trị vô cùng quan trọng. Dân da đen từ trước đến nay vẫn bị xem như những tên nô lệ, bị mang ra bán giữa chợ như một món đồ hay một con vật, thành lính được hưởng mọi quyền công dân tự do của Hiệp-chủng-quốc, bình đẳng chính trị với mọi người da trắng. Trong nhiều Tiểu bang miền Nam tình trạng này đã gây ra nhiều xáo trộn chính-trị, kinh-tế, xã-hội vì số người da đen trước kia là nô lệ, nay trở thành đa số trong dân chúng và với quyền ứng cử và bầu cử, họ có thể đoạt được quyền hành chính trị địa phương một cách hợp pháp, do đó trở lại cai trị thiểu số người da trắng trước kia là chủ của họ. Từ sự tham gia chính quyền

bang, nếu sau khi đã tuyên thệ ủng hộ Hiến pháp Hiệp-chủng Quốc với tư cách nghị sĩ Quốc hội, công chức của chính phủ Liên bang hay viên chức của quyền lập pháp Tiểu bang mà họ lại tham dự vào một cuộc nổi loạn hoặc mưu phản chống lại Hiến pháp này, hoặc giúp đỡ hay ủng hộ những kẻ chống đối nó ... »

Như vậy, các công dân miền Nam Bắc trong cuộc chiến tranh Nam Bắc vừa qua, đã ủng hộ các tiểu bang chủ trương ly khai — sau khi đã thề trung thành với Hiến pháp — không còn được giữ vai tước chính trị nào cả. Ngoài ra những tiểu bang không chấp nhận quyền bỏ phiếu của người da đen sẽ nhận thấy quyền đại biểu của mình tại Quốc-hội bị giới hạn. Tu-chính-án 14 của Hiến pháp Hoa-kỳ đã làm cho những người trước kia chủ trương chia rẽ lấy làm tuyệt vọng. Thêm vào đấy, trường hợp thành lính giải thoát hàng mấy triệu người da đen làm cho người da trắng vô cùng phẫn uất. Bốn triệu dân da đen nô lệ của miền Nam được giải thoát trở thành mối đe dọa cho người da trắng, đó là chưa kể đến việc tổ chức

(xem tiếp trang 58)

© hết cả

Tâm Tron

63.

VĂN ANH lược dịch · truyện La mort
dans l'âme của Marie-Reine Reboul

Tóm tắt những kỳ trước. — Mai-Linh, một cô gái đẹp để duyên dáng, đang trong lúc thất nghiệp, may mắn gặp được dịp tốt để thoát cảnh túng quẫn. « Việc làm » của nàng là làm bạn với người con trai bệnh hoạn của bà Bá-tước Đặng-Bá tại một lâu đài cổ kính nơi thôn dã.

QUA khỏi thành phố Tours, chiếc Bentley rời bờ sông Loire và tiến vào đường Chinon, rồi băng qua cánh rừng Villandry, tới Azay le Rideau. Đền đây xe lướt trên một đường nhỏ dọc theo Indre.

— Chúng ta sắp đến nơi rồi Mai-Linh ạ. Cô đừng quên những điều tôi dặn nhé !

— Cháu đã hứa và xin bác cứ tin ở cháu.

Về điểm lệ nên thơ của phong cảnh êm đềm bên ngoài như trấn an nỗi lo ngại của nàng khiến nàng thấy phần khởi.

Xe bắt đầu đi qua con đường hai bên trồng toàn nho, tới một rừng cây rậm rạp ; rồi dừng lại trước một cổng sắt đồ sộ. Phía trong cổng là một lối đi thăm thẳm ngả bóng mát của hàng cây hạt dẻ trồng hai bên đường.

Tài xế Tân xuống xe, đỡ lấy chiếc chìa khóa lớn ở tay bà Đặng-Bá đưa qua cửa kính xe, đã hạ sẵn. Tân mở cổng, đánh xe vào, khóa cổng lại, trả chìa khóa cho bà Đặng Bá rồi mới lại lên ngồi lái xe đi.

Sự cản trở lạ lùng của người tài xế khiến Mai-Linh ngạc nhiên nhưng nàng không tỏ dấu gì cả. Xe đang đi trong công viên. Bỗng, vụt một bóng đen, Mai-Linh chợt nhận ra con hươu băng qua một đường ngang và đột nhiên tòa lâu đài sừng sững trước mặt.

Có những kiểu lâu đài chỉ toàn nhà để ở và những tòa lâu đài có một tư cách riêng biệt. Lâu đài họ Đặng Bá thuộc về hạng sau.

Mai-Linh nhận định được như vậy là nhờ hình dáng linh hoạt với nét cổ kính và tính cách trang nghiêm khác thường của tòa lâu đài.

Loạt cửa sổ chính dồn theo kiểu tân tiền tô thêm thêm cho phía mặt tiền. Bên ngoài, bao quanh bằng một đường hào luôn luôn đầy nước. Muốn vào trong sân chính phải qua một chiếc cầu rút.

Bà Đặng-Bá nói :

— Phía này hơi có vẻ man rợ. Nhưng phía bên kia thì cụ cô Đặng-Bá là cận thần của vua François đệ nhất đã sửa lại có vườn du ngoạn, có sân quần vợt, có cả hồ bơi v. v...

— Tòa lâu đài của bà đẹp quá...

Mai-Linh chỉ nói thế thôi vì nàng không thể diễn tả được những cảm nghĩ hơn thế nữa : nỗi khổ tâm của nàng. Nàng có cảm tưởng như tòa nhà bằng đá cũ kỹ kia đang nhìn chòng chọc vào mặt nàng mà chấp thuận cho nàng ở hay không. Cảm tưởng ấy như trở thành sự thật khi sau này nàng đặt bàn tay trên tường mà thấy rợn rợn một cách vô lý.

Nàng thăm nghĩ « chúng nó » sống quanh năm ở đây và ta cũng sẽ ở đây.

Rồi nàng thở dài...

Xe dừng lại trước thềm nhà. Tên hầu và mụ ở chạy ra trong khi bà Đặng Bá bước xuống xe.

Mai-Linh tới bên mụ ở, trong khi mụ nhìn nàng chòng chọc khiến nàng ngạc nhiên ngó lại thấy mụ giồng hệt như một mụ phủ thủy già vậy.

Bà Đặng Bá cất nghia :

— Đây là mụ Mẫn đây. Mụ là nhũ - mẫu của Tuấn-Khanh và bây giờ là quản gia của nó. Này vú Mẫn, đây là cô Vân Nguyệt đến ở chơi đây ít lâu. Vú lo săn sóc cô nhé. Vú dẫn cô lên phòng mà mụ cô con gái ông bà Quý ở hồi trước ấy, chắc cô ưa hơn...

Mụ Mẫn nhìn Mai-Linh cười mơ hồ :

— Chắc thế... chắc rằng thì là cô ở đây sẽ dễ chịu lắm ! Mấy lì . chả mấy khi có cái việc được thấy một « tuổi trẻ » y như vậy mà ở đây...

Bà Bá-Tước nắm cánh tay thiếu nữ :

— Mai-Linh ạ, cô đi nghỉ đi. Đợi tám giờ xuống dùng bữa nhé ! Chàng cần mặc quần áo kỳ làm gì, mặc áo thường đủ rồi...

Căn nhà chính rộng mênh mông khiến thiếu nữ ngỡ ngàng như người lạc bước đến. Nàng nghĩ thầm : ta có cảm tưởng như đang ở trong một viện bảo tàng và người hướng đạo sắp nói : thưa quý bà, quý ông, phía bên này cơ...

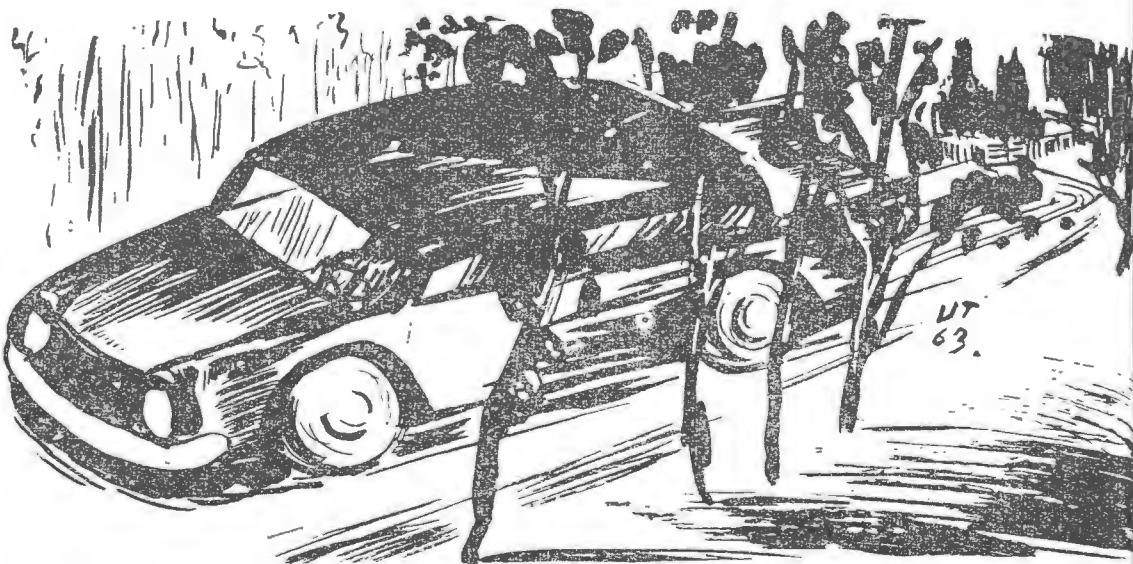
Mụ Mẫn thì thầm :

— Bên này, bên này cơ, người đẹp... Hành lý của cô thì rồi tài Tân hay thằng Do sẽ mang lên sau.

Nói rồi mụ lon ton đi lên trước.

Căn phòng dành cho nàng ở vào tầng thứ hai. Có hành lang rộng lớn nhưng cầu thang hẹp; có nhiều khúc quanh và lối quẹo. Nhiều bức họa to lớn của các danh họa sĩ thời thế kỷ 15 và 16. Rải rác những cái bệ, những bình gốm đứng gác muốn đời...

Ấn tượng đầu tiên đập vào não của Mai-Linh là sự trống rỗng, sự cô đơn của tòa lâu đài mặc dầu có



người ở, có Tuấn-Khanh có ông Đặng-Bá, có Giang-Chi cùng những người giúp việc. Tuy nhiên, sự rộng lớn của những căn phòng với trần nhà quá cao khiến nàng vẫn thấy thế nào...

Nàng bước vào phòng mình thở phào một tiếng để tự trấn tĩnh. Gian phòng thêm duyên dáng bởi cách trang hoàng đồ đạc theo kiểu Ý-Đại-Lợi với những bức khảm ngà, những tấm màn, những rèm cửa bằng vóc xanh nhạt. Nàng đứng ngắm một cách thích thú gian phòng tắm tối tân. Chợt tên hầu phòng Do thân nhiên lững lờ mang hành lý vào.

Mụ Mẫn hứa :

— Tôi sẽ đưa mụ Duyên lên hầu phòng cho cô.

Mai-Linh đáp :

— Thôi để tôi sắp đặt lấy cũng được.

Mụ Mẫn tò mò ngó Mai-Linh rồi bỗng hỏi :

— Thề cô đến đây để làm việc « ý » đây à ?

Mai-Linh cũng phải ngạc nhiên về câu trả lời của mình :

— Tôi cũng muốn tập làm cho biết, vú Mẫn ạ...

Mụ nhún vai :

— Bà Bá-tước có ý riêng của bà !

Rồi mụ đèn gần bỏ nhỏ như cách đồng lõa với nàng :

— Nếu tôi mà là cô ý à... tôi kiếm có nợ có kia xin kiểu cả bọn mà... chuồn ngay, chả cần đợi gì cả...

— Tại sao thế ?

Mai-Linh hỏi một cách khô khan, hơi gay gắt, khó chịu vì phải chú ý vào câu chuyện này.

— Tự vì... chả có gì ích lợi cho cô mà ở đây chỉ thêm dự phần vào chuyện rắc rối...

— Chuyện gì rắc rối ?

Mai-Linh lầy lầm ngạc nhiên nhận thấy lần này không phải là tức cười nữa mà là xuẩn ngốc.

— Cái đó... cái đó... không phải việc của tôi nhưng... rồi cô xem.

Và tự khơi chuyện ra rồi lại cò sức bảo chữa lại, mu nói tiếp :

— Cô không nhận thấy ở đây tất cả đều nguy hiểm cả ư ? Không à ? Vậy mà tôi biết... Mặc kệ cô, vì cô không chịu nghe mu La-vi-Mẫn này !

Mai-Linh ngắm theo cái bóng xa dần, nom kỳ quái như mu ác tiên Ca-la-Bốt vậy.

Nhưng nàng quên ngay mu, vì nàng còn lo sửa soạn để xuống ra mắt những người mà nàng sẽ phải đóng kịch với họ, mà nàng sẽ là cô Vân-Nguyệt, con gái một bà bạn của nữ chủ nhân nhà này. Nàng mở va-li bầy ảnh song thân lên bàn, ngắm nhìn rất lâu.

Nàng thì thầm :

— Ba mẹ yêu dấu, ba mẹ định sao về việc này ?

Trong khi chờ đợi cho nước ầm chảy đầy bốn tấm, nàng ngắm cảnh vật bên ngoài qua khung cửa sổ. Khu vườn du ngoạn lúc này trông thật kỳ diệu : phía sau những mô đá, nàng thấy sân quần vợt với hàng tóc tiên sến kỹ lưỡng làm ranh giới và xa hơn nữa giữa thảm cỏ xanh, ánh nước lấp lánh của mặt hồ bơi rộng lớn hình chữ nhật, xung quanh rải rác những chiếc ghế xích đu với đầy đủ tiện nghi, tổ điểm cho cảnh trí hồ tắm thêm phần hoàn mỹ.

Đời sống ở lâu đài họ Đặng bỗng trở nên dễ chịu đối với nàng mà trước đây ít phút nàng chưa hề tưởng vậy. Mai-Linh thắm bốn cợt :

« Kề cũng lạ thật. Đã có ai dọa ma dọa quỷ gì mình đâu mà mình thắc mắc — Thật là vô lý ! Họ có ăn thịt mình đâu cơ chứ ! Dấu cho có sự gì không hay có thể xảy ra cho mình thì bất quá, mình mất « món bở » này là cùng...

Tắm xong, nàng thấy thanh thản hẳn lên—Mặc y phục tươm tất, tô chút son lên môi và liếc qua đồng hồ tay thấy đã tám giờ rồi, nàng bước ra hành lang :

— Nào, ta hãy đương đầu với mãnh thú...

Rồi nghĩ tiếp : Mình có cảm tưởng như mình sắp ra diễn kịch...

Bà Đặng-Bá dặn nàng xuống dùng bữa chiều, nhưng ở đâu ? Tất cả đều rộng lớn quá...

Xuống khỏi thang gác, tới ngay nhà lớn cũng chẳng khó khăn gì. Tên hầu Do đã trực sẵn ở đó, thấy nàng, hẳn trình trọng mở cánh cửa chính ra.

Phòng khách trang hoàng theo kiểu Lô-Y thập ngũ có một nét riêng biệt về kiểu thẩm mỹ qua mọi khía cạnh — Nàng nhận thấy lối trang hoàng của ông Vua Lô-Y thập ngũ thật đã biết dung hòa khéo léo về mỹ thuật. Trông không có ai, nàng định tới mở cuốn tạp chí bỏ quên trên chiếc bàn thấp thì một thanh niên trạc 30 tuổi, mặc y phục len kẻ ô nhỏ, đang ngồi nơi ghế bành, đứng dậy lớn tiếng :

— Chắc cô là cô Vân-Nguyệt ? Cô tôi vừa mới cho tôi biết tin cô đến, thật đột ngột quá. Tôi là Đặng-Bá Giang-Chi...

Mai-Linh đưa tay ra bắt, Giang-Chi như cò ý giữ bàn tay nàng cho lâu. Chàng ta có cái nhìn đầy chinh phục mặc dầu nét mặt hiền hòa và nhã nhặn—Chàng tiếp :

— Tôi rất sung sướng được là người đầu tiên mời cô nếm thử rượu quý nhất của nhà họ Đặng...

Chàng rót đầy tách pha lê, rồi đưa cho Mai-Linh.

Nàng nói :

— Xin cảm ơn... Song, tôi không thích uống rượu.

Sự thật không phải vậy, mà vì sự thân mật quá trớn của Giang-Chi như xúc phạm nàng. Nàng hiểu rằng trong tình trạng ấy, nàng sẽ phải luôn luôn giữ kẽ để phòng.

Giang-Chi nhìn nàng chăm chú kinh ngạc :

— Đáng tiếc, thật là đáng tiếc...

Chàng ta làm bầm như vậy, uống cạn ly rượu và đặt ly xuống mời tiếp :

— Cô sợ thuốc ?

Mai-Linh khước từ :

— Cảm ơn, tôi không hề hút thuốc...

Giang-Chi cười :

— Cô có cả một đức tính, thưa cô...

Nàng nhún vai :

— Tôi gắng cho có ít tật xấu được chừng nào hay chừng ấy.

Nàng bắt đầu thấy bức bối về sự diện đối diện với chàng thanh niên mà nàng mới biết chưa đầy năm phút...

Giang-Chi hỏi :

— Cô chưa thấy cậu anh họ tuyệt diệu, ông anh họ phi thường của tôi chứ ?

— Ông muốn nói ông Tuấn-Khanh phải không ? Không, tôi chưa biết ông ấy...

— Vậy thì cô sẽ có một cuộc đụng độ : Đó là một anh chàng hỏ lỏn vừa như Apollon, giống Jean Marais mà đồng thời chẳng khác gì Hercule :

— Tôi đã thấy Jean Marais trong một tiệm ăn, thấy Apollon và Hercule trong viện bảo tàng Louvre nhưng thật ra tôi chẳng thấy gì là đụng độ cả...

— Tôi xin chịu cố...

Giang-Chi thở dài rót thêm rượu uống :

— Kìa chú tôi kia.

Để tôi xin giới thiệu.

Cảm nghĩ đầu tiên khi Mai-Linh thấy bá-tước Đặng-Bá là cái tư cách riêng biệt của ông. Đi mắt đen sâu thẳm với cái nhìn như dò xét, bộ tóc trắng xóa làm dịu bớt những nét khắc khổ của khuôn mặt. Thân hình ông không to lớn, nhưng dáng dấp bề vệ của ông khiến ông đứng đâu cũng có vẻ như chiếm hẳn một khoảng rộng lớn.



Hình như ông ngạc nhiên khi thấy Mai-Linh, nhưng ông cũng nghiêng đầu lịch sự chào nàng.

Giang-Chi giải thích :

— Thưa chú, đây là cô Vân-Nguyệt mà thím cháu đưa từ Ba-Lê về đây. Thím nói với cháu rằng, cô Vân-Nguyệt là con gái một bà bạn cũ của thím.

Ông Đặng-Bá Lê-Năng tiên đến bên thiều nữ tươi cười :

— Tôi rất hân hạnh được tiếp đón cô ở đây, thưa cô. Nhà tôi đã dành cho tôi một sự ngạc nhiên thật là kỳ thú...

Mai-Linh hỏi hớp lạ thường khi nàng chú ý đến câu « thím nói với cháu » của Giang-Chi. Câu nói thì rất thường, nhưng cái giọng nói của chàng ta có một ẩn ý gì không ai hiểu được.

— Thưa ông, chính tôi mới là người rất sung sướng được ông đón tiếp...

Nàng vừa trả lời vừa nghĩ : Ông này thật là khác thường. Ông ta mặc bộ y-phục màu xanh thẫm thật chiếc ca-vát tơ sẫm tuyệt đẹp, nhưng người ta có thể quên hết những thứ đó mà tưởng tượng ra một người mặc triều phục đen có cổ áo viền đăng ten, đeo kiếm bên sườn, hoặc hơn thế nữa mặc giáp sắt, tay cầm thương cưỡi trên con ngựa chiến... Có lẽ, vì ông ta có một nét phảng phất giống như tổ phụ ông mà mình đã thấy bức chân dung treo ở đây hành lang về phía gần phòng mình...

Nàng nhanh trí đoán ngay ra rằng nhà này có lệ đợi bữa ăn tối ở phòng khách... Ông Đặng-Bá Lê-Năng cầm tờ nhật báo chăm chú đọc. Giang-Chi thì tiếp tục uống rượu. Mai-Linh đang bồi rồi không biết làm gì thì cửa phòng mở, bà Đặng Bá bước vào liếc mắt qua, hiểu ngay tình thế, kêu lên :

— Ô kia, tôi đem về cho các ngài một thiều nữ tươi vui của Ba-Lê, vậy mà các ngài không để ý gì đến cô ấy cả ! Thật là kỳ cục !

Ông Lê-Năng khẽ ngừng đầu lên nói :

— Minh ạ, bốn phận trước hết của chủ nhà đối với khách là phải để cho khách có cảm tưởng ngay từ phút đầu rằng : họ ở đây như ở nhà họ và muốn được vậy thì phải xử sự như lời sống thường ngày của ta...

Rồi không mạch lạc, ông tiếp :

— Chắc hẳn Tuấn-Khanh lại chậm trễ rồi !

Giọng nói không cứng rắn nhưng nghiêm khắc. Ông Đặng-Bá nhắc đến con trai y như nói đến một đứa con trẻ.

Bà Đặng-Bá đáp :

— Mụ Mẫn đi tìm nó rồi. Độ lát nữa nó ra bây giờ...

Câu chuyện có vẻ rất thường nhưng Mai-Linh nhận thấy như có

một sự cố ý gì mà nàng không thể giải được. Trước hết tại sao bà Đặng-Bá lại nói là mụ Mẫn đi « tìm » chứ không nói là đi « mời » ? Bà Bá-tước này không phải là một người đàn bà không biết dùng chữ, Tuấn Khanh đau đềm nỗi phải có người đi từ phòng riêng tới phòng khách hay sao ?

Cửa phòng bậc mở, mụ Mẫn lộ cái mặt tái mét vào, lấp ló :

— Ông Tuấn-Khanh không có trong phòng ông ...

Mai-Linh đề ý ngay đến không khí căng thẳng trong phòng, hơn nữa trên mặt bà Đặng-Bá thoáng hiện vẻ kinh hãi. Ông chống đứng dậy :

— Vậy thì, chúng ta đi ăn, mình ... chắc hẳn nó lại ra công viên ngồi mơ mộng rồi ngủ quên ở đó luôn chứ gì..

Giang-Chi quay hỏi mụ Mẫn :

— Hay là anh ấy lại « ra tình nữa » ?

Mụ Mẫn lắc đầu. Bà Đặng-Bá cổ trần tỉnh :

— Chúng ta qua phòng ăn đi, tôi chắc chắn là nó không chậm trễ đâu.

Ông Đặng Bá nhả nhận qua trước mặt Mai-Linh và đi khuất trước.

Phòng ăn thấp nền sáng trưng, những cây nền lớn cắm trên sáu dầy chân nền bằng bạc ; bữa ăn bày biện trên một cái khăn bàn bằng vóc trắng, thêu nổi, trông cảnh tượng có vẻ thần tiên lạ.

Mai-Linh nghe Giang-Chi thì thầm với ông Đặng-Bá :

— Chú có nghĩ rằng Tuấn-Khanh biết có cô khách lạ đến nên lánh đi không ?

— Thôi đi, Giang-Chi !

Bá-tước nghiêm trang như nhắc cho cháu ông giữ im lặng và kín đáo trước một người lạ. Nhưng Mai-Linh lại nghĩ rằng chính Giang-Chi cốt nói cho nàng nghe đó. Vì sao thế ?

Bỗng, một giọng nói trong sáng rõ rệt vang lên :

— Thưa má, con xin lỗi và cả ba nữa, thưa ba, con bị chậm trễ là tại ...

Giọng nói ngừng lại đúng lúc Mai-Linh quay đầu ra thấy Tuấn Khanh.

Thân hình to lớn, mạnh mẽ, có thể gọi là vĩ đại so với một thanh niên. Tuy nhiên, trông chàng không thô tháp mặc dầu có đôi vai rộng lớn lạ ! Thân hình lực sĩ cân đối ấy khiến cho ta hầu như gần quên hẳn nét giản dị của khuôn mặt, khuôn mặt một thanh niên quả cảm, hơi có vẻ ưu tư — Vóc người cao lớn của chàng có thể gọi là kênh cang, nhưng vẻ phong lưu mà đơn giản của Tuấn Khanh khiến họ quên mất điều trên kia, họ nhận thấy như vậy ngay ở lời phục sức của chàng, chàng mặc



ÔNG ĐẶNG-BÁ-LÊ-NĂNG



chiếc quần ni mỏng, áo vét hàng len kẻ ô nhỏ và không thắt cà-vạt. Ngay khi thấy chàng, Mai-Linh hoàn toàn bị thu hút đồng thời cũng ngạc nhiên nữa vì nàng không hề tưởng tượng rằng « bệnh nhân » của nàng lại như thế.

— Tôi cũng xin lỗi cả cô khách của má nữa vì tôi không hề biết...

Nữ bá-tước giới thiệu :

— Tuấn Khanh, con trai tôi... Cô Vân-Nguyệt...

Mai-Linh cảm thấy bàn tay nàng như biến mất hẳn trong lòng bàn tay to lớn, rắn chắc và nóng hổi của Tuấn-Khanh, bàn tay cuồng nhiệt, đầy sinh lực. Cái nhìn của Tuấn-Khanh gặp đôi mắt Mai-Linh, cái nhìn thẳng thắn đầy cảm tình. Nàng thấy đôi mắt xanh biếc của chàng và nàng cũng thấy bộ tóc đen dợn sóng của chàng...

Bữa ăn kiểu cách bắt đầu... Ông Đặng-Bá lơ đãng nghe bà vợ kể cuộc hành trình ở Ba-Lê — Bằng cách bịa đặt rất khéo léo, bà tường thuật cuộc gặp gỡ mà bà đã tìm ra được con gái người bạn rất thân của bà. Bà còn nhấn mạnh thêm nhiều chi tiết khiến Mai-Linh thán phục sột đèn đỏ mặt. Rồi Giang Chi kể lại chuyện đi câu lúc ban chiều mà anh ta bị vượt mặt con cá mè béo ú — Tuấn Khanh thì có vẻ như nghe chuyện nhưng không hề góp chuyện. Mai-Linh kín đáo quan sát chàng : một con người bề ngoài trong lành mạnh, sức khỏe dồi dào mà lại có những sự kiện dị thường trong câu chuyện mạo hiểm của nàng.

Chính vì chàng và cũng chỉ vì chàng mà nàng tới đây, sống giữa những người chỉ giằng buộc với nhau do thói quen mà thôi. Và nàng, buộc lòng nàng phải dối họ...

Nàng, trước đây mấy ngày đã từng là đi vì đói, thì giờ đây nàng từ chối món vịt hầm cam bày trên đĩa bạc do người đầu bếp bưng tới, từ chối bằng một cái hắt tay dài các...

Tính cách hài hước của cái tình trạng bi hài này khiến nàng rất có thể vui thích mà dự vào nếu nàng không linh cảm rằng họ đẩy nàng dính dấp vào một thảm kịch mà nàng không hay biết ngọn ngành... Một thảm kịch mà nàng vẫn chưa biết rằng nàng sẽ đóng vai gì ; bà Đặng-Bá chắc hẳn không khi nào đoán ý là cho sáng tỏ câu truyện, vì còn phải « giải khuây cho đứa con trai bệnh hoạn của bà ». Đối với Tuấn-Khanh, bữa ăn mà thấp nền là một khổ hình cho chàng — nhưng, hôm nay, có Mai-Linh tự nhiên chàng không thấy gì là bức bối cả. Chàng nghĩ thầm : « nàng xinh tươi và duyên dáng quá, khác hẳn với Dạ-Liên »

Bỗng nhiên chàng nhắm mắt. Mai-Linh nhận thấy ngay sự biến đổi khác thường ở chàng. Chàng làm sao thế ? Chàng có vẻ như khổ tâm, đau đớn lắm. Chàng ngược nhìn nàng như cảm động.

Ông Đặng-Bá vội hỏi :

— Tuấn-Khanh, con khó ở hả ?

— Thưa ba, không ạ, xin ba cứ yên tâm ...

Chàng đáp vậy và như cổ trần tỉnh, như gắng sức che giấu sự mệt nhọc. Chàng cúi đầu xuống không nhìn ai, cũng không nói gì nữa...

Bữa ăn chậm dứt buồn tẻ. Mọi người đứng dậy. Mai-Linh ngạc nhiên thấy mẹ Mẫn đột tới. Bà Đặng-Bá ngoắt tay ra đầu mẹ đèn bên nói nhỏ nhỏ. Tức khắc mẹ đèn cạnh Tuấn-Khanh :

— Đi, đi đi chứ, đèn giờ chú đi ngủ rồi ...

Mẹ nắm cánh tay Tuấn Khanh. Chàng nhón nhác nhìn mẹ, nhìn cha, rồi quay nhìn Mai-Linh. Nàng có cảm tưởng như chàng hỏi ý nàng.

Ông Đặng-Bá nhắc, giọng êm dịu gần như âu yếm :

— Đi đi Tuấn Khanh, con cũng hiểu rằng con cần nghỉ chứ.

Tuấn-Khanh gượng gạo nói :

— Dạ, xin chào ... Phải chia tay sớm quá, thật buồn ghê ...

Và chàng quay đi, mẹ Mẫn kèm bên.

Ông Lê-Năng cũng xin lỗi và vội vã qua phòng đọc sách ở kề bên phòng khách.

Bà Đặng-Bá để nghị đánh bài tay ba, Mai-Linh buộc lòng nhận lời.



TRONG im lặng của đêm khuya, nghe tiếng thú vật kêu đêm hết giờ này qua giờ khác, thiêu nữ tưởng chừng như lạc tới một thế giới kỳ quái, cách biệt tất cả ...

Nàng cố kiểm điểm lại những việc mới xảy ra, tốt cũng như xấu :

Cái nhìn chăm chăm của Giang-Chi làm nàng khó chịu, cái nhìn như có nghĩa là : Tôi thích cô lắm ! Sau, bà Đặng Bá tỏ ý muốn đi ngủ, Giang-Chi viện cớ tắm bằng

nút bấm đèn phiền phức lắm và đề nghị đưa Mai-Linh đến cửa phòng nàng, nhưng nàng làm bộ vừa cười vừa đáp :

— Anh nên biết là tôi không sợ ma đâu nhé !

Giang-Chi tần công thêm :

— Ở đây có nhiều cái còn nguy hiểm hơn cả ma nữa kia !

Nàng thấy chàng ta liếc mắt lo lắng về phía bà Đặng-Bá, như sợ bị bà nghe được câu vừa rồi. Mai-Linh đáp :

— Không can gì, tôi thích đi một mình hơn.

Nàng vừa chúc Bà Bá-tước ngon giấc vừa đặt chân lên bậc thang.

Bà Bá-tước thở ra :

— Cô em thật là hoàn toàn... tôi mong cô ở đây sẽ được vừa lòng...

Đúng như lời Giang-Chi đã nói trước, nàng phải khó nhọc lắm mới tìm về phòng được.

Điện tắt ngấm. Qua ánh trăng tranh tối tranh sáng, những bức tường hiện hiện nhiều hình ảnh huyền hoặc mơ hồ...

Nàng ngẫu nhiên đến cửa phòng, hơi hấp tấp — Nàng chợt nghĩ : « mình ngu thật. Không lẽ mình mà cũng bắt đầu sợ bóng tối như đứa trẻ thơ nữa ! »

Vừa lên giường, nàng vừa nghĩ đến Tuấn-Khanh, chàng thanh niên lạ lùng ấy, chắc chắn có thể trở thành vô địch về bất cứ môn thể thao nào, có thể tạo sản nghiệp cho một công ty điện ảnh là khác nữa, mà lại dễ bị đối đãi như một đứa trẻ thơ... Nàng nhủ thầm : « Chàng có vẻ rất sáng suốt. Thề là thề nào ? »

Nàng nghĩ miên man và ngủ quên lúc nào không biết...



TUẦN-Khanh nói :

— Cô mặc áo thể thao như vậy hay lắm, vì vừa đúng lúc tôi muốn hỏi xem cô có thích chơi quần vợt sáng nay không ?

— Nhưng tôi không mang theo vợt !

Nàng làm bộ buồn rầu kêu lên thề. Rồi nàng nghĩ thầm : « mình nói dối kẻ cũng tài ! » và nàng nghĩ đến cái vợt của nàng mà cách đây một năm nàng đã bán đi để lấy tiền ăn.

Tuần Khanh cười :

— Cô không lo, ở đây thiếu gì vợt. Chắc cô dùng loại 13-1/2 đây nhì.

— Chắc phải thứ đó đây !

Dưới ánh mặt trời tươi sáng của ban mai, công viên như khoe sắc lộng lẫy xanh tươi.

Đôi thiếu niên sánh vai đi tới sân quần. Mai-Linh nói :

— Chắc tôi đánh dở lắm, vì tôi bỏ đã lâu rồi.

— Cô cứ yên tâm, tôi cũng ít khi đánh lắm vì không có người.

— Chắc anh đánh giỏi lắm nhì !

— Không, nhưng tôi chẳng có ai để cùng chơi...

Mai-Linh phân vân hỏi :

— Anh muốn nói là không có tay quần vợt nào ở vùng này hay sao ?

— Ô, có chứ... nhưng họ không đến đây, thề thôi. Rất dễ giải thích. Song, tôi không muốn nói về chuyện đó với cô... Chắc chóng chấy gì rồi cô cũng sẽ biết tại sao...

Thiếu nữ muốn biết ngay tức khắc, nhưng chàng đã bắt đầu giao banh.

Mai-Linh chưa hề có dịp chơi quần vợt trên sân cỏ bao giờ và nàng phải ngạc nhiên về sự nhanh nhẹn của mình đón đỡ những trái « ban » nhồi lại. Lúc sau nàng quen sân rồi và có thể đánh trả lại những cú «xét» mạnh dạn mà Tuấn Khanh đã biểu lộ nhã ý bằng cách đánh rất nhẹ nhàng và để quả « ban » vừa tầm thiếu nữ mà thôi.

Qua khung cửa sổ phòng riêng, bà Bá-tước thấy cuộc đấu và theo dõi đôi thiếu niên so tài...

Bà thầm nhủ : « tội nghiệp Tuấn-Khanh ! Nó có vẻ mẫn nguyện lắm ! » Rồi quay sang hỏi mẹ Mẫn : « Đêm... thường chứ ? »

— Thưa bà vắng rất bình thường ạ.

Mẹ ở hơi ngập ngừng rồi liền nói :

— Bẩm bà không sợ giùm cho cô bé mà bà đem về đó ạ ?

— Vũ muốn nói gì ?

Bà Bá-tước nghiêm giọng hỏi vậy mặc dầu bà đã thừa hiểu ý mẹ rồi.

— Dạ thưa... sợ khi có chuyện gì xảy ra... Nếu cô ta chết ở đây... như vậy thật ghê gớm quá... Họ sẽ đem cậu đi mất !

— Ta cầm mũ, trăm lần ta cầm mũ không được nói chuyện ấy với ta !

Bà nói gần như thét lên, mặt hằn nét đau khổ, giận dữ...

Nhưng, mặc cơn giận của bà chủ, mẹ Mẫn ngang ngạnh tiếp :

— Và còn cô Dạ-Liên, rồi cô ấy sẽ nói sao ?

Bà Đặng-Bá không trả lời nữa. Bà muốn khỏi trả lời để xua đuổi cơn khủng hoảng trong đầu...



AN trưa xong, Mai-Linh một mình tản bộ trong công viên, cái công viên như lồi cuồn, như mẹ hoặc nàng mà cũng làm nàng hơi rờn rợn bởi vị trí mệnh mông của nó. Lăn theo đường mòn, nàng đi sâu vào một rừng cây lúc nào không biết. Ngạc nhiên, đứng dừng lại, nàng đoán mình đã cách xa lâu đài ít nhất là một hai cây số rồi đây...

Xa xa, ngay ở khúc quanh của lối đi, sừng sững một nhà mát thôn dã, dựng bằng thân những cây thông còn nguyên vỏ không để gọt gì cả. Cảnh trí ấy kẻ thật cũng khác thường trong cái khung cảnh thâm nghiêm này. « Túp lều ở Gia-Nã-Đại của tôi đây ». Mai-Linh vừa tò mò đèn gần ngôi nhà.

Nàng đẩy cánh cửa khép hờ, bước vào. Vài ba chiếc ghế bành kiểu thô sơ. Trên mấy kệ nàng thấy nhiều đồ chơi trẻ con, những chú lính bằng chì sắp hàng thẳng tắp, một chiếc máy bay nhỏ xíu, những miếng gỗ để chắp hình, một cái vợt đứt hết lưới, móc ở chiếc đinh và trên cán nàng thấy hai chữ tắt T. K. khắc bằng dao con. Như vậy thì đây là nơi mà Tuấn-Khanh vẫn tới chơi hồi thơ ấu và chắc nơi đây là lâu đài, là kho báu của chàng hồi ấy.

Bỗng nàng thấy hồi hộp vì hình như có tiếng động bên ngoài. Nàng không hề nghĩ rằng mình vào đây là sai bậy mà nàng rờn rợn chính là vì tiếng động bất chợt vừa rồi. Nàng tự nhủ để tự trấn tĩnh : « Chắc chỉ là một con sóc hay lũ chuột đồng ! » Tuy nhiên, rõ ràng như có tiếng cánh cửa nghiêng ken két, cách cửa mà nàng vẫn bỏ ngỏ. Muốn biết chắc chắn cửa còn bỏ ngỏ hay không chỉ có việc quay mặt ra mà nhìn là xong chứ gì.. Nhưng, nàng thấy sờ sợ.

- « Thật vô lý, phải trấn tĩnh đi chứ ! »

Nàng nhủ thầm vậy. Cờ làm gan, nàng quay đầu nhìn ra : cửa đóng cứng ! Nàng quyết không phải vì gió đây ! Cùng lúc ấy, có tiếng đập vào ô kính cửa sổ hai lần. Nàng ngó ra cửa kính : chỉ thấy cây cối mà thôi. Nàng cảm thấy như toàn thân tê liệt hẳn. Nàng cố gắng tự chủ mà không được : « Ai rình mình ? Mà tại sao ? » Nàng linh cảm chắc chắn rằng chàng phải vì một ân tượng huyền hoặc nào khiến nàng lo sợ mà chính là vì có một nhân vật thực sự ở đâu đây... Bỗng nàng rú lên kinh hoàng : một tiếng nổ chói chói rất gần — Rồi, không ý thức, nàng phóng mình ra mở cửa : trên bậc cửa, Giang-Chi đứng sừng sững, tay cầm súng, nhìn nàng cười... Hẳn vờ ngạc nhiên :

— Cô ở đây à ? Nếu tôi biết thế...

Hắn như không để ý đến sắc mặt xanh mét của thiêu nữ. Nàng nói :

Thề ra ông đã ở đây... để nhốt tôi trong này à ?

Nàng không ưa cái lối soi mói của hắn như vậy. Nàng muốn lánh xa hắn ngay, nhưng buộc lòng nàng phải trở vào trong lều vì hắn đã đứng án ngữ lối ra rồi... Hắn cười :

— Tôi không biết có cô ở đây. Thấy cửa mở nên tôi đóng lại, rồi tôi đập thử vào bức ván cũ kỹ này một chút để xem nó có bị một nhieu và có cần sửa sang không ?

— Nhưng còn tiếng súng nổ ?

— Tôi giết một con sóc... tôi ghét giống ấy từ khi tôi bị một con nó cắn hồi tôi lên mười tuổi...

Nàng muốn hỏi : « Anh làm gì mà bị nó cắn ? » nhưng nàng kềm lại được.

Giang-Chi nói :

— Cô có vẻ mệt đấy, cô nên ngồi nghỉ đi ; mấy chiếc ghế thô sơ của anh họ tôi cũng hữu dụng đấy !

Chàng ta vừa nói vừa tiến lên làm như nàng đã chịu phép, chịu nhận lời ngồi rồi ! Và không mạch lạc, chàng ta tiếp :

— Nếu biết cô bị kích động đến thế thì tôi đã chẳng đùa như vậy...

— Thề ra... ông đùa để dọa tôi à ?

Bây giờ thì Mai-Linh tức giận, giận quá chừng Trước hết, vì nàng bị coi như là trò chơi của hắn ta, sau nữa là nàng thấy như mình bị lệ thuộc lúc này.

— Chắc thím tôi cũng có nói trước cho cô rõ là tôi hay tinh nghịch đấy chứ !

Vừa nói Giang-Chi vừa cười lạt.

Nàng đoán chừng Giang-Chi muốn khiêu khích, muốn chọc tức nàng. Tại sao vậy ? Hay là đó là một lời « đo tinh thần » ? Phải, chắc có lẽ thế... Chàng ta đổi giọng, đột ngột hỏi :

— Chúng tôi không nghe thím tôi nói gì về việc má cô lên đón cô cả ? Chắc bà cũng khổ tâm lắm nhỉ !

Nàng đáp khô khan :

— Mẹ tôi chết đã hai năm rồi.

Và nàng chợt hiểu là mình đã mắc bẫy hắn ta rồi.

Hắn giả bộ sững sốt kêu lên :

— Ô, tôi xin lỗi...

Rồi nhếch mép cười khó chịu :

— Chắc thím tôi quý má cô lắm nhỉ ?

Mai-Linh ngắt lời.

— Phải, rất quý.

— Và dĩ nhiên là thím tôi biết cô từ hồi nhỏ ?

— Tôi... tôi chỉ nhớ mang máng thôi..

— Tôi thấy... Cô có biết cô đẹp lắm không ?

Hắn đứng dậy và tì vào lưng ghế của Mai-Linh, cúi xuống gần nàng.

Nàng đứng phắt dậy :

— Tôi muốn trở về lâu đài ngay !

Giang-Chi mỉm cười :

— Cô nán lại đây chút nữa, tôi có nhiều truyện để nói với cô...

Bỗng tiếng nói đầy giận dữ của Tuấn-Khanh vang lên :

— Ông em họ của tôi quấy rầy cô từ bao lâu rồi, thưa cô ?

Thì ra thoáng thấy nàng đi về phía « lều » của mình chàng rời khỏi phòng riêng và quyết định đến đón nàng.

Nàng nhận thấy Giang-Chi có vẻ căm tức lùi sang bên một bước và tay cầm lăm lăm khẩu súng.

Tuấn Khanh hỏi :

— Tại sao chú lại cầm súng

— Tại vì, đối với anh, không ai có thể ngửa trước được những sự bất ngờ xảy ra, thưa ông anh yêu quý!



Tướng chừng chàng thanh niên sẽ đáp lại một câu thật đích đáng, nhưng không, nàng chỉ thấy thoáng trên mặt chàng đượm nét ưu tư, mặt chàng tái mét, lặng đi như bị người em họ đánh bằng thứ khí giới vô hình nào...

Chàng gượng quay sang nói với Mai-Linh :

— Tôi xin lỗi thay em tôi về những lỗi lầm ấy đòi với cô... cô cho phép tôi đưa cô về lâu đài, vì đã đến giờ uống trà rồi.

Mai-Linh nhanh nhẩu đáp :

— Xin vui lòng, thưa ông Đặng-Bá Tuấn Khanh.

Tuấn Khanh đứng tránh sang một bên cho nàng đi qua, rồi khi ngang ngưỡng cửa :

— Giang-Chi đây là nhà của tôi và tôi cảm anh không được đến đây. Nói cho anh biết mà giữ mình nếu không, anh liệu hồn...

Giang Chi cổ cười ngạo ra vẻ thách thức trong khi Mai-Linh và Tuấn Khanh đi sâu vào rừng cây.

Lát sau, nàng nói với chàng :

— Ông có biết rằng tôi rất vui mừng khi thấy ông đến ?

Chàng cười dễ dãi :

— Tôi không ngờ em họ tôi lại có thể đối xử như vậy với một người khách của má tôi... Thật là cộc cằn !

— Ông ta có vẻ như không ưa ông lắm thì phải ?

Tuấn Khanh nhún vai :

— Hối còn nhỏ, tôi đánh nó nhiều trận cũng ghê mà nó không sợ. Và lại, vì tôi trẻ tuổi hơn chú ấy ..

Bà Đặng-Bá nở nụ cười hài lòng khi hai người đi tới.

Bà trầm nghĩ : « Thật là đẹp đôi, chỉ tiếc rằng...



ÔNG Đặng-Bá Lê-Năng khám phá được một cách thích thú rằng. Mai-Linh cũng là một tay chơi sách cừ khôi.

Thật ra, lúc sinh thời, thân phụ Mai-Linh thường mong muốn con gái trở nên một văn học giả và ông đã cò tạo cho nàng như vậy.

Ông Lê-Năng nhờ nàng phụ giúp công việc sắp hạng những loại sách trong thư viện rộng lớn của ông.

Bà Đặng-Bá phải kinh ngạc kêu lên :

— Thật là kỳ dị ! Thật là quá sức tưởng tượng. Tướng Lê-Năng thu nạp người nào chứ ai ngờ lại là một thiếu nữ ở trong cái « lãng tã » này của ông ! Thề thì tôi lại càng không ân hận vì đã « tóm » được cô !

« Tóm được cô ! » Mai-Linh nghĩ thầm, như thề có nghĩa là bà ta coi mình như một vật dụng bà ta mua về.

Ở bên Bá-trước, nàng cảm thấy tin tưởng hơn, nàng thích nghe kể lại ông đã làm cách nào để khám phá ra một tác phẩm quý giá, một bản văn hiếm có v.v... Lời hành văn cầu kỳ

trong khi đàm luận, cùng cá tính phong kiến lỗi thời của thế kỷ 18 thật phù hợp một cách lạ lùng với con người ông.

Khi cùng ông giờ một quyển khái luận về sản bản nàng sức nhớ :

— Thưa ông, ông không đi săn ạ ? Cháu tưởng đó là một thú vui không thể bỏ qua trong cuộc sống nơi thôn dã

— Tôi rất ghê tởm săn bắn, Mai-Linh ạ ! Cô thấy lạ lắm phải không ? Tuy nhiên tổ tiên tôi ở những thế hệ trước kia đã từng đi săn thả cửa, ngay đến những bầy chó săn của họ Đặng-Bá cũng « cừ » hơn đồng loại của chúng nữa ... Tôi thật ghét cay ghét việc ấy ! Ồ không, không thể được ! Cần phải chấm dứt những sự chề chóc, hấp hối, những thương tích ... máu ... máu ! Ồ không, không ! Nếu bắt buộc phải săn bắn để mưu sinh, chắc tôi sẽ thành kẻ ăn chay thực thụ mất.

Mai-Linh thốt lên :

— Cháu đã hiểu ông, tình cảm cháu cũng giống hết như ông vậy.

Ông nhìn nàng như triu mến, để tỏ dầu tán đồng và ông thì thầm :

— Ta ưa có đứa con gái giống như cô vậy, Mai-Linh ạ !

Nàng cười :

— Thưa ông nói chơi vậy chứ ạ ... Ông có một cậu con trai mà ...

Nàng dõm mặt không biết nên nói hết câu như thế nào.

Ông lắc đầu, nghiêm nghị lại, rồi bỗng :

— Con trai tôi ... ừ, con trai tôi ...

Ông quay đi, đến cầm một cuốn sách bị hư bìa loay hoay sửa lại ...

(còn nữa)

VÂN ANH

LÀM PHÚC... PHẢI TỘI

(Tiếp theo trang 25)

tin rằng một ủy-viên điều tra Tư-pháp Cảnh-sát có căn bản như anh lại có thể tự ý tha một bị can về trong khi đã có trát dẫn giải của Tòa án ! Nay tôi mong ông nói thực : Có phải ông lỡ tay đánh chết bị can và giấu xác nó một nơi không ? Nếu không thủ tiêu bị can thì chắc ông đã tham tiền tự ý tha nó ? Tôi ra lệnh buộc ông phải dẫn giải bị can đến trước mặt tôi trong 48 giờ, nếu trái lệnh ông có thể bị truy tố ra Tòa ! Ông sửa soạn mà tự bào chữa đi !

Nghe lời nói của ông Biện-Lý sắc như dao nứa cứa vào da thịt, An bủn rủn tứ chi và thẳm ước lượng bao nhiêu hậu quả ác hại đang chờ mình ; An thấy muốn khóc quá, khóc vì thấp cơ bị thua trí đối phương, vì quá ngây thơ mà bị người ta lung lạc rồi đưa mình vào tròng !

Sau khi bị xỉ vả chán chê rồi ông Cò thờ thẩn ra về, tội tôi theo sau trông mọi người đều có vẻ mặt vừa đi dự đám táng !

Vào Phòng Tư-Pháp, ông Cò đóng kín cửa, gọi toàn thể nhân viên cả Pháp lẫn Việt đến bàn giấy rồi buồn rầu mà nói rằng :

— Cái tội tày đình của ông An hãy tạm gác một bên, đây là bài học quá đắt với hần và cũng là một cuộc thử thách gay go đối với Phòng Tư-pháp chúng ta. Ngay từ giờ này, các ông phải vận dụng hết khả năng và phương tiện truy tầm ra Á-Cầu đồng thời đặc biệt chú trọng đến hành động của anh nó là tên Lường-Phóng ! Bản lãnh của hần cũng khá đấy, song đâu ăn được cả tội mình ?

Được lệnh ông Cò chủ-sự Phòng, chúng tôi chia nhau mỗi người một ngã và mở hết tốc lực để chạy đua tìm kiếm bị can. Suốt ngày đêm, An không ăn không ngủ, động viên tất cả bạn bè nhờ tiếp tay gỡ cho cái tội « làm phúc » vô nghĩa này.

Chỉ còn 3 giờ nữa là hết hạn định 48 giờ. Ngày nào Ông Biện-lý cũng gọi và hỏi kết quả, ông Cò vẫn phúc trình một cách mơ hồ rằng : « dạ, rất có thể sẽ kiếm thấy bị can, chúng tôi vẫn gia tăng hoạt động ! » Sự thực thì chúng tôi đã bó tay, không có hy vọng gì « mò kim đáy biển », vì được tin Á-Cầu đáp tàu ra Moneay và sang Đông-Hưng (bên kia cầu biên giới) làm nghề hồ lý cho sòng bạc.

Buổi chiều hôm hết hạn định, ông Cò gọi An vào ngõ lời chia buồn và khuyên nên thu xếp việc nhà đi, sáng mai ông sẽ dẫn lên trình ông Biện-lý và chắc là An không được... tự do về nhà như mọi ngày !

Buồn quá, về nhà dặn vợ con xoang, An tới tiệm ăn Tân-Thế - Giới định nhậu một bữa cho thật say, ăn cho đã rồi mai đi trả cái nợ « ngu » của mình.

Trong khi An đang ngất ngư say thì nghe tiếng gọi, ngó sang bàn cuối phòng thấy Ông Dự-thẩm cũng đang ngồi ăn một mình, An quên cả lễ độ vội cầm vò Mai-Quế lộ lảo đảo tới bàn ông, ông kéo ghế mời ngồi. Vốn đã phục vụ dưới quyền ông qua một thời gian nên ông rất hiểu An và An rất kính phục ông về phương diện « kinh nghiệm chuyên môn » vì ông đã từng chỉ dạy cho gỡ một vài vụ khá rắc rối do mấy bạn đồng sự của An gây ra. Sau khi cạn ly rượu ông Dự-Thẩm nhìn An có vẻ hài hước và hỏi :

— Thế nào ông An ? Câu chuyện « làm phúc » của ông nó... biến chuyển ra sao rồi ? Chịu thua à ?... Tôi không tin rằng một nhân viên ưu hạng như ông mà lại « tòi » đến thế !! Núi nào cao tới đâu cũng có đường trèo ! Người Việt-Nam có nhiều câu phương ngôn rất hay, ông có nhớ câu này không ?

— « Dẫm phải gai, lấy gai mà lể », tại sao không áp dụng theo nguyên tắc đó ? »

An buồn rầu lắc đầu :

— Thưa ngài tôi quần trí quá ! Cả phòng tôi đều chịu thua rồi, xin ngài giúp cho một giải pháp.

— Rất nhiều giải pháp, nhưng trong trường hợp này phải dùng một giải pháp cứng rắn « lấy độc trị độc » mới được ; nghĩa là : phải xích tay ngay tên Lường-Phóng (anh Á-Cầu) giải đến Tòa cho tôi.

Nghe ông nói, An tỉnh cả rượu và áp ứng hỏi :

— Thưa ngài, hiện thời y là nguyên cáo, đầu đơn kiện Phòng Tư-pháp về tội thủ tiêu em của y, hơn nữa y cũng là tay có thể lực ở đây, bắt y một cách độc đoán như vậy tôi sợ có nhiều việc không hay sẽ xảy ra

Ông Dự-thẩm mỉm cười và nói :

— Ông muốn thoát tội thì phải liều nhưng liều có phương pháp. Sáng mai ông lên gặp tôi sớm, tôi sẽ sang ngài Biện lý để trình bày rõ về việc đó. Nếu được đồng ý tôi sẽ ký trát dẫn giải cho ông.

Sáng hôm sau, An trình cho ông Cò rõ, ông lắc đầu quầy quậy và nói.

— Ông lên Tòa một mình đi, tôi không dám tham gia vào đó, lộn đang què một cẳng, nếu không khéo chữa nó lại què cả 4 cẳng thì... mất mạng đó.

An lên Phòng ông Dự-thẩm thấy ông đang chờ, ông giao cho An bản « Trát dẫn giải » ký sẵn có đóng dấu thượng khẩn, ông dặn An phải thi hành gấp.

Đem trát dẫn giải về Phòng Tư pháp trình ông Cò, ông này toát mồ hôi, chưa dám giải quyết ngay. Có lẽ đoán trước ý nghĩ của ông Cò nên ông Dự-thẩm lại gọi giấy nói ra lệnh cho ông Cò và An phải thi hành tức khắc và trình ông ngay nếu gặp sự gì cản trở.

Chúng tôi đến nhà Lường-Phóng vào hồi 12 giờ trưa, gõ cửa khá lâu mới thấy y đích thân ra mở cửa, đồng đặc hồi :

— Các ông muốn gì ? tôi không điều đình gì cả, chỉ yêu cầu các ông cho tôi nhìn thấy mặt em tôi thôi dù nó ở đề lao, còn sống hay đã chết cũng được, nếu không tôi sẽ kiện tới cùng !!

Nhìn dáng điệu và nghe y nói, chúng tôi không ngờ y có thể trở tráo, nguy hiểm đến mức đó, y coi như không hề quen biết An bao giờ.

Ông Cò chờ y nói một hơi rồi từ từ đưa cho y coi « Trát dẫn giải », y trợn tròn mắt và hỏi :

— Các ông lại dám bắt cả tôi nữa à ? Tội các ông đã sạch đâu mà lại cả gan chuốc lấy thêm tội nữa ? Có giỏi cứ bắt tôi đi, 5 phút nữa sẽ hiểu.

Chúng tôi nóng mặt vì uất hận từ mấy ngày đêm rồi, An định tống một quả vào mặt y, ông Cò nhanh tay gạt ra và ra hiệu, một Cảnh sát viên lấy còng xích tay Lường Phóng lại, lập biên bản cấp tốc, dẫn y về phòng Tư pháp. Đi đường y cười ngạo nghễ, coi như không có sự gì xảy ra vì tin rằng phần thắng lợi vẫn về y.

Đem về nhốt y trong một phòng riêng, trình cho ông Dự-thẩm rõ và hứa sẽ dẫn y lên Tòa vào hồi 15 giờ.

Đúng như lời y đã đe dọa, từ 12 giờ 20 cho đến 15 giờ, chúng tôi nhin đói tức trực ở Phòng để tiếp khách và trả lời các cơ quan gọi hỏi.

Thoạt tiên là Tòa Đại-Sứ, tiếp theo là viên Bí-thư Tòa Đại-Sứ A, ông Tổng lãnh-sự H, rồi tới ông Thị trưởng, ông Chánh-sở Cảnh-sát và Liêm-Phóng v.v... kéo đến quận Cảnh-sát tới tấp để hạch hỏi, can thiệp và đe dọa đủ điều khiến cho ông Cò toát mồ hôi, quỳnh lên không còn biết đầu đuôi ra sao nữa, ông phàn nàn nhiều quá và phẫn nộ nói :

— Thôi, tôi đành mất chức phen này vì ông An, có lẽ cái số của tôi không ra gì !

Riêng phần An hẳn vẫn bình tĩnh vì hẳn đã hiểu rõ cái tài biện luận, chế biến kỳ-diệu của ông Dự-thẩm.

Ba giờ chiều, chúng tôi hộ tống đưa tên Lường-Phóng lên Phòng Dự - thẩm, tại đây đã thấy đủ mặt các nhân vật quan trọng trong chánh giới và Sứ quán.

Viên Đề nhất Bí thư Tòa Đại sứ P. đứng lên hỏi :

— Thưa Ngài Dự-thẩm, nhân danh ông Đại-sứ và vì quyền lợi của kiều dân nước tôi, tôi yêu cầu Ngài cho biết : ông Lường-Phóng bị bắt về tội gì ?

— Về hai tội, ông Dự-thẩm đáp. Tội thứ nhất : thủ mưu cho bị can là A. Cầu vượt ngục ; tội thứ hai : vũ mạt công chức trong khi thi hành chức vụ.

Viên Bí thư Tòa Đại-sứ A. hỏi tiếp :

— Thưa Ngài, Lường-Phóng là cộng sự viên của chúng tôi. Tôi biết rõ hiện thời ông ta là nguyên các kiện Phòng Tư-pháp Cảnh-sát thủ tiêu em ông, tại sao chưa được xét xử mà ông ta lại bị bắt ? Chúng tôi chưa được thông báo về vụ bắt nhân viên của chúng tôi, tôi muốn ông ta được thả ngay.

Ông Dự-thẩm điềm tĩnh trả lời :

— Thưa Ngài, chính đơn khởi tố của Lường-Phóng đã xác nhận tội trạng của y. Tòa chưa thông báo cho Sứ-quán là vì bị can bị bắt tại nhà riêng của y và ngoài giờ làm việc, Sứ quán sẽ được thông báo sau khi Phòng Dự thẩm hạ lệnh tống giam bị can. Phòng tôi chưa thể chấp nhận lời yêu cầu của Ngài được, bị can không thể được tha dù là tạm tha nếu chưa kết thúc cuộc thẩm vấn.

Trước quyết định cứng rắn của ông Dự thẩm, các vị cứu tinh của Lường-Phóng đều lục tục kéo ra về. Ông Thị Trưởng ở lại, mời ông Chánh-án xuống điều đình với ông Dự thẩm, yêu cầu tạm tha Lường Phóng do sự bảo đảm của Sứ quán A, viện cớ là vì sự thân thiện của nền ngoại giao. Ông Dự thẩm viện cớ là : bảo vệ luật pháp. Cuối cùng Lường-Phóng vẫn bị tống giam như thường.

Sau khi Lường-Phóng đã nếm qua mùi gao lúc cá khô của đề lao rồi, 3 giờ đêm hôm đó ông Dự thẩm gọi An và ông Cò cùng xuống đề-lao để nói chuyện với Lường-Phóng.

Vào phòng giam thấy Lường-Phóng phờ phạc, lo sợ, buồn khổ hiện rõ trên mặt. Ông Dự thẩm gọi y ra ngoài hiên cho ngồi ghế, đưa cho điều thuốc thơm hảo hạng, y kéo mấy hơi dài một cách ngon lành. Chờ cho y bình tĩnh, ông mới hỏi :

— Anh có phải là bạn của ông An này không ? Ông Cò này có thù hằn gì với anh không ? Thế mà vì anh hai người này mất chức trong nay mai, họ bị sa thải vì đã sơ suất trong công vụ, không phải vì tội thủ tiêu em anh đâu, anh nên nhớ ! Vợ và con anh xin vào thăm anh ở đề lao nhưng chưa được phép ; tôi đã hiểu rõ các việc, vợ anh hiền và thực thà rất đáng khen.

Nghe nói thế, Lường-Phóng vội ngẩng đầu lên nhìn ông Dự-thẩm và nhìn chúng tôi như có ý kinh ngạc.

Ông Dự-thẩm tiếp :

— Anh mắc hai tội đều nặng cả : với luật pháp, anh là người thủ mưu cứu một bị can giúp nó vượt ngục ; với đạo đức, anh là người phản bạn, lấy oán trả ân. Là người trí thức mà anh kém suy luận, hiểu biết quá. Em anh bị bắt vì có tội và do lệnh của Tòa, ông An này dù có nể anh cũng không làm sao được, bằng có là ông ta đã tiếp đãi tử tế với anh và thoả mãn lời anh cầu xin, tại sao anh lại oán hận ông ta ?

Còn Ái Cầu em anh, nó là một tên du đảng, có hại cho gia đình và xã hội, anh không dạy được nó thì để luật pháp sửa trị, bất quá vài tháng nó lại về và có thể trở nên lương thiện được. Anh giấu nó, cứu nó, vậy ai cứu anh ? Anh ở tù, nó có thể trở nên lương thiện không ? Anh hy sinh không hợp lý.

Do lời thỉnh cầu của vợ anh, tôi có thể tạm tha anh sau khi đã nhận được Ái Cầu. Anh sửa soạn để cung khai vào sáng mai, bây giờ để cho anh ngủ.

Nói xong chúng tôi quay ra về, Lường Phóng

trông theo có ý muốn nói câu gì. Đi một quãng, ông Dự thăm quay lại nói :

— Anh coi chừng, Ái Cầu có thể trốn khỏi nhà anh đêm nay.

Nghe nói câu đó, Lường-Phóng vội chạy theo và hấp tấp nói :

— Xin Ngài, xin các ông dẫn tôi về nhà ngay bây giờ, sáng mai nó trốn mất, nó ở trên trần nhà ! Nó . . . !

Ông Dự-thăm nhìn chúng tôi mỉm cười và gọi viên quân đốc đề lao lấy xe đưa Lường Phóng về nhà y.

Sáng hôm sau, Ái Cầu vào Đền-lao thay thế cho anh y là Lường-Phóng.

Chiều hôm đó, sau khi cảm ơn ông Dự-Thăm, An đi vay nợ lãi lấy số tiền để khao và tạ lỗi anh em cùng Phòng và thề độc rằng : từ nay sẽ thi hành triệt để câu :

« Thương anh tôi để trong lòng... »

Nguyễn-văn-Ích

GIÁN - DIỆP VÀ PHẢN - BỘI

(tiếp theo)

Ngày 21 tháng 2 năm 1942, tòa án xử Bác-sĩ Kuehn tử hình. Bọn Đức Quốc xã, một khi đã bị tóm được, không còn là siêu nhân nữa. Kuehn người đã từng nhiều năm làm gián điệp cho cả hai nước Đức và Nhật đã run sợ và đề nghị xin phục vụ cho Hoa-Kỳ. Người Mỹ đã trả lời rằng đề nghị của ông không phải là một cơ để được tha thứ và lại chính phủ Mỹ không có ý định dùng gián điệp Đức quốc-xã. Bản án được phê chuẩn. Trong khám, Kuehn như điên dại. Từ trước đến nay ông đã thoát được nhiều lần, nhưng lần này, ông nhận thấy không còn hy vọng.

Kuehn nài xin được thương xót và hứa sẽ báo cho nhà cầm quyền tất cả những gì mà ông đã biết về hoạt động gián điệp của phe Trục. Lẽ dĩ nhiên, người ta không bảo đảm hay hứa hẹn gì với ông. Người ta cũng không được rõ ông đã tiết lộ những gì, mà án của ông được giảm xuống, ngày 25 tháng 10 năm 1942, còn 50 năm khổ sai.

Con trai ông, Leopold Kuehn ở tại nước Đức làm việc với Goebbels, cũng bị tai họa như gia đình hắn : hắn tử trận trong cuộc chiến đấu với Nga. Bà Friedel Kuehn tự vận, nhưng người ta ngăn kịp. Riêng nàng Ruth thì lại không có dịp chứng kiến cuộc phát mại hiệu sửa sắc đẹp của mình.

(còn nữa)



CÁI HỌC TÂM ĐẮC CỦA KHÔNG - MINH

(tiếp theo)

lẽ tự nhiên rộng lớn hơn, bao quát hơn của vũ trụ của vạn vật nên Lão-Tử mới nói : « Người theo quy luật của Đất, Đất theo quy luật của Trời, Trời theo quy luật của Đạo và Đạo theo quy luật của Tự-Nhiên » (Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự-Nhiên).

Nói tóm lại, việc Trị Quốc mục tiêu chính yếu là phải lo cho gốc được vững. Gốc đây là Dân mà muốn cho Dân yên thì đảng quốc-chủ phải tuân theo ý nguyện của Trời để cử động thì thổ.

Cái gốc quan hệ là thế nên phải chia ra làm ba phương-diện để tài bồi và suy sùng.

Phương diện Trời thì có tế giao, xem thiên văn.

Phương diện Đất thì có Xã, Tắc, thần kỳ.

Phương diện Người thì có nhà Trường nhà Tự quy chế Lễ Nhạc.

Thể hiện trọn vẹn ba phương diện ấy để đào dưỡng cho con người phát triển được hướng rồi thì theo ý nguyện chính đáng của họ mà thi hành thì việc trị quốc sẽ thành tựu.

(còn nữa)

TRẦN-ĐÌNH-KHAI

PHÉP TOÁN LẠ

★ PHẠM - NGỌC - KHUÊ

CHÚNG ta có nên giữ mãi một quan niệm rằng nền giáo dục thời xưa ở Đông phương quá cổ hủ và thiếu sót về mọi phương diện bởi vì nó chỉ loanh quanh trong khuôn khổ từ chương « đã giả chí hồ » mà thôi.

Quan niệm như thế, tuy cũng có đúng phần nào đối với việc học thời xưa ở nước Việt-Nam ta, vì thời xưa, nước ta không chú trọng đến nền giáo dục bậc tiểu học, đại khái trẻ nhỏ sau khi học qua mấy quyển sách ba chữ, bốn chữ, năm chữ như Tam tự kinh, ngũ ngôn thi, Minh-tâm, Dương-tiết là bắt đầu học sang bậc đại học như Tứ thư, Ngũ kinh. v.v..

Trái lại, nền giáo dục bằng chữ nho ở nước Trung Hoa cổ, theo chương trình của họ, ta thấy có chia ra hai bậc « tiểu học » và « đại học » rõ ràng.

Đại khái bậc tiểu học của cổ Trung Hoa cũng giống như bậc tiểu học của cổ Hy Lạp. Ở Athènes con trẻ từ 6 tuổi đã được gia đình trông nom về việc giáo dục, lên 7 tuổi là dẫn đến nhà trường để học viết, học đọc, học toán, học nhạc, và học bình thơ của thi hào Homère. Lên 12 hay 14 tuổi, trẻ bắt đầu học văn phạm và tập thể thao cho thân thể tráng kiện nở nang. Ở cổ Trung Quốc cũng tổ chức gần giống như thế, hay là cao hơn thế một bậc. Trong bài tựa sách Đại học là một trong bốn quyển sách của Nho giáo gọi là « Tứ thư », thầy Chu Hy có ghi lại việc học đời cổ ở Trung Quốc như sau : từ khoảng tam đại Hạ, Thương, Chu (Nhà Hạ bắt đầu từ 1783, đến cuối nhà Chu là năm 249, trước công nguyên) các trẻ em vương công, thứ dân từ 8 tuổi đến 15, đều vào trường tiểu học để được dạy cho biết 6 môn học, gọi là « lục nghệ ». Sáu môn đó là : Lễ (tập lễ phép), Nhạc (tập luyện nhạc), Kỳ (tập cưỡi ngựa), Xạ (tập bắn cung), Thư (tập viết), Số (tập làm toán).

Đến ngoài 15 tuổi bắt đầu vào lớp Đại học, như Tứ thư kinh, truyện, v.v... tức là học đạo lý, về cách tu, tề, trị, bình. Như thế, nền cổ học Trung Quốc trước đây vào khoảng 3.700 năm nay đã mở mang khá đầy đủ, cả về mặt thể chất lẫn tinh thần ngay từ lớp tiểu học trở đi. Còn ở nước nhà, như trên đã trình bày, nền học vẫn bắt đầu đi ngay vào bậc đại học, còn bậc tiểu học không nhắc nhở đến, cho nên trước đây các cụ đã nhiều lần nổi lên công kích cái học nhà nho chỉ chú trọng từ chương mà xao nhãng thực tế, làm cho dân yếu nước hèn.

Tuy nhiên, bài này không nhằm mục đích bình luận về nền học vấn toàn diện của nước nhà, mà chỉ trình bày lược qua đề bắt nguồn đi vào một môn trong 6 môn Lục nghệ ở bậc Tiểu học thời xưa. Đó là môn toán học (Số) mà chúng tôi muốn nói đến.

Môn toán học trước kia đại khái bậc tiểu học có dạy 9 phép :

- 1/ Phương điền (tức là tính diện tích)
- 2/ Túc bố (tức là tính số và lượng vải thóc)
- 3/ Biền phân (tức là tính lợi tức, thuế khóa)
- 4/ Thiểu quảng (tức là tính thể tích và dung tích)
- 5/ Thương công (tức là tính công trình)
- 6/ Quan thâu (tức là tính vận tốc)
- 7/ Doanh súc (tức là tính tập số, phân số)
- 8/ Phương trình (tức là phương trình ngày nay)
- 9/ Cầu cổ (tức là hình học (không gian ?))

Nay xét riêng về một phép toán nhân thôi, ta thấy phép nhân đời xưa đã có một kiểu lạ, khác hẳn với phép toán nhân thời bây giờ.

Thí dụ muốn nhân số 32.897 với 28.932.

— Người đời xưa đặt một trong hai số vừa kể trên, theo hàng ngang, từ trái qua phải.

— Lại đặt số còn lại theo hàng dọc ở cạnh phải và từ trên xuống dưới.

— Theo con số mã của hai hàng ngang, hàng dọc là bao nhiêu thì kẻ bấy nhiêu hàng, tạo thành một khung vuông (hay chữ nhật tùy theo con số mã nhiều hay ít). Như thế, trong khung này có chia ra làm nhiều ô vuông nhỏ.

— Kẻ chéo góc các ô vuông nhỏ (hướng đường kẻ vào hai cạnh bờ trống không có viết số mã) chia mỗi ô vuông nhỏ thành hai hình tam giác cân.

Công việc sắp xếp như thế là xong.

Nay, bắt đầu đem nhân con số đầu ở hàng dọc với con số cuối ở hàng ngang, được bao nhiêu thì viết số thành vào ô vuông nằm dưới chân số mã đó.

Số hàng chục thì viết vào tam giác trên, số đơn vị thì viết vào tam giác dưới. Cứ theo như thế mà nhân hết hàng ngang với con số đầu hàng dọc. Đoạn nhân xuống con số thứ 2, thứ 3, thứ 4 của hàng dọc.

Điều nên chú ý là nhân con số đầu được bao nhiêu thì

viết bấy nhiêu như nhân 2×7 được 14 thì viết

1
4

sang con số thứ hai : 2×9 được 18 thì viết

1
8

không phải cộng số nhớ của hàng nhân trước.

(xem tiếp trang 52)



khoác lên tầm thân ngà, trong những buổi « hầu » tại triều nội hay dạ-hội tiếp tân tại hoàng cung, đón rước các Sứ Thần ngoại-quốc và yêu-nhân trong nước.

Thực-tế những tầm áo này kể là mắc song cũng không mắc bằng tầm áo « bạc triệu » nói trên của tên bờ-lờ quốc-tê nọ.

Trên phương-diện thẩm mỹ thì tầm áo này của tên bờ-lờ chỉ là một tầm áo sơ-mi rất tầm thường, cụt ngắn do một thợ may vụng-về cắt, chẳng ra kiểu-cách gì-cả. Vải chỉ là một loại rẻ tiền, ta chỉ dùng để may bao bột mì đựng cho chắc-chắn, giá không trên dưới 80 đồng cả tiền vải lẫn công !

Nếu ta lấy kiểu may để mặc đi « bát phở » Lê-lợi, Tự-do thì chắc nhiều người cho rằng ta lập-dị hay mất trí, đáng phải vào dưỡng-trí-viện Biên hòa để điều-trị !

Nếu áo như vậy thì có gì là quý-giá ?

Nhưng cái đáng giá « bạc triệu » của chiếc áo là thay vì « giắt » kim-cương vàng bạc, thì bọn « bờ-lờ » lại « giắt » 1 000 chiếc đồng-hồ Thụy Sĩ đủ nhãn-hiệu : Omega, Longine, Rollex, Wyler . . . nặng tới gần 30 ký (xin xem hình) để nhập cảnh lậu vào Thổ-nhĩ-Kỳ. Nếu cứ tính đồ đồng hơn bù kém 5000đ. một chiếc thì cũng có tới 5.000.000đ ! Một số tiền đáng gọi là vĩ-đại !

TẦM ÁO BẠC TRIỆU

* PHẠM - CÔNG - THÀNH

MỖI đây nhân-viên Cảnh-sát Tư-Pháp của ngành Cảnh Sát Quốc-Gia Thổ-Nhĩ-Kỳ đã khám phá ra một tầm áo đắt tới mấy triệu bạc của một tên buôn lậu quốc-tê, trong một sự tình-cờ hi-hữu.

Tầm áo gì mà mắc tiền quá cỡ vậy ?

Xin thưa ngay rằng :

— Chiếc áo đắt giá như vậy chẳng phải là một sản phẩm cổ xưa quý-giá ở Trung-đông, do tên « bờ-lờ » mua được đem bán cho các tay sành chơi đồ cổ để xếp vào Bảo-tàng-viện như tầm hình La Joconde của Pháp mới đây đã được chở từ Pháp sang Mỹ cho dân chúng Hoa-Kỳ chiêm-ngưỡng.

— Không phải tầm áo mắc tiền vì dệt bằng những chất nguyên liệu khó kiếm, mà các nữ tài-tử điện ảnh thường cấu-kỳ may sắm để khoe của và chưng-diện trong những buổi dạ-hội điện ảnh với các yêu-nhân màn bạc, hầu hy-vọng lọt được vào mắt nâu hiền sắc vì nghệ-thuật của các nhà dàn cảnh, để được tuyển chọn cho đóng các vai quan-trọng trong các phim sắp được sản-xuất.

— Cũng không phải đó là tầm xiêm-y giắt đầy kim cương, vàng-bạc của các hoàng-hậu xứ Ngàn lẻ một đêm,

Khi mới thoát nhìn vào tầm áo Bạc Triệu đó, người ta có cảm tưởng đây là một chiếc áo giắt may có độn những tầm thép và nylon mà quân-nhân nhảy dù thường mặc mỗi khi xông-pha nơi trận mạc để chắn đạn của loại vũ khí nhẹ.

Đặc-biệt tên bờ-lờ quốc-tê này gốc người Thụy-Si, không phải là người bán-xứ. Y đã đóng vai một du-khách Thụy-Si tới thăm-viêng xứ Thổ-nhĩ-Kỳ thơ-mộng và huyền-bí, rất mực tài-tinh. Không ai ngờ y lại là một tên « buôn lậu » quan trọng đã làm Quốc-Gia Thổ mất một số thuê khá lớn và Interpol cùng Cảnh Sát Quốc Gia Thổ chưa có tin tức gì về y.

Khi tới phi-trường vào hồi trưa, không rõ y đã bùa-phép thế nào mà qua mặt được hàng rào Quan-Thuê và Cảnh-sát tại phi-cảng. Y đã công khai mang gần nửa tạ đồng-hồ quý giá ấy ra khỏi phi-trường một cách ngon-lành mà không bị ai lục-lọi khám xét ra.

Nhưng sự đời, thiên bất dung gian, mặc dù y qua được một ải địa-đầu quan trọng ấy mà chỉ một sơ-hở nhỏ rất sơ-đẳng đã làm đổ-bè một cách ngẫu-nhiên kè-hoạch bờ-lờ vĩ-đại. Y bị bắt lúc mặc chiếc áo Bạc Triệu đơn-thân độc-mã đi giao hàng, lừng-lững nhảy từ

xe xuống đi vào khách-sạn lớn ở Istambul một cách khệnh khạng nặng-nề.

Thân hình y được trời phú cho một bộ-mã dáng dấp thư sinh, bộ mặt phải cân xứng với thân-hình, và quần áo phải dựa theo « nguyên-tắc cân-đôi » mà may vá thì mới theo đúng luật tự-nhiên của tạo-hóa. Nhưng tên bờ-lờ này đã ngậy - thơ bắt chặp điều đó nên lý-do sự đồ-bề như trên đã nói chỉ là một sự tình-cờ như kẻ dưới đây :

Cũng như tại nhiều nước, tại các khách-sạn lớn, Cảnh-sát thường đặt người để bảo-đảm an-ninh cho các du-khách khỏi bị trộm-cắp và canh chừng theo dõi những kẻ tình nghi phạm pháp.

Vì vậy, tại khách-sạn Istambul cũng có các nhân-viên Cảnh-sát Tư pháp có nhiệm-vụ theo dõi giữ an-ninh, nhưng không có lệnh theo dõi y. Tại đây, Sở Cảnh-sát Thổ cũng biết có một tên buôn lậu khét tiếng cư-ngụ tại khách-sạn này cũng cần để mắt, thể thôi

Trong khi mấy nhân-viên này đứng canh chừng theo dõi nơi gần cửa ra vào khách-sạn thì thấy một thanh-niên ngoại quốc người thì gầy ốm, mặt thì quắt lại như Laurel, nhưng lạ quá ! sao y lại có cái thân hình mập thù-lù như Hardy, trái ngược với thuyết cân đôi như vậy ? Về dáng-diệu của y đi mới nặng-nề làm sao, không được tự nhiên chút nào, lại còn mắt la mây lét.

Mấy nhân-viên Cảnh-sát Tư-pháp sinh nghi là chắc chắn có điều gì bất thường về con người này, liền bầm nhau phải đặc-biệt theo dõi, bầm sát y và chuẩn-bị xét hỏi.

Quả nhiên sau ít phút chờ đợi, y đã gặp mặt người y định trao hàng. Nhìn kẻ nhận hàng, nhân viên Cảnh-sát đoán ngay được đây là một vụ « bờ-lờ » quan trọng. Vì chính người nhận hàng là một tên « bờ-lờ » nổi tiếng đang bị Cảnh-sát theo dõi.

Chẳng còn nghi-ngờ gì nữa, Cảnh-sát Thổ liền ập lại và yêu cầu cho làm phận-sự.

Thầy động, cả hai mặt đều thất sắc và líu lười, tay run-rẩy xuất trình giấy tờ, té ra y là người Thụy-Si.

Kề đó, Cảnh-sát xin cho khám cái bụng dun sán và ngã nước của y để bắt mạch cho toa. Khi Cảnh-sát vừa lật tằm áo ngoài lên thì, trời ! đó là tằm áo « Bạc Triệu » lẩn bên trong đầy nhóc những chiếc đồng hồ Thụy-Si !



TRÊN phương-diện kinh-nghiệm chuyên môn ta thấy bọn « bờ-lờ » quốc tế này có lẽ làm ăn chót lọt nhiều chuyên rồi nên mắc bệnh chủ quan quá nặng và khinh địch nên đã bị thộp cổ trong một trường hợp bất ngờ hi hữu, vì một lỗi-lầm sơ-đẳng ấu trĩ, đáng gọi là oan uổng.

Nếu ta đem so-sánh với bọn « bờ-lờ » ở Việt-Nam thì chúng chưa đáng làm đàn em bọn « bờ-lờ » ở tại đây. Vì mảnh khỏe bờ-lờ của chúng không có gì gọi là đặc biệt.

Nói về vụ « bờ-lờ » đồng hồ, trong thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp, bọn « bờ-lờ » ở Việt Nam đã mua hàng trăm chiếc đồng hồ Thụy Sĩ hiệu Wyler từ vùng Tề mang ra hậu phương, mang công khai trước mũi Thuê Quan

và Công An Việt Cộng cả trăm chuyến như vậy mà bọn chúng không hay biết gì, mãi sau này mới bị lộ.

Họ mang bằng cách nào ?

Họ nghi trang làm người buôn ếch. Mỗi lần đi buôn họ có mang theo tới 200 con ếch đựng trong 10 cái giỏ gánh trong 2 cái thúng. Trong số đó có 100 con ếch, mỗi con nuốt giữ 1 chiếc đồng hồ Wyler vào bụng cho chủ để đưa qua các ải địa đầu.

Những con nào có « công tác » thì mệt nằm ở dưới, có khi chết cũng mặc kệ, con nào không « nặng bụng » thì khỏe ngồi ở trên nháy nhót, reo mừng cho « khán giả » V.C. mỗi khi cần mở coi.

Tới trạm kiểm soát Công-An và Quan-Thuê V.C. đòi coi, khi vừa mở ra thầy đẩy nhóc những chú « gà đồng », họ quơ tay xuống dưới khoảng cũng thầy đẩy ếch, chẳng có gì lạ cả ! Đôi khi một vài con ếch không có công tác, rất khỏe, nháy vọt ra ngoài. Chủ ếch vờ la lên là sẽ lỗ vốn, thì ông Công an Quan - Thuê V. C vội đóng giỏ lại gấp cho đi. Thế là chuyện bờ-lờ ăn chắc !

Ngoài ra, những thủ đoạn buôn lậu khác của dân « bờ-lờ » ở Việt Nam còn ghê gớm hơn nhiều nữa, như : thuốc phiện nhét đầy trong bánh « sơ cua » giấu dưới đáy thuyền lũng lảng giữa giòng sông, vàng nhét trong đàn khung xe hàn xì lại, dưới đế giấy dép, v.v... mà vẫn bị khám phá ra được một cách tài tình trong những pha đầu trí. Thủ đoạn còn ly kỳ hơn « Tằm áo bạc Triệu » nhiều

P.C.T

CÂU ĐỐ NHỨC ÓC

KHAI CĂN - CƯỚC KIỂU LẠ

Một cô gái nọ rời bỏ hàng ngũ Việt Cộng xin quy chánh với nhà chức trách địa phương.

Viên thư ký phụ trách làm căn cước hỏi cô nghề nghiệp gì, cô đó nở một nụ cười duyên dáng khai như sau :

Thưa ông, đây nghề nghiệp của em :

Đầu « hát » đuôi « hát » thêm « huyền »

Thì người ta bảo nhà chuyên « chụp hình »

Đầu « bờ » đuôi « hát » phân minh,

Thì em tức khắc biến thành « quân nhân »

Ông làm căn cước cho dân,

Nghề gì, ông thử lật trần ra coi ?

Lời khai rắc rối của cô này làm viên thư ký sột ruột đâm cẩu, nhưng bỗng nhớ lại lời dặn của thượng cấp là phải giữ tính tình hòa nhã trước nhân dân và người quy chánh nên anh lại ôn tồn mà tìm hiểu, tuy nhiên vẫn chưa đoán ra được cô đó làm nghề gì.

Nay xin các bạn giúp ý để cho cô ày chóng lầy được căn cước.

BÚA THÉP



GIÁN ĐIỆP NGÀ SÔ

(tiếp theo)

NHÂN - VIÊN

Việc tuyển chọn nhân viên gián điệp trong khoảng thời gian từ 1920 đến 1940, tương đối không có gì là khó khăn. Phần lớn những kẻ đã gia nhập phục vụ cơ quan mật vụ Nga-Sô đều là những đảng viên cộng sản hay những người thân cộng thành thật hoạt động vì lý tưởng hay vì tính thích phiêu lưu dù vẫn biết rằng cuộc phiêu lưu này có thể đưa họ đến nơi nào. Họ đều là những kẻ có ý muốn tham gia vào một tổ chức bí mật to lớn, một hội kín, vì ý thức này làm cho họ tự nhận thấy hơn người.

Ngoài ra người ta còn phải kể đến một thiểu số nhân viên gián điệp Nga-Sô đã hoạt động vì cần tiền: bị nợ nần cần thanh toán, tính thích xài phí xa-hoa, hay chỉ vì muốn

có một đời sống vật chất dễ dãi. Đó mới chính là hạng gián điệp cổ điển nhà nghề. Họ không được kể như chắc chắn và tuyệt đối trung thành như hạng hoạt động vì lý tưởng, nhưng nhiều khi chính họ mới là hạng có nhiều kinh nghiệm hơn hết.

Mà chính chỉ có kinh nghiệm mới là cần thiết và « thiếu kinh nghiệm thường là khuyết điểm của phần lớn các nhân viên gián điệp được tuyển chọn trong những năm đầu của thời hậu chiến 1914-1918. Muốn đào tạo một tay gián điệp có tài phải cần thời gian và nhiều trường huấn luyện chuyên môn mà lúc ấy Mạc-Tư-Khoa chưa tổ chức được. Rất ít tay gián điệp có đầy đủ khả năng tìm kiếm các tin tức quan trọng trong lúc Mạc-Tư-Khoa đang cần đủ thứ: bất cứ tin gì cũng cần cho Nga trong thời bấy giờ, từ những tin tức kinh-tế, chính trị thường — theo ý chúng ta — cho đến các tin tức quân sự ít nhiều bí mật.

Và dần dần theo đà bộ máy gián điệp càng vững chãi và bành trướng, các nguồn tin tức và phúc trình được liên tục đưa về đến Mạc-Tư-Khoa cho cơ quan mật vụ Nga-Sô, để cơ quan này chọn lọc xếp đặt, phân tích, đánh giá và khai thác hầu hướng dẫn lại hoạt động của các gián điệp của họ — không bao lâu đã có mặt trên hầu khắp thế giới — cho ăn khớp giới các mục tiêu mà chính sách Nga-Sô đã vạch ra trong lúc ấy.

Tuy nhiên, nếu phần nhiều các tin tức: xoàng thu lượm dễ dàng với các phương pháp sơ đẳng như quan sát, nói chuyện, báo chí, thì các tin tức quan trọng lại chỉ tìm được bằng cách phải tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp với những người,

vì nghề nghiệp riêng của họ, đã nắm giữ nó, nghĩa là những công chức trong chính quyền hay những quân nhân trong quân đội. Bất cứ dưới thời đại nào, công việc chính của cơ quan tình báo gián điệp là cố gắng tạo ra các nguồn cung cấp tin tức, tạo ra các tay đồng lõa tại chỗ để, nếu có thể thu đoạt các tài liệu mà họ cần, hay nếu không, ít nhất cũng mua chuộc được một công chức, một nhân viên đứng chỗ, đang cần tiền, hay đang say mê lý tưởng.

VẬN ĐỘNG XÂM NHẬP

Trong một tổ chức gián điệp, công tác xâm nhập vào các cơ quan địch đang nắm giữ các tin tức, tài liệu bí mật là một công tác vô cùng tế nhị. Với công tác này, Nga sô đã hưởng được nhiều ưu thế vô giá nhờ các đảng cộng sản địa phương. Nó được thi hành một cách đặc biệt dễ dàng trong nhiều trường hợp, nhờ ở tính cách ít nhiều hấp dẫn của chủ nghĩa bịp bợm của cộng-sản đối với một công chức này hay một công chức khác. Tổ chức gián điệp Nga-Sô không cần các nhân viên cộng tác phải có chân hay không trong đảng, nhiều khi họ lại cố tránh dùng người trong đảng, mà chỉ cần các nhân viên có xu hướng hay thân cộng sản là đủ. Lúc ấy người công-chức sẽ được tổ chức gián điệp Nga-Sô tìm cách tiếp xúc khéo léo, cẩn thận và bền chí bằng một tay trung gian lạnh lợi. Trước hết người ấy sẽ được hỏi thăm những chuyện vặt như cảm tưởng của họ đối với một vấn đề thời sự vừa mới xảy ra, hay nhờ họ thuật lại một câu chuyện mà họ đã nghe được... Dần dần họ bị đòi hỏi thêm nhiều hơn như mang cho mượn tạm vài giờ một vài tài liệu dù tài liệu này tỏ ra không giá trị gì quan hệ... Và một ngày kia, họ sẽ ý thức ít nhiều là họ bị xô đẩy vào trong cái lưới gián điệp đã căng ra một cách khéo léo

quanh họ từ lâu. Rồi, vì bị dính líu vào các tin tức hoặc tài liệu mà họ đã cung cấp từ trước đến nay, cũng như bị dồn vào chân tường, phần đông đều bị bắt buộc phải nhận con đường mà bọn gián điệp Nga-Sô đã vạch sẵn nghĩa là tiếp tục cộng tác với chúng, mặc dù họ cũng nhận thấy rõ rệt rằng họ rất ghê tởm với cái ý nghĩ làm gián điệp. Cũng có vài trường hợp họ phản ứng khôn khéo, lợi dụng lại công tác để thoát ra khỏi cái lưới gián điệp ác nghiệt kia, hoặc tương kế tựu kế họ thi hành công tác phản gián, nhưng đây lẽ dĩ nhiên là những trường hợp quá đặc biệt mà chỉ có những tay nhà nghề mới đủ mưu lược đối phó.

Từ bốn mươi năm nay, đã có hàng trăm trường hợp xâm nhập bí mật tương tự và một số lớn đã làm cho dư luận thế giới xôn xao công phẫn. Nhưng còn bao nhiêu trường hợp khác mà người ta không biết đến vì nạn nhân không bị nghi ngờ, hay vì cơ quan phản gián trong nước thường muốn giữ bí mật chung quanh các vụ mà họ khám phá được ?

VAI-TUỒNNG CỦA ĐẢNG CỘNG-SẢN VÀ NHỮNG TỔ CHỨC THÂN CỘNG

Lẽ dĩ nhiên công tác vận động xâm nhập của tổ chức gián điệp quốc tế Nga-Sô, các đảng cộng-sản của từng quốc gia có thể góp sức vào với ít nhiều hiệu quả tùy theo thể lực của nó cũng như tùy theo sự liên lạc của nó với bộ máy chính quyền thời ấy. Điện Cẩm-Linh đã từng cố ý bắt buộc các cộng đảng địa phương phải triệt để giúp đỡ Nga Sô trong tất cả mọi hoạt động. Staline đã từng nhấn mạnh đến nguyên tắc này kể từ lúc ông ta lên cầm quyền và nó cũng đã từng được xác nhận lại trong kỳ Đại-hội Cộng - sản thế-giới (Komintern) thứ VII : « Quyền lợi vô sản toàn thế giới và các tổ

chức cách mạng đoàn kết và hướng dẫn nó, phải nhận rõ bốn phận góp sức bằng mọi cách vào việc củng cố và tăng cường thể lực của Nga-Sô để đảm bảo cho nó sự thắng lợi cuối cùng đối với những kẻ thù của nó trong tất cả mọi phạm vi tranh đấu».

Tuy nhiên trên phương diện thực tế, một sự tham gia quá lộ liễu của các cộng đảng hoặc của các tổ chức chính trị thân cộng vào các hoạt động gián điệp của Nga-Sô có thể gây ra nhiều tai tiếng làm cho dân chúng đâm ra chán ghét các đoàn thể này. Điều này vô cùng tai hại như việc giết gà để trứng vàng. Do đó mà nhiều biện pháp được áp dụng. Nó gồm có việc lựa chọn trong ủy ban trung ương chỉ đạo của từng tổ chức chính trị, một nhân vật hoàn toàn được tín cẩn và tuyệt đối trung thành (?) để được ủy thác riêng những « nhiệm vụ đặc biệt », nghĩa là hợp tác với các hệ thống gián điệp Nga-Sô-Việt, nhất là trong việc tuyển mộ nhân viên. Nhân vật này, theo nguyên tắc, không được có chức vụ chính thức trong các đoàn thể và không thể lộ với các đồng chí của mình về các hoạt động bí mật được giao phó. Và như vậy, trong trường hợp bị khám phá và bắt bớ, các đảng cộng sản vẫn có thể chối là không dính dáng hay đồng lõa trong các hoạt động gián điệp phản quốc của họ.

Chúng tôi sẽ có dịp trình bày sau này phương pháp hoạt động vừa kể tại hai quốc-gia Pháp và Đức trong thời gian giữa hai cuộc thế giới chiến tranh.

VAI TUỒNNG CỦA NGOẠI GIAO ĐOÀN NGA-SÔ-VIỆT

Điểm tựa thứ hai của hệ thống gián điệp Nga-Sô trên thế giới là các tổ chức ngoại-giao đoàn của họ. Khi một sứ quán hay một tòa đại diện ngoại giao Nga được thừa nhận thành lập tại một quốc gia, nó liền

xếp đặt một số nhân viên đông đảo. Trong số nhân viên này Nga sẽ đặt một hay vài viên chức lo việc gián điệp và mật vụ với tất cả sự dè dặt thường lệ. Các viên chức này tổ chức và điều khiển các hệ thống gián điệp đang hoạt động tại quốc - gia liên hệ. Việc đặt tại các sứ quán một cơ quan giao dịch thương mại có nhiều chi nhánh tại các thành phố lớn, như trường hợp tại Đức-quốc, làm dễ dàng thêm hoạt động bí mật của tổ chức gián điệp Nga-Sô. Các bình phong chính thức của những tay chỉ huy gián điệp này nhiều khi chỉ là những chức vụ nhỏ nhoi trong sứ quán như : các chức tham vụ ngoại giao hạng nhì hay hạng ba, một nhân viên gác cửa, nhưng đó chính là các nhân vật quan trọng trong các hệ thống bí mật của họ. Nhiều khi chính viên đại sứ cũng không được cho biết cái hệ thống ấy và không thể ngờ rằng nhân viên nhỏ nhoi kia của mình đã giữ một vai tuồng vô cùng quan trọng trong bóng tối.

Tại nhiều sứ quán quan trọng, Nga Sô đã đặt không phải một người mà là nhiều công chức đặc biệt chuyên điều khiển nhiều ngành riêng biệt của tổ chức mật vụ, mỗi người đều nhận chỉ thị và ám hiệu riêng và không ai biết được của ai.

Hoạt động của họ lẽ dĩ nhiên được che đậy vô cùng khéo léo, họ không trực tiếp tiếp xúc hay chỉ huy các nhân viên để tránh việc liên lụy đến sứ quán của họ khi có một người bị khám phá. Họ dùng một hay nhiều trung gian chắc chắn để thu nhặt tin tức do các hệ thống gián điệp đưa lại, hay phân phối các nhiệm vụ, câu hỏi và tài chính, phương tiện cần thiết.

THÙ LAO.

Đối với việc này, người ta phải nhìn nhận rằng Mạc-Tư-Khoa đã áp dụng một nguyên tắc bất di bất dịch : một tay gián điệp, dù cho là

người thế nào, cũng phải được trả công xứng đáng, không có vấn đề làm gián điệp không công. Dù cho có nhiều người đã làm việc cho Nga-Sô hoàn toàn vì lý tưởng và họ lấy làm tức giận bất mãn vì « bị trả công », những người ấy cũng phải nhận thù lao dưới một trong những hình thức : tiền lương, tiền phụ cấp, tiền thưởng hay quà cáp v. v. ... quà cáp ít nhiều quan trọng tùy theo địa vị xã hội của tên gián điệp. Lý do áp dụng nguyên tắc này là vấn đề tâm lý : « kẻ cho hay trả công là chủ, người nhận phải chịu ơn và vì chịu ơn mà phải thù đáp bằng cách giúp lại ». « Kẻ làm chủ » phải cố « nắm vững » tay sai của mình bằng cách cấp cho họ một biên nhận hay một hóa đơn liên quan đến món tiền hoặc món quà thù lao. Nếu không vậy, thì lấy gì để giữ tay sai gián điệp của mình, dù có thiết tha với lý tưởng bao nhiêu, họ cũng vẫn có thể trong một phút ngông cuồng, chấm dứt sự hợp tác ? Họ có thể sẽ bị thúc đẩy, trong trường hợp bị cảnh sát theo đuổi, thú nhận tất cả hoạt động của mình, làm tưởng rằng làm như vậy, sự trừng phạt sẽ giảm đi trong trường hợp họ làm việc không công.

Thường thì rất khó mà bắt một tay gián điệp hoạt động vì lý tưởng chấp nhận một trong các cách thù lao, nếu họ chỉ muốn làm việc không công. Người ta phải hành động từ từ và khéo léo, đúng như lúc đã tìm cách tiếp xúc với họ. Đầu tiên, người ta đề nghị cấp cho họ những số tiền nhỏ để làm lộ phí, ăn uống và người ta tiếp tục bằng cách thỉnh thoảng cấp món tiền thưởng nói là của « dân chúng Nga-Sô-Viết tặng để đền ơn » sau khi nhận được một tin tức quan trọng ; rồi dần dần tên gián điệp sẽ quen nhận đều đều các số tiền cột chặt chân hân với các « ông chủ » của hân.

CƠ QUAN ĐẦU NÃO Ở MẠC-TU-KHOA

Cuối cùng, trước khi chấm dứt chương này, chúng ta cũng cần nghiên cứu sơ qua quá trình thành lập cơ quan đầu não của tổ chức gián điệp Nga-Sô trên thế giới trong thời gian từ cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917 cho đến ngày nay, nghiên cứu phương pháp điều hành của cơ quan vĩ đại này mà hiện nay đã có chi nhánh hầu khắp thế giới. Về phương diện này, chúng ta cũng cần nhìn nhận ngay rằng khó mà xác định được một cách chắc chắn : tất cả đều bí mật tại nước Nga như nhiều người đã tưởng mặc dầu lẽ dĩ nhiên một cơ quan như cơ quan mật vụ phải cần được hoàn toàn bí mật. Tất cả tài liệu, tin tức về phương diện này do các người Nga tỵ nạn tại Âu-châu hay Mỹ-châu thuật lại đều có nhiều điểm dị đồng. Ngoài ra, các bộ phận chính của cơ quan mật vụ của Nga-Sô luôn luôn thay đổi danh hiệu, hoặc được hủy bỏ vì một thay đổi về tổ chức, hoặc xuất hiện trở lại sau một thời gian, dưới danh hiệu khác để thể hiện một quan niệm hoạt động mới v.v...



Dù sao, người ta cũng có thể tóm tắt sau đây tất cả các tin tức nhận được về phạm vi tổ chức và điều hành cơ quan mật vụ Nga-Sô.

Thành lập vào khoảng cuối năm 1917, cơ quan mật vụ Nga-Sô được gọi là Tcheka, nó là thủy tổ của các cơ quan mật vụ sau này. Vào khoảng năm 1922, Nga thành lập cơ quan G.P.U. (mà ở Pháp người ta quen gọi là « Guépéou ») sau lại được gọi là O. G. P. U. Đến năm 1934, nó lại trở thành N. K. W. D. rồi M. G. B., với danh hiệu chót này sau nhiều sự thay đổi nữa, nếu kể ra rất dài dòng, nó lại đổi thành N. W. D. vào năm 1946. Để thống nhất các danh hiệu của cơ quan mật vụ Nga-Sô trong các chương kể tiếp, chúng tôi tạm xin dùng danh hiệu N. K. W. D. để chỉ cơ quan này là cơ quan chấp hành của « Ủy ban an ninh chính phủ Nga-Sô-Viết » vừa là cơ quan nòng cốt của bộ máy mật vụ Nga-Sô. Như trước đã nói, lúc đầu nó chỉ có tính cách phòng vệ, như một cơ quan phản gián trong các quốc gia khác, nhưng dần dần nó bành trướng hoạt động sang nhiều phạm vi khác, những phạm vi có tính cách tấn công như : tuyên truyền, bạo động, gián điệp phá hoại, khủng bố, và có thể chuẩn bị tổ chức kháng chiến khi có chiến tranh.

Cạnh cơ quan N. K. W. D. có nhiều cơ quan chuyên việc sưu tầm tin tức riêng của các bộ, các ủy ban trong chính phủ như : Bộ Ngoại-giao, Tổng bộ Đảng Cộng-sản, Bộ Ngoại-thương v.v... Ngoài ra quân đội cũng có cơ quan gián điệp và phản gián riêng, đó là phòng Tư của Bộ Tham-mưu Hồng quân sau này được gọi dưới danh hiệu G. R. U.

Trong số các cơ quan mật vụ chồng chất lên nhau, chống đối lẫn nhau, dẫm chân lên nhau như thế với số nhân viên riêng, ám hiệu riêng, ngân sách riêng, hệ thống chỉ

huy riêng, hai cơ quan chính vẫn là N.K.W.D. và G.R.U.

CẠNH TRANH NHAU

Nhưng dù sao hai cơ quan mật vụ quan trọng hơn hết là N.K.W.D. và G. R. U. vẫn cạnh tranh nhau, thay vì được phối hợp cùng nhau. Staline đã không làm mà duy trì tình trạng chia rẽ, chống bácg này vì đó là thâm ý của ông, một chiến thuật quen thuộc của ông nhằm chia rẽ những kẻ thuộc quyền để bảo vệ thế lực riêng. Trên nguyên tắc, vai tưởng của cơ quan G. R. U. có thể hoàn toàn được phân biệt với vai tưởng của cơ quan N.K.W. D., nhiệm vụ của nó là nhiệm vụ tình báo quân đội. Hình như Nga-Sô đã cố ý chính-thức-hóa riêng cơ quan tình báo quân đội G.R.U. trước các nước khác vì trong thời kỳ chiến tranh, khi các cơ quan tình báo đồng minh muốn tiếp xúc với Hồng quân hay cơ quan mật vụ Nga Sô, thì họ vẫn được các sĩ quan G.R.U. tiếp họ. Lẽ dĩ nhiên nhiều khi cuộc tiếp xúc rất nhạt nhẽo và không đưa đến quyết định nào cả vì các sĩ quan này đã tỏ ra không đủ thẩm quyền cũng như không đủ tư cách để cập đến nhiều vấn đề quan trọng. Trong lúc ấy, thì với trách nhiệm an-ninh quốc gia cũng như với nhiều phương tiện vĩ đại, cơ quan N. K. W. D. vẫn có thẩm quyền và thế lực hơn. Cơ quan tình báo quân đội Nga-Sô do tướng Bersin chỉ huy đã hơn mười lăm năm nay. Ông đã tỏ ra một chuyên viên lỗi lạc.

Sau những ngày chiến tranh chấm dứt, trên thực tế, hai cơ quan mật vụ chính N.K.W.D. và G.R.U. của Nga-Sô vẫn cạnh tranh nhau ráo riết. Sau đây là hai trường hợp điển hình được biết đến nhiều nhất : trường hợp tên Petrov tại Úc-Đại-Lợi đã là một nhân viên của cơ quan N. K.

W.D. nhưng lại đi tìm các tin tức quân sự, trong lúc ấy tại Đức tên Chochlov là sĩ quan của Hồng quân lại làm việc cho cơ quan N. K. W. D.

Nhưng dù sao cơ quan N.K.W. D., một cơ quan chuyên chế ghê gớm nhất vẫn đủ thẩm quyền xen vào tất cả các tổ chức mật vụ khác dưới hệ thống của cơ quan tình báo quân đội là G.R.U. Vì nó có bốn phân theo dõi thái độ của tất cả sĩ quan trong nhiệm vụ quân nhân cũng như ngoài đời tư của họ.



... NHƯNG THỐNG NHẤT CHỈ HUY.

Đó là một trong các nguyên tắc chiến tranh. Dù với một số đồng cơ quan mật vụ vô cùng phức tạp như thế, Nga-Sô vẫn áp dụng một nguyên tắc căn bản bất di dịch trong thời gian : tất cả tin tức với nguồn nào, bất cứ dưới hình thức nào (thư từ, tài liệu, điện tín v.v...) được đưa đến Mạc-Tư-Khoa do hệ thống của cơ quan G.R.U. hay N.K.W.D. hay tất cả các cơ quan nào khác, đều được tập trung về ủy ban trung ương Đảng Cộng sản. Ủy ban này trong suốt một thời đại Staline vẫn trực tiếp dính liền với văn phòng bí thư riêng của vị chúa đở.

Như vậy tất cả các hệ thống tổ chức mật vụ Nga-Sô đều được thống nhất chỉ huy, từ việc khai thác vô số tin tức đến việc ấn định đường lối, chính sách phải theo, và hướng

dẫn lại việc sưu tầm tin tức cần thiết cho đường lối hay chính sách ấy. Sự thống nhất chỉ huy này tỏ ra vô cùng cần thiết và quý giá và việc tập trung tất cả yếu tố chỉ huy vào trong tay một người đã mang lại cho Nga Sô nhiều thắng lợi đáng kể.

Cuối cùng người ta còn phải kể đến cái cơ quan giữ phiếu và hồ sơ vĩ đại của Nga-Sô, đặt tại Mạc-Tư-Khoa, trụ sở của Quốc-tế Cộng-sản. Cơ quan này là đầu não, là dụng cụ cần thiết cho tất cả các cơ quan mật vụ Nga Sô. Nó lưu giữ tất cả hồ sơ đầy đủ, không những của các nhân viên đã được sử dụng hay có thể sử dụng trong tất cả mọi ngành và mọi quốc gia trên thế giới mà còn của những đảng viên cộng-sản trên khắp thế giới. Tất cả hồ sơ này đều được xếp thứ tự và nhật tu thường xuyên do các tin tức được đưa về. Đặc biệt nhất là nhờ nó, người ta có thể loại một số nhân viên được các cơ quan đề nghị phục vụ, vì hồ sơ của các đương sự không tốt hay vì được biết số nhân viên ấy đã làm việc cho một cơ quan mật vụ khác.

Trên đây là những nét chính của bộ máy gián điệp vĩ đại Nga-Sô-Việt, một bộ máy đã bắt đầu từ một cơ quan tầm thường sau khi thế chiến I chấm dứt, nhưng đã bành trướng vô cùng nhanh chóng từ năm 1920 đến 1930 để không bao lâu trở thành một cơ quan mật vụ to lớn nhất nhì thế giới.

Tất cả các điều này, dân chúng Nga không được biết. Báo chí cũng như các đài phát thanh Nga-Sô không bao giờ nói đến nhiệm vụ và sự có mặt các cơ quan mật vụ này, hoặc nói đến sự thắng lợi hay thất bại của nó.

(còn tiếp)

BẠCH Y

CÂU ĐỐ NHỨC ÓC

CHIẾC KẸO KHÓ NHAI

Ở ngoại thành có hai chị em nhà kia, chị tên là Hóm, em tên là Hình, nhà nghèo, mỗi khi có thứ ăn gì ít ỏi quá không đủ chia làm hai, thì thường bày trò « oản tù tì » ra, ai được cuộc thì chiếm cả. Một hôm nhân hàng xóm chia cho một chiếc kẹo không thể cắn ra làm hai cho mỗi người một nửa, cô chị bèn nảy ra một sáng kiến mới là mỗi người đưa ra một câu đố, hề đứa nào giảng trúng, được quyền ăn cả cái kẹo. Còn như hai đứa cùng giảng trúng câu đố của nhau, thì xử « huê ». Cái kẹo cứ để nguyên để chờ kết quả của hai câu đố khác.

Đây câu đố của người chị ra trước.

Em là trái núi đây mà,

Bỏ chân, bật ngọn thì là trứng chim

Đồ là chữ gì (chữ quốc ngữ)

Người em vẫn chưa nghĩ ra, chiếc kẹo chưa định đoạt về tay ai, vậy xin các bạn tìm hộ người em với.

DANH TỪ MỚI

Hai anh Dân vệ gác một đầu cầu, đêm khuya muốn dỗ buồn ngủ, anh A dỗ anh B, một câu đố như câu.

Mẹ gà nằm phủ trứng gà

Đàn « chiến » xách dao đi ra canh phòng

Vào chùa hỏi mượn sư ông

Sư rằng cái đó tôi không có nào

Đồ là danh từ gì (gồm 3 chữ) ?

Anh B, cũng chẳng kém, dỗ lại anh A. câu đố như sau.

Chiều chiều chẳng có « cò » bay,

Hội không gánh nặng phải quay ra về ».

Đồ là danh từ gì (gồm 2 chữ) ?

Cả hai anh nghe xong câu đố của nhau, cùng nghĩ mãi không ra danh từ gì, nên cứ đi đi lại lại hết đầu cầu bên này lại qua đầu cầu bên kia mà thủy chung vẫn không nghĩ ra câu giảng. Nhờ có sự tuần sát cẩn thận chu đáo này mà một tên phá hoại định thừa cơ lúc sơ hở canh gác lên vào gài chât nổ phá cầu mà không được.

Hiện, giờ gác cầu đã hết mà hai anh A và B vẫn chưa nghĩ ra câu giảng. Vậy nhờ các bạn đoán hộ xem là những danh từ gì ?

BÚA THÉP

Những câu đố sẽ được giải đáp trong *Bạn-Dân* số tới.

PHÉP TOÁN LẠ

(tiếp theo)

— Khi nhân xong, cộng các số trong hàng « gạch chéo », bắt đầu từ góc cuối, bên phải, của khung vuông (hay chữ nhật). Cộng được bao nhiêu thì viết số thành (đơn vị) xuống dưới khung ở đầu gạch chéo, còn số nhớ (hàng chục hoặc hàng trăm) thì cộng với hàng cộng bên cạnh, và cộng như thế cho đến hết. Số thành của phép nhân kiểu này được đọc từ góc trên, tay trái khung vuông.

Nếu là phép nhân có số lẻ thì cũng tính số lẻ ở hai hàng có mấy con số thì đếm từ cuối số thành trở lên đúng mấy con mà phẩy vào.

Phép thử, tuy tài liệu cũ không có nói đến, nhưng chúng tôi thử theo kiểu thử phép nhân bây giờ thì cũng thấy đúng.

NHẬN XÉT VÀ PHÊ BÌNH

Với một thời gian quá xa xôi hàng mấy ngàn năm mà đã có một nền toán học như thế, đủ biết thời xưa tiến bộ lắm lắm.

Riêng về phép toán nhân, ta thấy cổ-nhân nghĩ ra cách thức làm khá gọi là có nhiều sáng kiến hay, mặc dầu trong đó cũng còn có điều khuyết điểm, thí dụ :

Trước khi làm, phải kẻ ô vuông, và kẻ đường chéo, đó là công việc đòi hỏi mất chút đỉnh thì giờ sửa soạn.

Còn về phần ưu điểm, ta nhìn thấy :

1/ Khi nhân đọc cửu chương làm sao viết làm vậy vào các tam giác; như thế, ta cảm thấy giản dị và minh bạch

2/ Bớt hẳn được một lần cộng xen vào ngay giữa khi đang nhân.

3/ Số nhân dù dài đến đâu cũng không ngại sai, lẫn.

4/ Lỡ có cộng nhầm, thì không phải soát lại hàng nhân, mà chỉ soát lại hàng cộng sau cùng mà thôi.

5/ Cách trình bày vuông vắn, gọn gàng mục và đỡ tốn giấy.

Như thế ta có thể kết luận là làm toán nhân theo kiểu này mau tìm thấy số thành hơn, và cũng đỡ sai, đỡ ngại khi phải nhân thật dài con số.

P. N. K.

Đây kiểu mẫu một phép nhân kiểu xưa.

	3	2	8	9	7	
	6	4	6	8	4	2
9	2	1	6	7	5	8
	4	6	4	2	6	
5	2	1	7	8	6	9
	7	8	2	1	3	
1	9	6	2	2	2	3
	9	6	4	7	1	
7	6	4	6	8	4	2
	7	6	0	0	4	

(tiếp theo trang 38)

đời sống tinh thần và vật chất cho dân da đen sau khi chiến tranh kết liễu, là cả một vấn đề mà chính phủ Liên-bang không giải quyết nổi.

Tình trạng xã hội rối loạn, nhiều người đã lợi dụng nó với lý do che chở cho những dân da màu, cổ tình xúi-gục người da đen nổi lên trả thù các chủ cũ của họ đã khai thác họ. Nhiều kẻ lưu linh lưu địa đến các tiểu bang miền Nam, chỉ mang theo mình một túi vải bằng tấm thảm trải nhà (carpet bag) được người miền Nam gọi là bọn « Carpet baggers ». Họ thu nhận các đồng lõa người miền Nam để làm nhiều việc bất lương, các bọn này được gọi là bọn Scalawags (thú vật hạng thấp kém). Hành động của bọn « Carpet baggers » với sự chỉ vẽ của bọn « Scalawags » gây thêm chia rẽ giữa da trắng và da đen làm cho tình thế càng thêm bi đát. Người da đen, trong lúc bồng bột không còn thích làm việc nữa mà chỉ chú trọng vào việc chính trị, ngược lại với mục đích của Quốc hội và Chính phủ là lo việc bảo vệ quyền lợi của người da đen được giải thoát : tìm việc làm cho họ, giúp đỡ họ xây cất nhà cửa, tóm lại giúp họ có phương tiện chuyển tiếp từ đời sống nô lệ sang đời sống tự do như người da trắng.

Trong lúc chưa đủ khả năng tự cai trị lấy, nhưng lại có quyền bầu cử, phần đông dân da đen bỏ phiếu ủng hộ các đảng viên Cộng Hòa hay bọn Carpet baggers. Bọn này khi có quyền lại thâm lạm công quỹ của các tiểu bang miền Nam và làm nhiều điều càn rỡ bất công. Trước cảnh ấy hỏi sao những người da trắng miền Nam không tìm cách chống lại quyền công dân của người da đen, những kẻ chưa trưởng thành về phương diện chính trị.

Chính trong hoàn cảnh chính-trị, xã hội này mà hội kín Ku - Klux-Klan ra đời và hoạt động của nó đã ảnh-hưởng đến ngày nay.

TẠI SAO CÓ CÁI TÊN QUÁI DỊ : KU-KLUX-KLAN ?

Tháng 8 năm 1866, những ngày buồn tẻ của thời kỳ chiến tranh Nam-Bắc vừa chấm dứt, nhiều người trẻ tuổi hội họp nhau tại văn phòng một trạng sư của thành phố Pulaski thuộc tiểu bang Tennessee, một thành phố nhỏ nhưng có nhiều nhà trí thức. Trong lúc cao hứng họ quyết định lập hội chỉ có mục đích họp nhau tìm cách

giải trí cho đỡ buồn. Họ rất sốt sắng và cố tìm đặt cho Hội một cái tên thật kêu và lạ lùng.

Lúc đầu có người đưa ra tên « Ku Khoi », một danh từ Hy - Lạp có nghĩa là hội, câu lạc bộ. Một người khác lại chữa danh từ ấy và đề nghị tên « Ku-Klux ». Người thứ ba thêm chữ « Klan » để chỉ một đảng, một nhóm hay một môn phái. Vậy là người ta đồng ý với tên « Ku-Klux-Klan ».

Nhiều sử - gia khác lại giải thích rằng tên « Ku-Klux-Klan » là âm thanh của một loại súng cổ phát ra khi người ta lên đạn. Một người khác lại cho rằng chữ Klux trong cái tên « Ku-Klux-Klan » là trạng thái biến đổi của danh từ la-tinh « Lux » có nghĩa là ánh sáng.

Không bao lâu Hội Ku-Klux-Klan do nhóm trí thức ở Pulaski thành lập đã trở thành một hội có tín cách chính trị và bí mật, có hành động đe dọa và thị uy với người da đen, chống lại bọn Carpet-baggers bất lương, ăn hại, chống các đảng phái cấp tiến và phong trào thống nhất « Loyal Union League » là những đoàn thể được chính phủ Liên-bang ủng hộ và đã ưu đãi các ứng cử viên Cộng-hòa tại các tiểu bang miền Nam. Không được công bố, nhưng mục đích của hội Ku-Klux-Klan lúc ấy ai cũng biết là kim bâm các cuộc bạo hành quá khốc hại trả thù của người da đen, bằng mọi hành động thị uy, đe dọa và nếu cần bằng võ lực để bảo vệ thiểu số dân chúng da trắng.

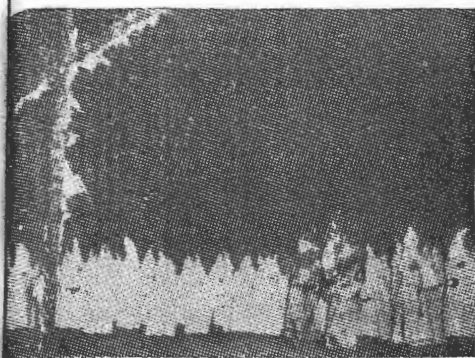
Được sự ủng hộ triệt để của người da trắng, Hội Ku-Klux-Klan đã bành trướng rất nhanh tại các tiểu bang Tennessee, Alabama và Georgia cùng các miền xa hơn nữa.

Để có thể thị uy cùng người da đen và bọn

« Carpet baggers », Hội cố gây cho dân chúng một ấn tượng huyền bí, rùng rợn bằng y phục lạ lùng, bằng những cuộc hội họp giữa rừng về đêm, bằng các cuộc lễ trang nghiêm, long trọng, các cuộc diễu hành bí phát động bất ngờ. Nhất là đối với người da đen thiểu học bản

*Y phục quái dị đầu tiên
của hội viên K. K. K.*





Một cuộc họp đêm trước thập
tự lửa của hội K. K. K.

tính rất sợ ma quỷ
và đêm tối, rất tin dị
đoan và mê tín, mà
hội Ku - Klux - Klan
đã tưởng tượng ra
đủ trò nói trên.

Y phục của hội
viên gồm có một mũ
« bô » bằng vải trắng
che cả mặt chỉ chừa
hai lỗ mắt để trông
(cagoule) và một áo
dài rộng phủ đến
chân cũng trắng có

gắn nhiều biểu hiệu quái dị. Các cuộc hội họp về đêm với
y phục trắng toát trên đồi cao hay trong những rừng
rậm, quanh một thánh giá đang cháy (croix de feu), hay
dưới ánh sáng chớp chồn của nhiều ngọn đuốc, với những
lời tuyên thệ lung tung, tất cả đều có vẻ huyền bí nhằm
đánh mạnh vào tư tưởng và óc mê tín, dị đoan tự nhiên
của người da đen.

Mùa hè năm 1867, một số cựu sĩ quan của quân
đội miền Nam có chân trong các chi hội Ku Klux Klan
họp tại thành phố Nashville thuộc tiểu bang Tennessee,
và chính thức thành lập hội này. Họ ra bản tuyên ngôn
ấn định lại quy tắc tổ chức và quy chế của hội, đề cử
các chức sắc cao cấp và phân chia vùng hoạt động. Hội
được gọi bằng « Đế quốc vô hình miền Nam » (Empire
Invisible du Sud). Chủ trương chính của Hội là « khuyến
khích tinh thần hiệp sĩ », nêu cao các « hành động thượng
vô » bác ái đối với nhân loại và cổ võ « tinh thần ái
quốc ». Hội tuyên bố sẽ :

1) Che chở, bênh vực những kẻ yếu, những
người vô tội, những người bị sỉ nhục, cô thế bị hành
hạ, áp bức. Đối với những kẻ chủ trương dùng võ lực
hay hành động vũ phu, Hội sẽ thẳng tay trừng phạt.
Ngoài ra Hội còn giúp đỡ những kẻ ốm đau, khổ sở,
nhất là những góa phụ, những trẻ con cô cút mà cha mẹ
là những chiến sĩ đã bỏ mình vì chiến tranh.

2) Bênh vực Hiến pháp Hoa-kỳ và luật lệ của nó,
bảo vệ các tiểu bang và dân chúng chống với mọi cuộc
xâm lăng bất cứ từ đâu đến.

3) Góp sức vào việc thi hành nghiêm chỉnh tất cả
các luật lệ hợp hiến, bênh vực nạn nhân các vụ cưỡng
đoạt tài sản bất hợp pháp hay trước những tòa án không
do các thẩm-phán chính thức xét xử đúng với luật lệ của
xứ sở.

TỔ-CHỨC HỘI KÍN KU-KLUX-KLAN.

« Đế quốc vô hình » được đặt dưới quyền lãnh đạo
của vị giáo chủ được gọi là « Grand Sorcier (phù thủy) »
Các chi hội đặt tại tiểu bang được gọi là « Royaume »
(Vương quốc), chi hội trưởng được gọi là « Grand Dra-
gon » (Rồng lớn), tổ chức tại các thành phố hay các đơn
vị bầu cử được gọi là « Dominion » (lãnh thổ) do các
« Grand Titan » (thần Titan) chỉ huy, và cuối cùng các tiểu
tổ « Caverne », « Dens » hay « Antre » được các tổ
trưởng « Grand Cyclope » (Thần độc nhãn) điều động và
hướng dẫn. Với tổ chức và hệ thống cấp bậc trên đây,
còn vài chức sắc như : « Grand Moine » (Sãi cả), « Grand
Scribe » (Đại pháp sư), « Grand Echiquier » (Tài
chánh), Grand Turc » (Người Thổ) và « Grand Sen-
tinelle » (Lính canh), giữ nhiệm vụ riêng biệt.

Các danh từ quái dị phần nhiều mượn của Đông-
phương vừa kể trên để gọi các tổ chức và chức sắc của
Hội không ngoài mục đích gây ấn tượng huyền bí cho
dân chúng và có tính cách tuyên truyền rõ rệt. Những
người gia nhập Hội phải thề như sau :

« Tôi, A... B... tự nguyện trước đấng tối cao và long
trọng thề không tiết lộ cho mọi hội viên nào của Hội...
(1) ... dù bằng lời nói, bằng dấu hiệu, bằng biểu hiệu,
hành động hay ngôn ngữ cũng như mọi cách khác, tất cả
các bí mật, dấu hiệu, khẩu hiệu hay tin tức gì liên quan
đến Hội... và không bao giờ cho bất cứ người nào được
biết tôi là hội viên hay biết vài người hội viên khác, và
tôi cũng nguyện giữ đúng quy chế và kỷ luật của Hội.
Xin ơn trên phù hộ ».

Năm 1871, Ủy-ban Quốc-hội Hoa-kỳ đặc biệt phụ
trách điều tra và nghiên cứu tổ chức và hoạt động của
hội kín Ku Klux Klan, « Đế quốc vô hình miền Nam »
còn cho biết một lời tuyên thệ khác như sau :

« Tôi, A... B... trước tòa án tối cao và phúc âm
thiên liêng, tình nguyện thề sẽ bênh vực cho công lý,
cho nhân loại, cho sự tự do hợp hiến như các tổ tiên
của chúng tôi để lại hoàn toàn đầy đủ. Chúng tôi tranh
đấu chống các đảng phái cấp tiến và không công nhận
các cứu cánh của nó. Chúng tôi cam kết tương trợ lẫn
nhau trong khi đau ốm, lúc nguy cấp cũng như khi
túng thiếu. Đàn bà, góa phụ và gia đình họ sẽ được
chúng tôi kính nể và tận tâm che chở, bảo vệ. Hội viên
nào đã tiết lộ hay làm tiết lộ những lời cam kết vừa kể
sẽ bị xét xử và chịu hình phạt dành cho kẻ phản bội,
nghĩa là tử hình ! tử hình ! tử hình ! »

(1) Tên đề gọi một tổ chức Ku Klux Klan không được
phép viết ra. Nó vẫn phải được đề trống đúng theo điều lệ
của Hội.

Hai lời thề khác nhau trên đây, chứn gở hội Ku-Klux Klan không có một hệ thống lễ nghi đồng nhất. Hội viên có thể bị khai trừ với đa số biểu quyết của các chức sắc và hội viên được gọi là « Ghouls » (Ghoule theo danh từ Pháp có nghĩa là loài yêu tinh). Nếu sau khi bị khai trừ, hội viên này vẫn cố ý tiếp tục đảm nhận chức vụ, tiếp tục lạm dụng biểu hiệu hay dấu vết gì của Hội, hoặc bằng cách này hay cách khác đòi hỏi tư cách hội viên của mình, họ sẽ bị trừng phạt. Sau khi bị trục xuất ra khỏi hội, hội viên vẫn phải tuyệt đối tôn trọng lời thề nghĩa là giữ bí mật của hội, và nếu làm trái vẫn bị xét xử như một hội viên phản bội.

HOẠT-ĐỘNG CỦA HỘI KÍN KU-KLUX-KLAN (1866-1871)

Hội viên Ku-Klux-Klan được gọi là « Ghouls », « Klanistes » hay « Chevaliers » (dũng sĩ) chỉ hành động gây sợ hãi, kinh hoàng trong các giới người da đen với các phương pháp thật trẻ con. Y phục kỳ dị của họ, ngoài mục đích này, còn nhằm che dấu hình tích của họ. Họ mặc áo dài trắng rộng có tay dài, đội mũ « bồ » nhọn (cagoule) hay mũ trùm kín mặt (capuchon) chea các lỗ mắt, mũi và miệng và quanh các lỗ này có viền vải đỏ làm tăng thêm vẻ quái vị và ghê rợn. Nếu có mũ trùm, họ còn thêm cả cái sừng nhọn trông được dồn bông gòn và ngoài cột bằng chỉ đỏ. Họ còn nghĩ đến cách che giấu giọng nói và lời lẽ bằng cách dùng nhiều tiếng lóng bí mật chỉ riêng họ hiểu với nhau. Cuối cùng họ vũ trang bằng súng lục, dao găm hay gậy.

Các phương pháp của hội K.K.K. dùng để gây sợ hãi, kinh hoàng cho người da đen hầu đe dọa họ, lúc đầu không có tính cách nguy hiểm và người ta cũng tưởng nó chỉ giới hạn trong mục đích đầu tiên này thôi. Hội còn tổ chức các cuộc diễn hành trong thành phố về đêm với đồng phục quái vị của hội viên nhằm tuyên truyền, đe dọa và lung lạc tinh thần người da đen.

Có người đã chứng kiến cuộc diễn hành đầu tiên của Hội Ku-Klux-Klan tổ chức vào đêm 4 tháng 7 năm 1867 tại thành phố Pulaski. Người ấy đã thuật lại như sau :

« Một ngày trước, khắp thành phố đều có dán bố cáo : « Hội K.K.K. sẽ diễn hành trên các đường phố trong đêm 4.7. 1867 ». Dân chúng tại đây và các vùng lân cận tựu tập thành hàng rào dọc theo các ngã đường để chờ xem cuộc diễn hành.

« Các hội viên ở miền quê phải khởi hành từ buổi trưa và từng người một hay từng nhóm vài ba người, họ đi đến thành phố, y phục và vũ khí được giấu kín trong

hành lý của họ. Đêm đến, họ tập hợp tại nhiều địa điểm trong thành phố đã được định trước. Nơi đây họ mặc y phục quái vị của họ vào, phủ lên lưng ngựa của họ nhiều vải màu mè sặc sỡ. Xong đâu đấy, họ chờ lệnh... Một tiếng pháo hiệu thẳm thiên được nổ lên tại một nơi nào đấy trong thành phố, và cuộc diễn hành bắt đầu. Tất cả các nhóm hội viên K.K.K. đều hướng về trung tâm thành phố, họ đi một cách yên lặng, rất có kỷ luật, không có tiếng nói chuyện, các lệnh được truyền bằng tiếng còi. Các « Dũng sĩ » đi ngựa sắp hàng dài, im lặng đi đi, lại lại

khắp các nẻo đường, tốp đi về hướng Bắc, tốp hướng Nam rồi trở lại. Với cách diễn hành này, hàng ngũ của họ không có đầu cũng không có đuôi, nó làm cho người ta có cảm tưởng họ là một số người vô cùng đông đảo. Họ diễn hành như vậy độ 2 giờ đồng hồ, sau đấy họ rút lui và giải tán cũng trong sự im lặng như lúc bắt đầu làm cho mọi người lấy làm kinh ngạc... Có người cho rằng họ có đến 3000 người, nhưng thật sự họ chỉ có không hơn 400 ».

Nhưng các trò quái gở của hội K. K. K. đối với người da đen cùng các cuộc biểu diễn thị uy trong đêm tối dần dần thúc đẩy các hội viên đến những hành động quá khích, đến các cuộc bạo động, tra tấn, hành hạ dã man người da đen cũng như người da trắng nào dám chống đối họ, đến những cảnh « bồ ráp » (được gọi là razzia) và cuối cùng đến các cuộc ám sát từng cá nhân hay tàn sát tập thể. Hội viên K. K. K. với đồng phục tuần hành trên các đường chính của thành phố vào những giờ nhất định, gặp người da đen là họ đánh đập bằng roi da. Hành động vũ phu này càng ngày càng tỏ ra tàn bạo dã man, nhiều người da đen đã bị đánh đập đến chết.



Một hội viên K. K. K. tuyên thệ trước một gốc cổ thụ : « Thượng Đế là nơi trú ẩn và sức mạnh của chúng ta »

Hội kín Ku Klux Klan đã tỏ ra là một tổ chức vừa phân dân chủ vừa có vẻ là kết quả của một vài tưởng tượng của thú tính hay ý thích quảng cáo phô trương. Hội tự phô trương bằng cách mời báo chí đến chứng kiến một vài hành động của Hội : phóng viên nhà báo được mời đến tại một địa điểm vào một ngày giờ nhất định, thường là ban đêm, tại đây có người của Hội đợi sẵn, bịt mắt nhà báo và dắt họ đi đến nơi hành động. Nhà báo sẽ được chứng kiến một cuộc hành hạ, đánh đập người, xong nhà báo lại được bịt mắt dẫn trở về chỗ cũ. Nhiều khi người ta được biết những nơi Hội K. K. K. đã thi hành thủ đoạn, do các dấu vết như dấu máu, quần áo rách v. v. . . Trong những năm sau khi chiến tranh Nam Bắc kết liễu, roi da là loại vũ khí đã làm cho người da đen kinh sợ hơn hết. Với các cuộc khủng bố này, Hội K. K. K. hy vọng ngăn cản được người da đen ủng hộ bọn « Carpet-baggers » và các đảng viên cấp tiến Cộng-Hòa. Hành động khủng bố của Hội K. K. K. vẫn liên tiếp xảy ra trong một thời gian năm năm sau cuộc phân tranh Nam-Bắc.

CHÍNH QUYỀN CAN THIỆP

Những vụ cướp bóc, sát nhân xảy ra thường xuyên cho đến năm 1871 làm cho dư luận trong nước sôi nổi và lên tiếng chống lại « Đế quốc vô hình ». Đối với phần đông dân chúng trong nước hẳn nói đến đảng viên K. K. K. là người ta cho rằng đây là một kẻ sát nhân. Một số quan trọng người da trắng tại các tiểu bang miền Nam cũng tỏ lòng công phẫn đối với các hành động quá khích của Hội kín Ku Klux Klan. Tờ báo Weekly-Union Times, số ra ngày 17 tháng 7 năm 1871 viết rằng :

« Nhiều người đã than phiền và lên án các hành động bạo lực của hội viên K. K. K. Chúng tôi đang bị chính quyền địa phương áp bức, nhưng chúng tôi không muốn chính quyền này bị lật đổ bằng vũ lực. Chúng tôi không phải là những kẻ bệnh vực Hội Ku-Klux-Klan. Chúng tôi cũng không thể tha thứ những kẻ tự cho mình có quyền trừng phạt những lỗi lầm của người da trắng. Tội lỗi lười cuồn thêm tội lỗi chó tự nó không thể chứng minh được : giết một người là trọng tội, nhưng vừa là biện lý, vừa là thẩm phán vừa là cảnh sát cũng là một trọng tội ghê gớm, một trọng tội « hợp pháp » và hợp « luân lý », một trọng tội đối với người duy nhất có quyền trả thù. Có thể là không có công lý đối với chúng ta, nhưng chúng ta nên chịu đựng và chờ đợi. Không có chính phủ còn nguy hơn là có một chính phủ vụng về và bất công. Vô chính phủ còn hơn là bất công... »

Với dư luận dân chúng như thế, ngày 18 tháng 3 năm 1871, Thượng nghị sĩ John Sherman thuộc tiểu bang Ohio đã tuyên bố trước Quốc hội :

« Tôi không tin rằng có một nghị sĩ nào của Hoa-kỳ sau khi đã xem bằng kê các trọng tội do loài người phạm phải từ xưa đến nay mà có thể kể một hội nào, một cuộc âm mưu nào, một nhóm người nào đã có hành động hay mưu mô ác độc hơn Ku-Klux-Klan. Vì đã bí mật tuyên thệ, họ đã và đang giết chóc, cướp bóc, đánh đập và tàn phá, và họ đã phạm các trọng tội này không phải đối với những kẻ giàu có và thế lực mà lại đối với những người yếu kém, nghèo khổ hoàn toàn không có phương tiện tự vệ . . . »

Chính phủ Liên bang liền quyết định can thiệp. Năm 1871, Quốc hội biểu quyết một đạo luật tuyên bố giải tán hội Ku Klux Klan. Nhưng người ta còn nhớ hai năm trước đó, « Giáo chủ » Forrest cũng đã từng chính thức tuyên bố giải tán hội K. K. K. Quyết định này không được tất cả các tiểu tổ của Hội tôn trọng và nhiều tiểu tổ có xu hướng tự trị không nhận mệnh lệnh của người lãnh đạo nữa.

Tuy nhiên, dần dần hội Ku Klux Klan đầu tiên này không được thấy hoạt động nữa. Nó không hoạt động không phải vì sự cấm đoán của chính phủ Liên bang hay của « Giáo chủ », lãnh tụ tối cao của nó; không có luật lệ nào trên thực tế ngăn cản hoạt động của nó, nếu không do hoàn cảnh chính trị, xã hội đã thay đổi. Tinh thần trả thù và đàn áp của người miền Bắc đối với miền Nam đã dịu dần; quân đội của chính phủ Liên bang đã rút khỏi các tiểu bang miền Nam. Các tiểu bang này với nhiều phương pháp bầu cử đã tước đoạt quyền công dân của người da đen và đã thu hồi được các ưu-thế kinh-tế, xã hội và chính trị. Lý do tồn tại của hội Ku Klux Klan do đấy không còn nữa...

(Kỳ sau tiếp)



**BẠN
DÂN**

- **Bạn Hoàng-dinh-Lương** (Sông Mao).— Trông thư bạn đề gởi tiền nhuận bút. Cứ gởi sáng tác đến tòa soạn.
- **Bạn Lê-xuân-Nhuận** (Banmethuật).— Tòa soạn đang chuẩn bị cho số Sông Thát. Đã có thư cho bạn.
- **Quý bạn hỏi về bài đăng vào Bạn-Dân.**— Tòa soạn sẽ chọn đăng những bài hợp với tôn chỉ Bạn-Dân. Sẽ tùy giá trị mà định tiền nhuận-bút.

Mở đầu cuộc tấn công, đơn-vị C cho nổ 2 quả mìn cùng một lúc và đồng thời lực lượng D rót trọng pháo vào các vị-trí của địch ; trong khi đó, Đại-đội 124 phục kích bố-trí hướng Tây Bắc và Đại-đội 121 từ hướng Đông Nam, tiến bao vây và bắn xối xả vào hàng ngũ địch. Những tràng trung-liên, tiểu-liên, súng trường, lựu đạn hòa cùng với những tiếng hô « xung phong » của các chiến-sĩ thuộc Đại-đội 124 và 121 trong những đợt tấn công làm át cả những tiếng rên la, gào thét của địch.

Bị bao vây tứ phía và bị trọng pháo của các lực lượng yểm trợ của ta tiếp tay rót đạn vào giữa phòng tuyến của chúng, bọn chúng rối loạn hàng ngũ, không kịp trở tay bố trí, vừa bắn vừa rút lui, dẫm, đạp lên nhau mà chạy kéo theo nhiều đồng bọn tử thương.

Sau gần một giờ giao tranh, địch bỏ lại trên chiến trường nhiều xác chết, trong đó có 1 tên chỉ-huy và 1 Huyện-Ủy. Chiến-trường loang đầy máu, chúng tỏ chúng đã mang theo nhiều tên chết hoặc bị thương, có thể tới 2/3 quân-số bị loại khỏi vòng chiến.

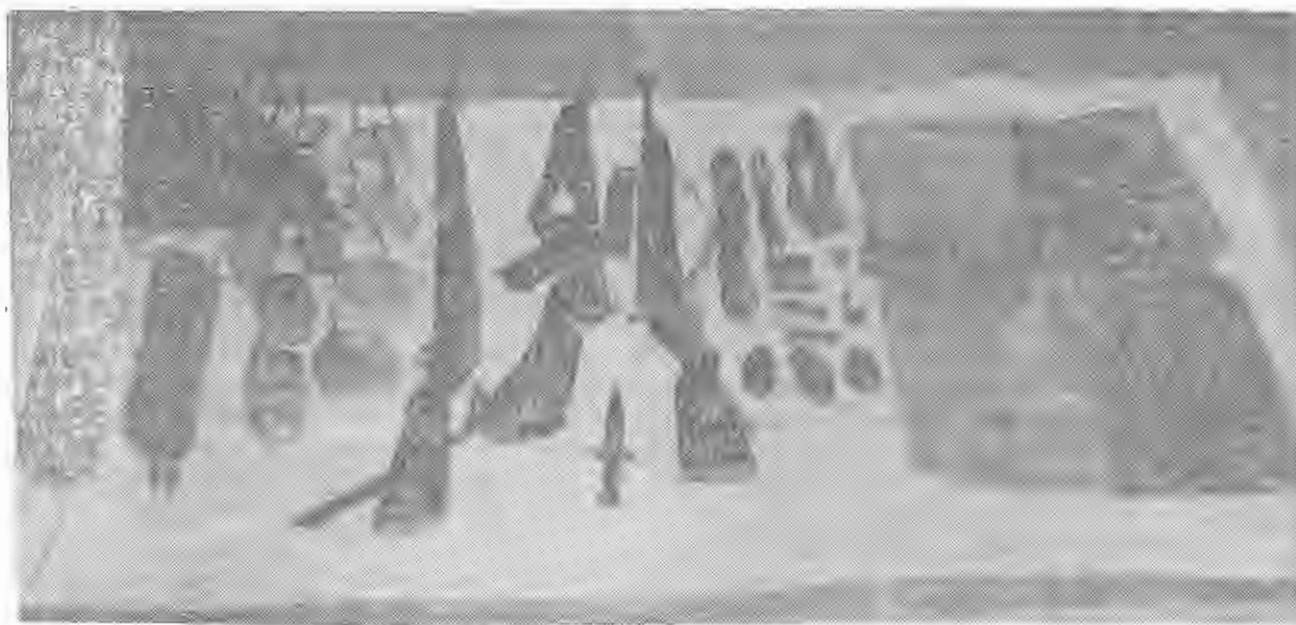
Ngoài ra, ta còn phá hủy của địch tại xã Long-Thượng 3 hầm bí mật lớn, nhiều hầm chông cùng tịch thu được một số chiến lợi phẩm và tài liệu quan trọng như sau :

— 1 thompson, 2 súng trường, 2 carbine nội hóa, 2 mìn chống chiến-xa, 18 lựu đạn , 14 hầm chông sắt,

Đêm 11-5-1963, sau khi được tin mật báo của nhân dân cho biết tiểu đoàn 316 cơ động của Việt-Cộng ở quận Cần-giוע và chi-bộ của chúng ở xã Long-Thượng (Long-An) phân tán lên lút về hoạt động khùng-bổ đồng bào, đương sửa soạn tập trung đánh phá ấp chiến-Lược Tân-Điền, Tiểu-Đoàn 611 Cảnh-Sát Chiến-đấu lên đường diệt địch.

Lực lượng chiến đấu của Cảnh-Sát Quốc-Gia đến địa-điểm hành quân vào khoảng 4 giờ khuya, cách vị trí địch hơn 1 cây số.

Cuộc hành - quân diễn ra chớp nhoáng sau khi hai chiến-sĩ « quyết tử » của ta lợi dụng đêm tối lên bờ được vào phòng tuyến của địch để thăm dò tình hình và đặt được 2 quả mìn ở ngay hai cửa hầm của địch.



Chiến lợi phẩm do Tiểu-Đoàn 611/CSCĐ tịch thu được của Việt-Cộng tại-Cần giוע đêm 11-5-1963

1 hòm chất nổ, 5 bao gạo, 500 thước dây điện, 1 còi « Mặt trận giải phóng miền Nam », 1 số dao găm, đạn thompson, dụng cụ làm chất nổ, quân trang cùng nhiều tài liệu học tập của đảng Cộng-Sản và hình ảnh duyệt binh của ngụy quyền Hà-Nội.

TIN TỨC TU NGHIỆP

• Trong tháng 5-1963, có 4 khóa tu-nghiệp đã được khai giảng :

- Khóa 16 Tác-xạ có 29 nhân viên thụ - huấn.
- Khóa 15 Huấn luyện Sơ cấp có 429 —
- Khóa 3 Đào-tạo n/v đánh máy có 13 —
- Khóa 6 Cảnh sát Căn bản có 80 —

• Cũng trong tháng 5, có 5 khóa tu nghiệp làm lễ bế-giảng :

- Khóa 14 Huấn luyện Sơ-cấp có 465 nhân viên
- Khóa 5 Cảnh-sát Căn-bản có 78. —
- Khóa 8 Cảnh-sát Căn-bản có 60 —
- Khóa 3 Cảnh-sát Căn bản có 38 —
- Khóa 16 Tác-xạ có 29 —

SINH HOẠT CỦA CHI ĐOÀN C. C. C. M. Q. G. TỔNG NHA C. S. Q. G.

Trong tinh thần tương thân, tương trợ, cuối tháng 5 vừa qua, đoàn-viên của chi đoàn C.C.C.M.Q.G. Tổng Nha C.S.Q.G. đã quyên mỗi người 15 đ. để trợ giúp 2 vụ từ trần và 5 đoàn viên hồi hưu :

1— Đoàn-viên Bùi-công-Long từ trần ngày 24-2-1963,

2— Vợ đoàn-viên Huỳnh-phúc-Hiếu, từ trần ngày 8-3-63

3— Đoàn viên Đoàn-văn-Tân, hồi hưu ngày 16-1-63,

4— Đoàn-viên Phạm-khắc-Thâm bị nghỉ việc vì lý-do sức khỏe ngày 16-1-63

5— Đoàn - viên Dương-văn-Sở, hồi hưu ngày 19-1-63.

6— Đoàn viên Phạm-văn-Đang hồi hưu ngày 5-2-63.

7— Đoàn-viên Huỳnh-văn-Khiêm hồi hưu ngày 2-3-63.

CHỖ TRÌNH - SÁT

(Tiếp theo trang 8)

Sau phần huấn luyện tấn công suông này, người ta sẽ tập chỗ quen tiếng nổ, bằng cách cho người mới dùng súng bắn đạn mả-từ khi bị tấn công. Lúc đầu nghe tiếng nổ, chó hơi sợ và có con thụt lùi, nhưng nhờ có chủ đốc suất, chó tự tin. Trước khi phân loại chó để tập chuyên môn, người ta có trắc nghiệm nó về tiếng động rồi.

LỤC SOÁT VÀ TÌM KIẾM

Giai đoạn chót người ta huấn luyện chó về cách lục soát và tìm kiếm người hay vật qua các biệt thự, nhà cửa, vùng cây âm u rậm rạp, cơ xường, hay những nơi mà chó có phận sự canh gác và tuần tiễu.

Chương trình huấn luyện gồm có : vượt các chướng ngại như nhảy rào, nhảy cao, nhảy dài, phóng qua cửa sổ treo thang, bò qua các cống, lục soát từ phòng và gian nhà, cho gặm các đồ vật, tìm nha phiến, mìn, vũ khí, v. v...

Trên một chiếc xe, nhà chức trách nghi có giấu đồ quốc cấm như nha phiến, Cảnh-sát cho chó trình sát lại lục soát. Chó đèn, sau khi đánh hơi từ hành khách, người nào không có thì thôi, nếu có, chó sủa để báo cho chủ biết. Cũng như trên xe có giấu nha phiến, chó lấy được thì gặm mang về cho chủ, bằng không nó sủa cho chủ biết để tới lấy.

GIẢI ĐOẠN CHỖ XÉT NHÀ

Trước khi tập chó xét nhà, chủ và chó phải có kinh nghiệm về lối tấn công và lục soát người ở ngoài phố rồi mới đến xét nhà.

Khi có lệnh tấn công hay xét một căn nhà nào đó, người ta cho người mới núp trong nhà ở cánh cửa đi vào, tay mặt thủ bao tay, tay trái cầm cành cây nhỏ, để khi nào chó xông vào, người mới bắt thành linh cầm cây đánh chó để khùng bỏ tinh thần nó. Trường hợp này, chó nào sợ nhảy lui ra, con nào can đảm hăng tiết lên nhảy đèn tấn công người mới liền. Người mới đưa tay có mang bao ra chiến đấu với chó, đồng thời tay trái đánh chó.

Sau khi tập cho chó tấn công xong người mới ở cửa trước, lần lượt cho nó vào nhà, lục soát các gian phòng mà người mới đã ấn núp sẵn để chó tấn công thêm đợt nhì. Lần này không cho người mới cầm gậy đánh chó nữa mà để chó tấn công tự nhiên. Lối huấn luyện này tập cho chó quen để khi đi công tác, chó biết thế nào là lục soát và tìm người trong nhà.

KẾT LUẬN.

Nhận xét sự lợi ích của chó trình sát nên các quốc gia bạn đã xúc tiến mạnh về bộ môn này. Gần đây trên chiến trường Việt-Nam, chúng ta đã thấy xuất hiện hai loại vệ khuyển và thám khuyển đã giúp ích rất nhiều cho Quân-đội trong công cuộc chống du-kích và bảo vệ an-ninh cơ sở.

Riêng ngành Cảnh-sát Quốc-Gia, bộ môn mới này sẽ hứa hẹn nhiều kết quả tốt đẹp, nếu có phương tiện.

T. K. V.

THẾ GIỚI CÓ GÌ LẠ ?

(Tiếp theo)

linh tại Damas trước rồi Bagdad sau, hai chính phủ Si-Ri và I-Rắc đã ra lệnh bắt giam tất cả các sĩ quan thân Nasser và buộc họ tội âm mưu đảo chính. Nhiều Bộ-trưởng thân Nasser cũng bị bắt buộc từ chức đồng thời tất cả các chức vụ quan trọng của bộ máy chính quyền được giao cho các nhân vật đảng viên đảng Baas. Trước đây trong các cuộc hội họp với Si-Ri và I-Rắc, Nasser vẫn có thái độ ôn hòa với đảng Baas tại hai quốc gia này do đây mà Nasser lấy làm ngạc nhiên về thái độ của đảng này trong lúc ông đang thân hành viếng thăm An-Giê-Ri. Cuộc âm mưu gây rối tại Jordanie để lật đổ vua Hussein thất bại đồng thời Anh, Mỹ lại tuyên bố bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của Do-Thái và Jordanie tại Trung-Đông, tất cả đều làm cho cái mộng thống nhất các quốc gia Á-Rập dưới bàn tay của Nasser tan vỡ.

Hai quốc gia Si-Ri và I-Rắc sau khi phá tan âm mưu đảo chánh của phe thân Nasser, liên kết nhau và chuẩn

bị đề phòng mọi phản ứng của phe này. Cuộc công du của Nasser sang An Giê-Ri để thuyết phục nước này tham gia Cộng-Hòa Á-Rập thống nhất do đây mà thất bại. Đài bá âm Le Caire đã mắng chửi thậm tệ các đảng Bass Si-Ri và I-Rắc bằng những danh từ : « bọn khùng bô, bọn gian xảo, bọn quỷ quyết. »

Nếu Nasser không thay đổi hẳn lập trường liên kết các quốc gia Á-Rập trên một căn bản rộng rãi hơn, hoặc không bỏ hẳn chính sách âm mưu đảo chính tại các quốc gia này thì cái mộng thống nhất dân tộc Á-Rập của ông khi thành sự thật. Đó là chưa kể đến việc thống nhất này đã làm cho các nước Tây phương hiện đang còn nhiều quyền lợi tại Trung-Đông, cũng như quốc gia bé nhỏ Do-Thái không thể nhìn bằng cặp mắt có thiện cảm được.

IN-ĐÔ-NÊ-XIA VÀ ĐẠI MÃ-LAI

Đại hội nhân dân In-Đô-Nê-Xia (?) đã biểu quyết yêu cầu Tổng-Thống Soekarno đảm nhiệm chức vụ Tổng-Thống suốt đời. Ông Soekarno, trong bài diễn văn đọc tại Bandoeng ngày 20-5, đã nhận lời thỉnh cầu này, tuyên bố rằng ông sẽ vận dụng mọi khả năng và quyền hạn của mình để xây dựng một xã hội công bằng và thịnh vượng. Ông nói : In-Đô-Nê-Xia phải áp dụng chủ nghĩa xã hội mới có thể thắng tình trạng bất ổn định của nền kinh tế và chủ nghĩa xã hội không thể xây dựng trong một ngày, một năm hay ro năm.»

Trong lúc ấy, tại nhiều thành phố của Đông Java, nhiều cuộc nổi loạn bài người Trung-Hoa đã xảy ra. Dân chúng đã đập phá các cửa hiệu, đốt xe ô-tô của người Trung-Hoa. Nhất là tại Surabaya, sinh viên đã biểu tình bạo động làm cho Cảnh-sát và Quân-đội phải can thiệp để lập lại trật tự. Nhà cầm quyền phải thiết quân luật trong thành phố. Tổng-Thống Soekarno đã lên án các cuộc nổi loạn này và cho rằng nó do một



Tổng-Thống Soekarno
tại Tokio (Nhật)

nhóm phá hoại ngoại quốc điều khiển, những người In-Đô-Nê-Xia kỳ thị chủng tộc là những kẻ phản cách mạng cần phải được trừng trị.

Tình hình kinh-tế trong nước thì càng ngày càng suy sụp. Người ta ước lượng từ 60 đến 80 0/0 tài sản của người Trung-Hoa bị phá hủy, và loss 20.000 người Tàu đã bỏ nhà đi lánh nạn. Tiền tệ lại bị phá giá : giá chính thức 1 đô la Mỹ là 45 rúp-bi In-Đô-Nê-Xia nay lên đến 315 rúp-bi và giá chợ đen thì đến 1500 rúp-bi. Trong nước gạo bị thiếu hụt luôn, mức sản xuất cao su và dầu dừa lại tụt xuống. Sinh-viên đã biểu tình với biểu ngữ : « chúng tôi đang đói » trước thiếu số người Trung-Hoa giàu có. Đa số người In-Đô-Nê-Xia nói đây bài ngoại sau một cuộc xung đột giữa sinh viên In-Đô-Nê-Xia và Trung-Hoa tại Trường Kỹ-thuật Bandoeng, Tuy vậy tình hình này vẫn không làm cho Tổng-Thống Soekarno lo ngại và ông đã quyết định đi vòng quanh thế giới sang các nước Nhật-Bản, Nam-Tư, Áo, La-Mã và Pháp. Tại thủ đô Nhật bản ông đã hội đàm cùng Thủ tướng Mã Lai Abdul Rahman để cò tìm biện pháp ôn hòa giải quyết vấn đề thành lập Đại Mã-Lai

TÌNH HÌNH LÀO.

Hơn hai tháng nay cuộc xung đột giành Đông-Chum giữa hay lực lượng



Gamal Abdel Nasser
Tổng-Thống Ai-Cập

Pathet Lào và lực lượng Trung-lập Khong-Le vẫn tiếp diễn. Thủ-tướng Souvanna Phouma vẫn cố gắng tìm cách gặp gỡ lãnh tụ Pathet Lào là Souvhanouvong và các lãnh tụ Neo-Lao Haksat để thu xếp chấm dứt xung đột nhưng đã nhiều lượt các lãnh tụ sau này tìm có thoái thoát. Cuối cùng Thủ tướng Phouma đành kêu gọi sự can thiệp của hai đồng chủ tịch Hội-nghị Genève là Anh và Nga. Hai nước này sau khi được Ủy-hội Quốc-tê Kiểm-soát Đình-chiến phúc trình tình hình Lào đã gửi một thông điệp kêu gọi hai bên nên tôn trọng thỏa thiệp Genève, đồng thời hai nước này hoàn toàn chấp thuận ý muốn của phe Trung-lập duy trì hòa bình, sự thỏa thuận và sự Trung-lập của Vương quốc Lào. Thông-diệp cũng kêu gọi Thủ-tướng Phouma nên mời các phe hội họp tại một nơi do Thủ-Tướng đề nghị và có đủ an ninh cho các phái đoàn của ba phe. Hai nước Đồng Chủ-tịch Hội nghị cũng bày tỏ ý muốn tất cả các phe ở Lào nên giúp đỡ và hợp tác với Ủy-Hội Quốc tề để cơ quan này có khả năng và phương tiện kiểm soát việc thi hành thỏa hiệp và báo cáo kịp thời tình hình cho hai nước Đồng Chủ-tịch. Thông điệp này đã được đưa đến cho Thủ-Tướng Phouma và cho lãnh tụ Pathet Lào.

Trong lúc ấy Hoa-Thịnh-Đồn vẫn theo dõi tình hình Lào sau khi sáng kiến của Anh và Nga đã được đưa ra. Nhưng sáng kiến này cũng không có gì mới lạ, nếu Nga vẫn không có đủ khả năng ép buộc Pathet Lào và Neo Lao Haksat ngồi vào bàn tròn cùng với các phe khác. Hay là Nga chơi cái trò vừa đánh trống vừa ăn

Quân Pathet Lào



cướp, hoặc giả không còn đủ uy lực để dạy bảo đám đàn em trong lúc đám này đã bị Trung-Cộng và Việt-Cộng giật dây. Một sĩ quan cao cấp phe Trung-lập Lào tóm tắt tình hình bằng một câu than phiền sau đây : «Cuộc thương thuyết chậm như rùa trong lúc chiến tranh bành trướng nhanh

như thỏ chạy. Và trước khi cuộc nói chuyện hòa bình được quyết định, Lào đã lâm vào tình trạng chiến tranh từ lâu».

Chiến thuật của Cộng-sản vẫn là đánh trước rồi thương thuyết sau và cuộc thương thuyết do đây vẫn đưa đến thắng lợi cho họ. Cảnh Đồng Chum nếu bị mất, phe Cộng-sản sẽ hoàn toàn kiểm soát 2/3 nước Lào chỉ trừ những lực lượng lẻ tẻ Mèo mà họ sẽ ra tay thanh toán sau.



KHỎI ANZUS VÀ CHIẾN TRANH Ở VIỆT-NAM

Khởi Minh - Ước Anzus là một khởi Liên-Minh phòng vệ quan trọng ở Thái-Bình-Dương và Á-Đông, gồm Đông-Nam-Á. Chữ Anzus lấy chữ đầu của 3 nước Australie (Úc) New Zeland (Tân Tây Lan), United States (Mỹ).

Trong 2 ngày 5 và 6 tháng 6, Hội nghị Liên Phòng Anzus đã nhóm họp tại Wellington (Tân Tây Lan).

Hội nghị có công bố một thông cáo hôm 6-6-63 cho biết rằng Hội nghị đã kiểm điểm những biện pháp gần đây tại Á-Châu trong miền Tây Nam Thái-Bình-Dương và những cuộc thảo luận tại Hội-nghị đã diễn ra trên một tầm độ rộng lớn và đầy đủ.

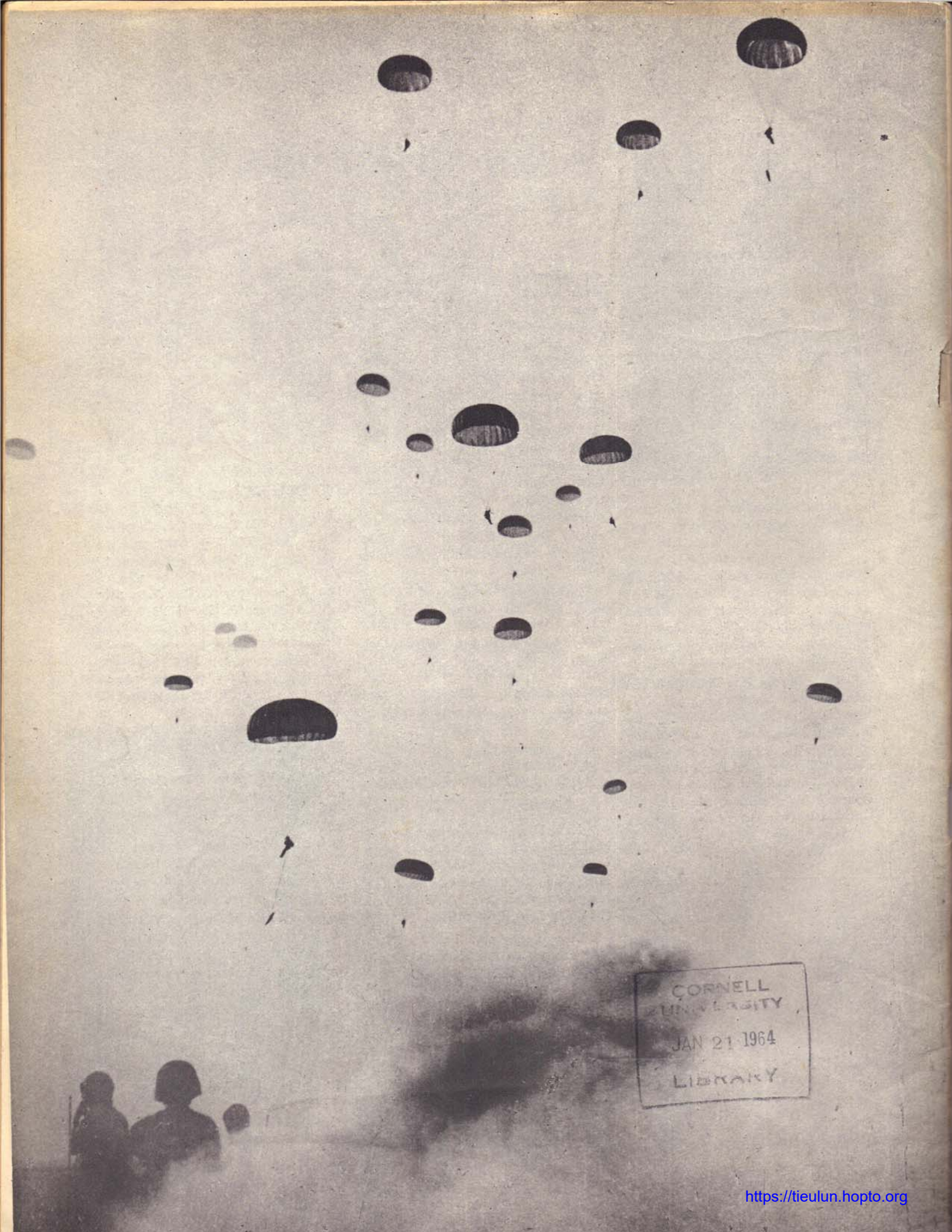
Sau đây là bản dịch nguyên văn đoạn thông cáo của Hội nghị Anzus liên quan đến Việt Nam :



Thủ Tướng Souvanna Phouma tại Đồng Chum
(đứng bên trái là Tướng Khong Le)

« Các vị Bộ Trưởng (của Minh ước Mỹ — Úc — Tân Tây Lan) ghi nhận rằng miền Nam Việt Nam tiếp tục bị du kích quân Việt cộng tấn công và bọn du kích này do Bắc-Việt điều khiển và nâng đỡ. Các vị Bộ Trưởng đồng ý nhận thức rằng Chính phủ Việt Nam đã chiếm lại được quyền chủ động trong tay Việt cộng trong mấy tháng vừa qua, song le mặc dù tiềm lực của quân đội Việt Nam đã tăng nhiều và chương trình áp chiến lược đem lại sự bảo vệ an toàn cho một phần càng ngày nhiều dân chúng, con đường đưa đến hòa bình và ổn định của Việt Nam trong tương lai có vẻ còn dài và khó khăn, bởi vậy phải cần đến một nỗ lực liên tục, mãnh liệt và bền bỉ của Chính phủ và nhân dân Việt Nam cũng như của các nước bạn của Việt Nam trong thế giới tự do. Một điều rất cần thiết về tình hình quân sự ở miền Nam Việt Nam có kèm theo một tiền đề mới mẻ về mặt kinh tế và xã hội. Các vị Bộ-trưởng rất phấn khởi trước sự thành công của chương trình định cư một số lớn dân chúng người Thượng bị nạn, trước những biện pháp nhằm cải thiện nền kinh tế nông thôn, trước việc ban hành chính sách Chiêu hồi để các phần tử Cộng sản muốn quy chánh có cơ hội trở về đời sống thái bình, và để tiếp nhận cùng định cư những người ấy. »

T. Đ.



CORNELL
UNIVERSITY
JAN 21 1964
LIBRARY